



ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)  
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUÝ NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

## VỞ BÀI TẬP

# Toán 1

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)  
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUÝ NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

# VỞ BÀI TẬP

# T<sub>oán</sub> 1

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ nhất)

# Cánh Diều

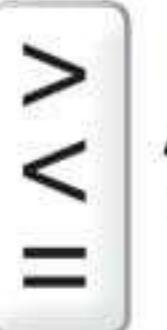
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



## KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



Số ? Viết số thích hợp vào trong ô



> ? < ? = ? Viết dấu (>, <, =) thích hợp vào trong ô



Bài tập luyện tập, thực hành



Bài tập vận dụng

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VỞ BÀI TẬP TOÁN 1

**Vở bài tập Toán 1** (gồm 2 tập) là cuốn sách đi cùng với sách giáo khoa Toán 1 (Tổng Chủ biên - GS.TSKH Đỗ Đức Thái và Chủ biên - PGS.TS Đỗ Tiến Đạt), được biên soạn nhằm: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của dạy học môn Toán lớp 1; Giúp các em học sinh lớp 1 và các thầy cô giáo thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tăng cường khả năng hoạt động độc lập, tự học có hướng dẫn, tạo cơ hội hình thành và phát triển năng lực học tập môn Toán cho học sinh.

Khi sử dụng **Vở bài tập Toán 1** cần chú ý một số điểm sau:

1. **Vở bài tập Toán 1** gồm các bài tập/hoạt động thực hành tương tự như các bài tập/hoạt động thực hành trong sách giáo khoa Toán 1, nhưng được trình bày để tạo điều kiện cho học sinh trực tiếp ghi lại bài làm hoặc trình bày sản phẩm của cá nhân. Trong các tiết học toán, thầy cô giáo có thể hướng dẫn học sinh làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong sách giáo khoa Toán 1. Học sinh cũng có thể sử dụng vở bài tập này khi tự học hoặc ôn tập.
2. Sau mỗi chủ đề, **Vở bài tập Toán 1** có giới thiệu các bài kiểm tra, tạo điều kiện để học sinh tự đánh giá và giúp các thầy cô giáo, cha mẹ học sinh đánh giá sự tiến bộ của học sinh.
3. Trong cùng một buổi học không nên yêu cầu học sinh vừa làm bài tập trong sách giáo khoa vừa làm các bài tập cùng dạng trong vở bài tập này, tránh gây nặng nề không cần thiết.

**Các tác giả**

**Bài 1**

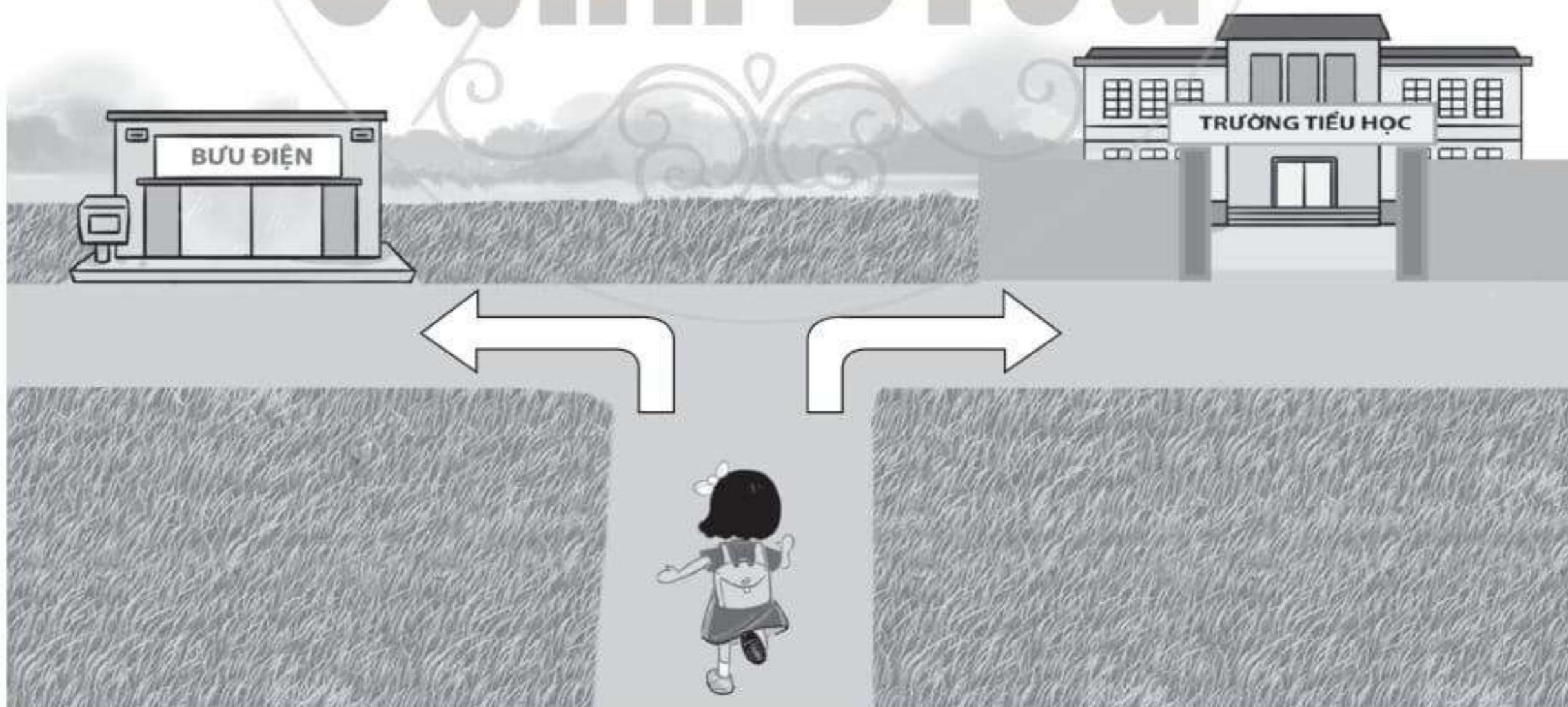
**TRÊN – DƯỚI. PHẢI – TRÁI  
TRƯỚC – SAU. Ở GIỮA**

**1 Quan sát hình vẽ:**

- a) Khoanh vào các đồ vật trên mặt bàn.
- b) Đánh dấu ✗ vào đồ vật bên tay trái em bé.
- c) Đánh dấu ✓ vào đồ vật bên tay phải em bé.



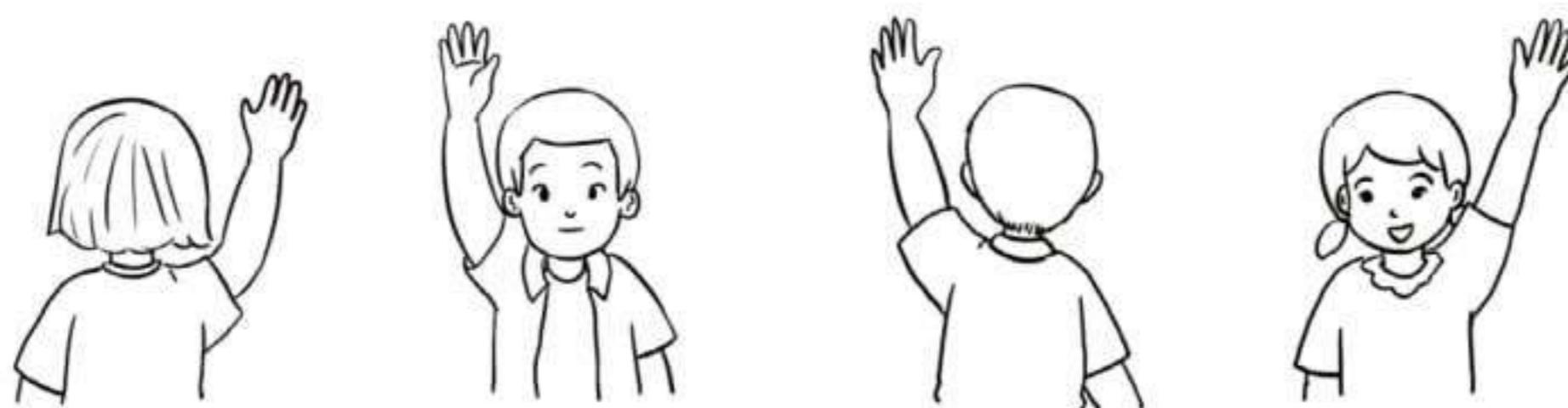
**2 Quan sát hình vẽ:**



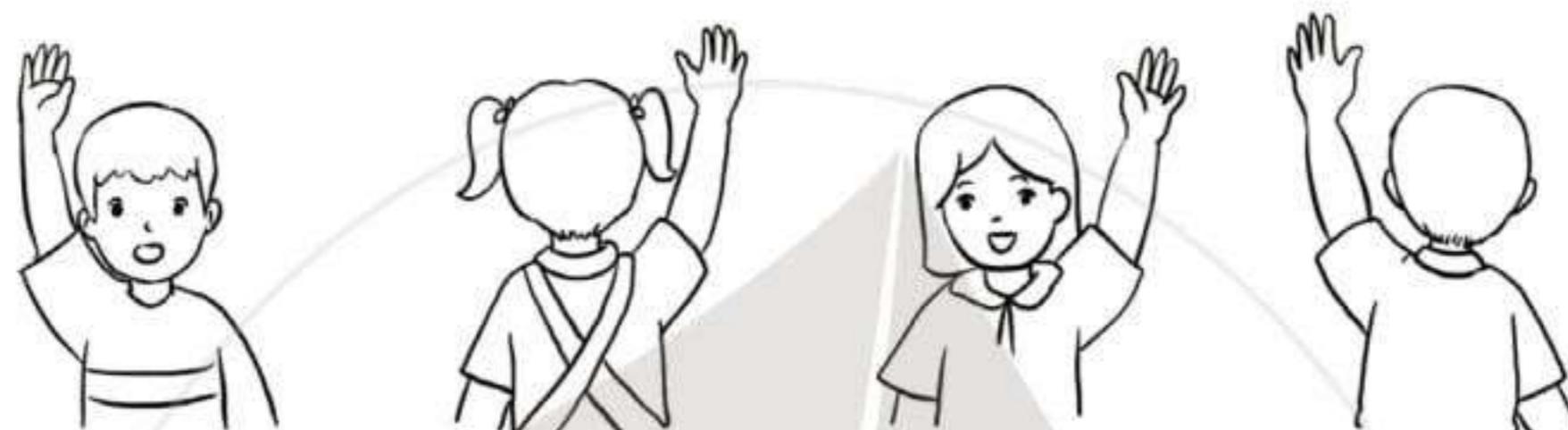
- a) Tô màu đỏ vào mũi tên chỉ sang bên trái.
- b) Tô màu xanh vào mũi tên chỉ sang bên phải.

3

a) Tô màu vào bạn đang giơ tay phải:



b) Tô màu vào bạn đang giơ tay trái:



4

a) Quan sát hình vẽ rồi đánh dấu ✓ vào câu đúng:



Cậu bé ở sau cái cây.

Con chó ở sau ngôi nhà.

Ô tô ở trước ngôi nhà.

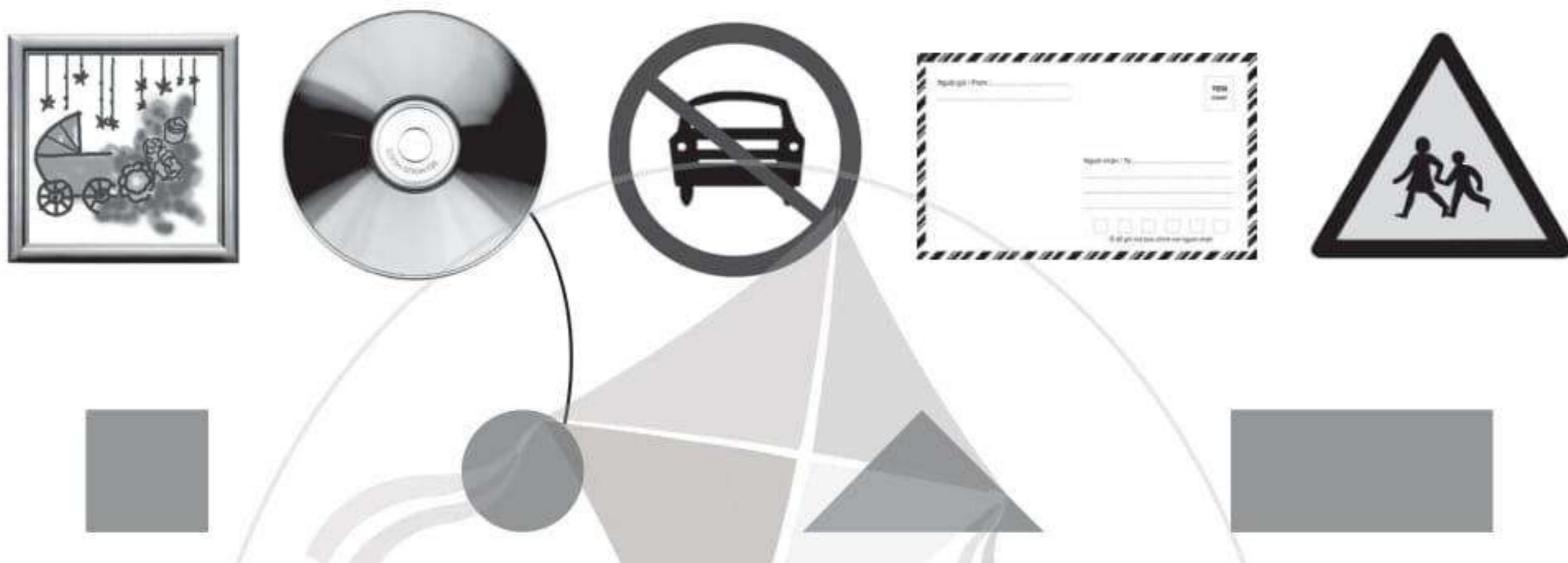
Cây nấm to ở giữa.

b) Vẽ thêm quả trên cây và tô màu thích hợp.

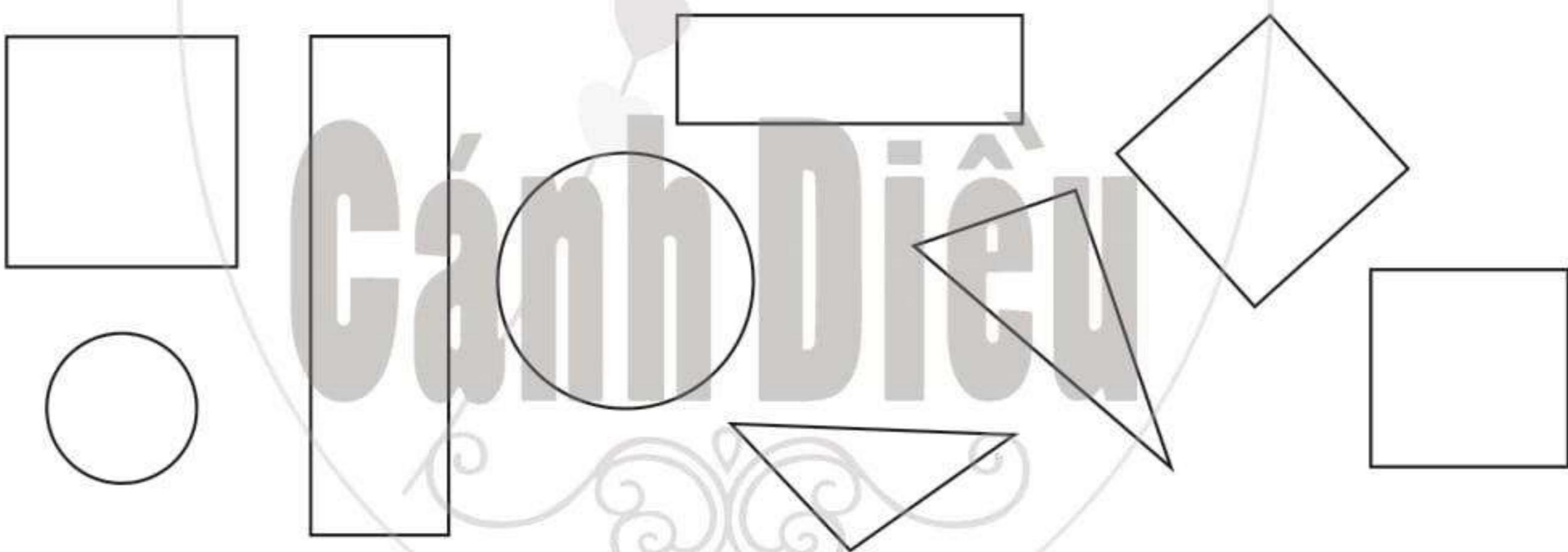
## Bài 2

# HÌNH VUÔNG – HÌNH TRÒN HÌNH TAM GIÁC – HÌNH CHỮ NHẬT

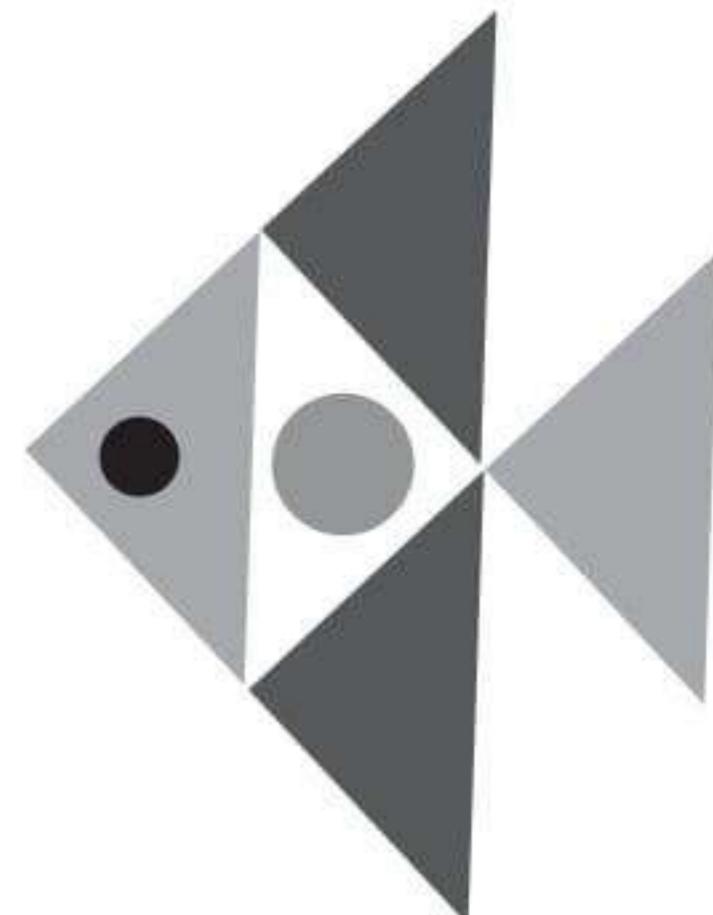
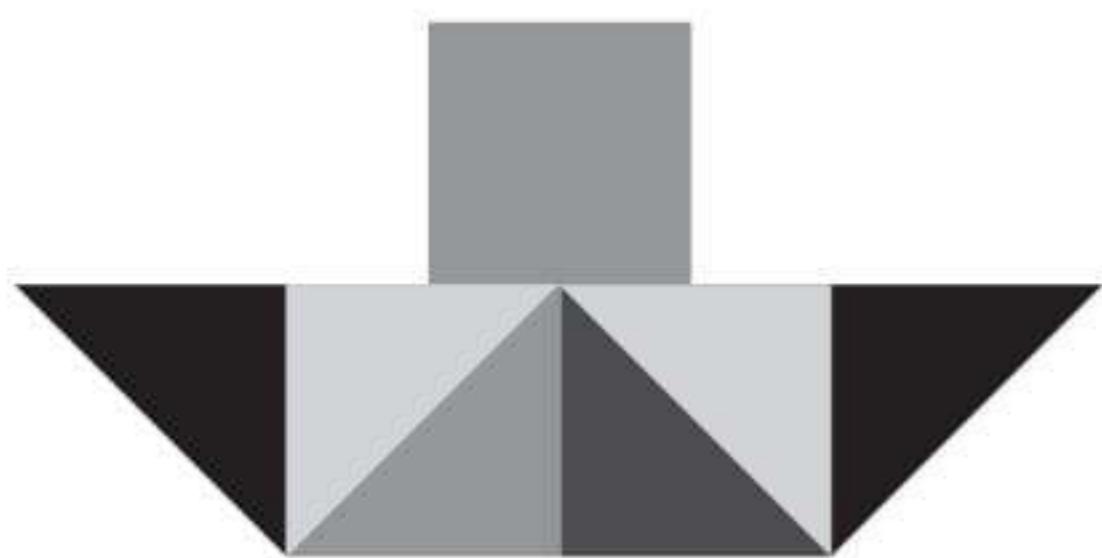
1 Nối (theo mẫu):



2 Tô màu: hình vuông tô màu đỏ, hình tròn tô màu xanh, hình tam giác tô màu vàng, hình chữ nhật tô màu tím.



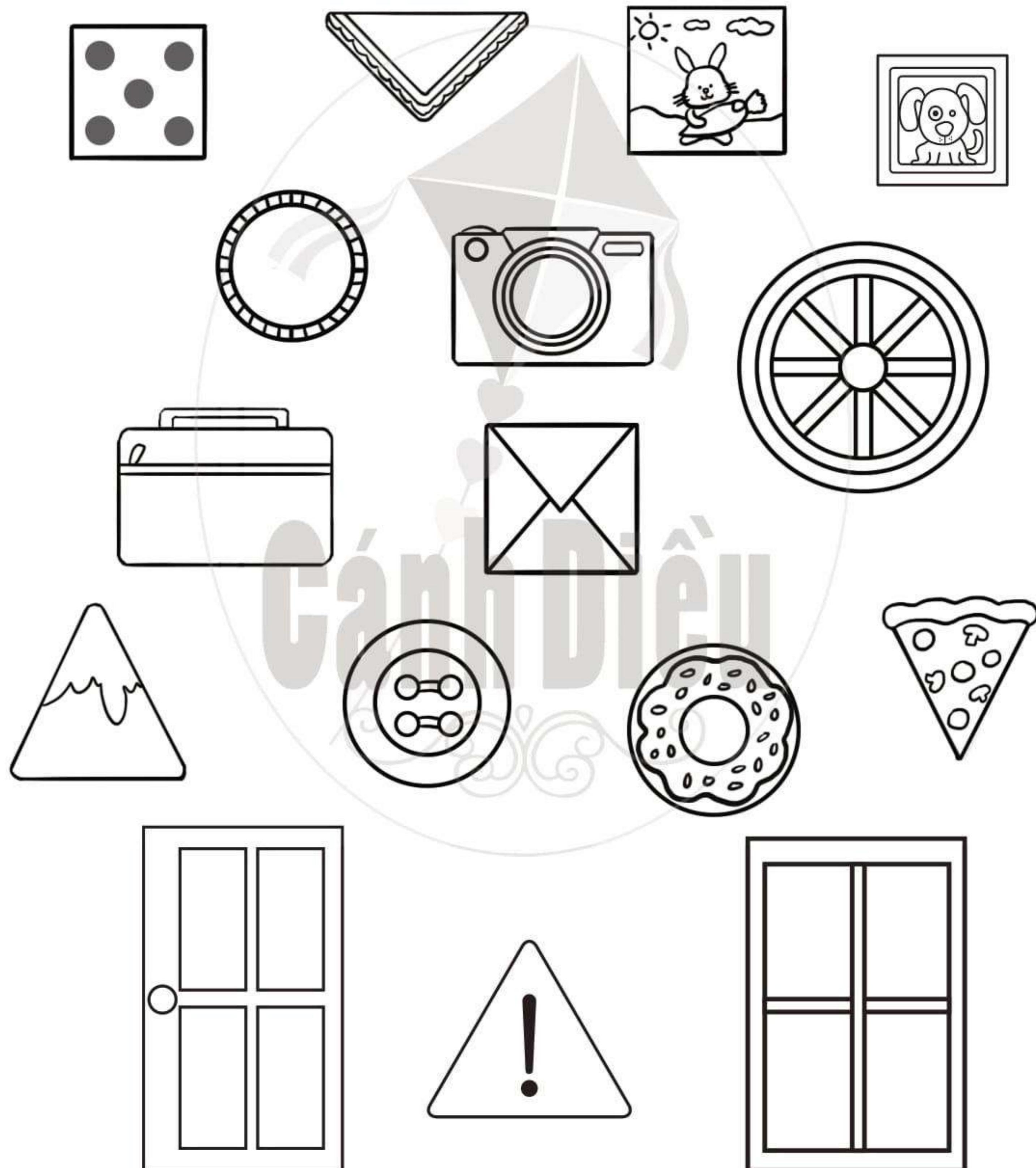
3 Ghép hình em thích:



4

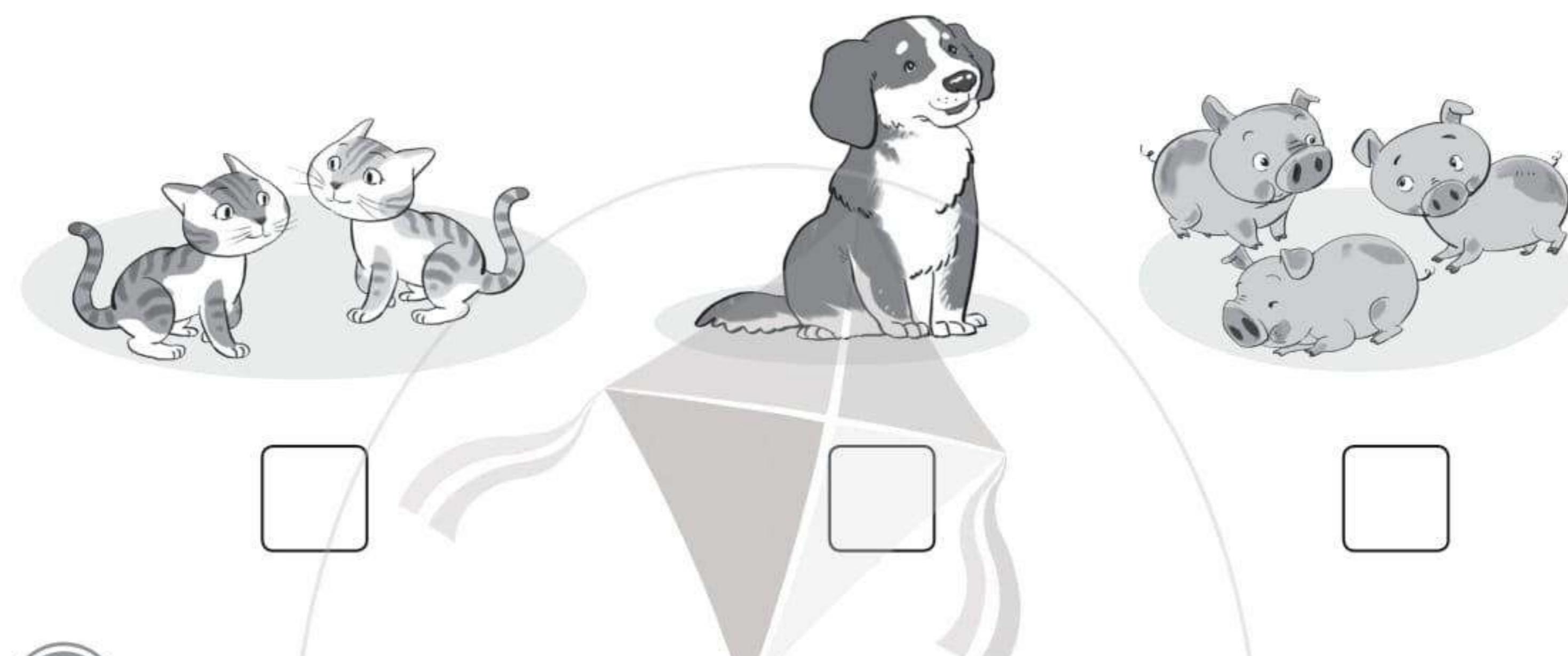
#### Tô màu vào các đồ vật theo hướng dẫn:

- Vật có dạng hình vuông tô màu đỏ.
- Vật có dạng hình tròn tô màu xanh.
- Vật có dạng hình tam giác tô màu vàng.
- Vật có dạng hình chữ nhật tô màu tím.



## Bài 3 CÁC SỐ 1, 2, 3

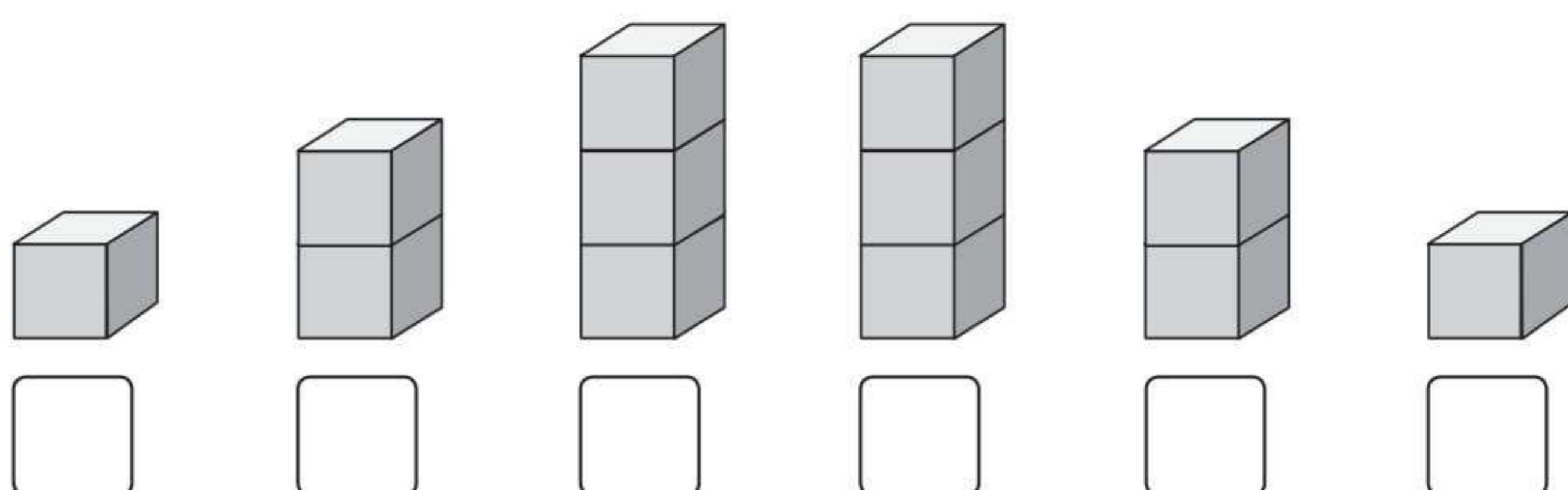
1 Số ?



2 Vẽ số hình phù hợp (theo mẫu):

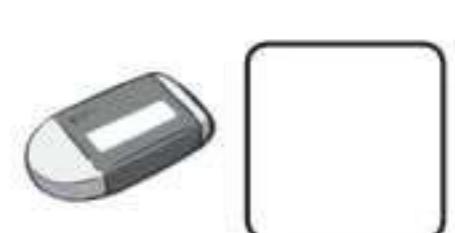
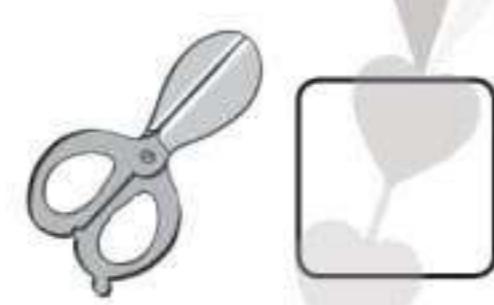
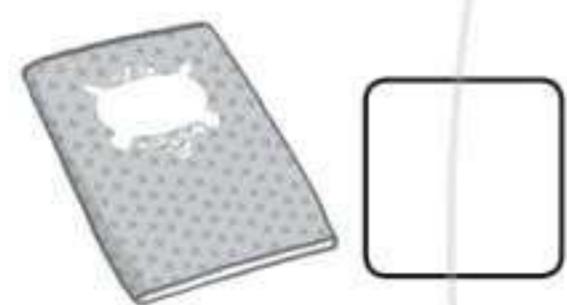
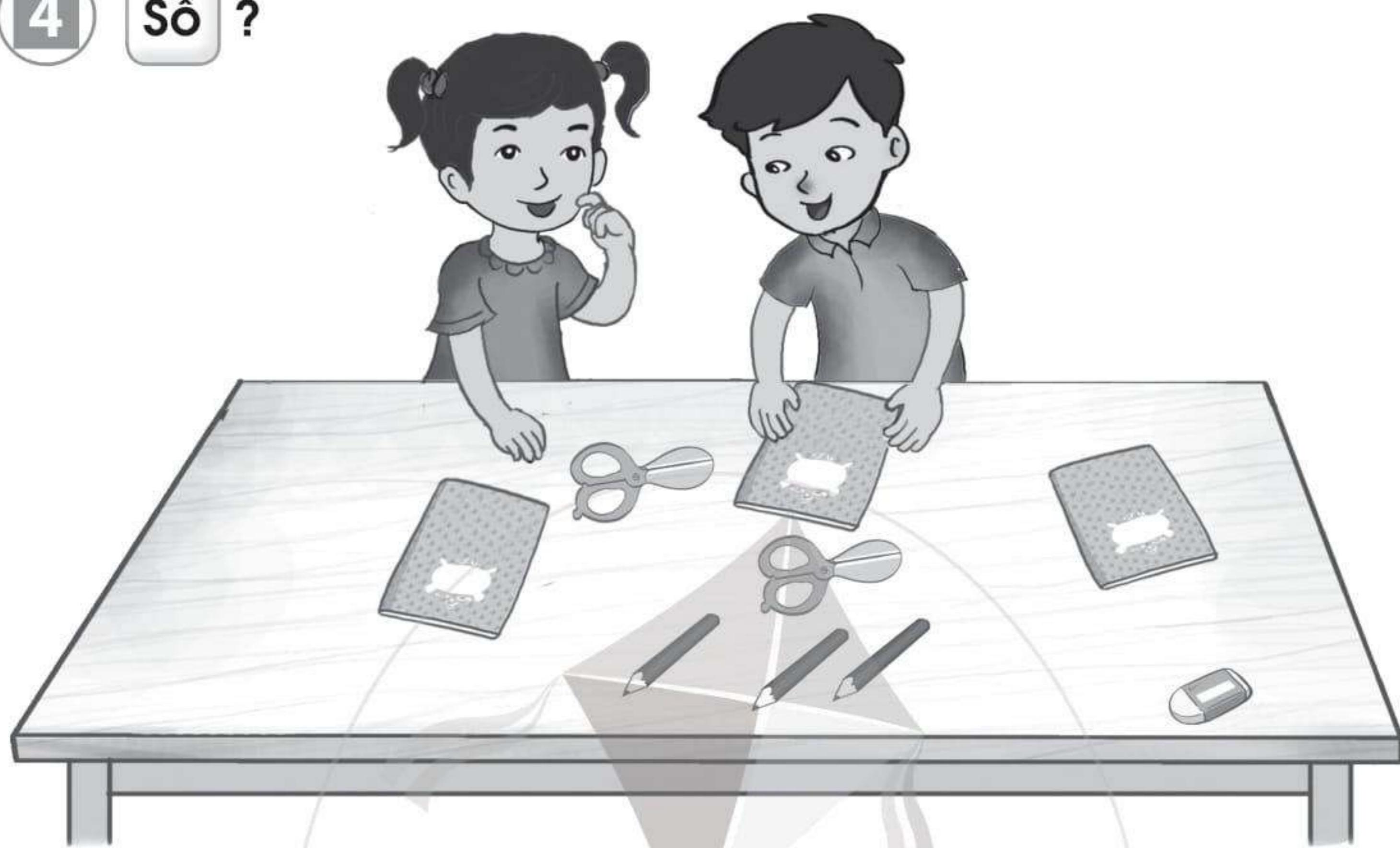


3 Số ?



4

Số ?



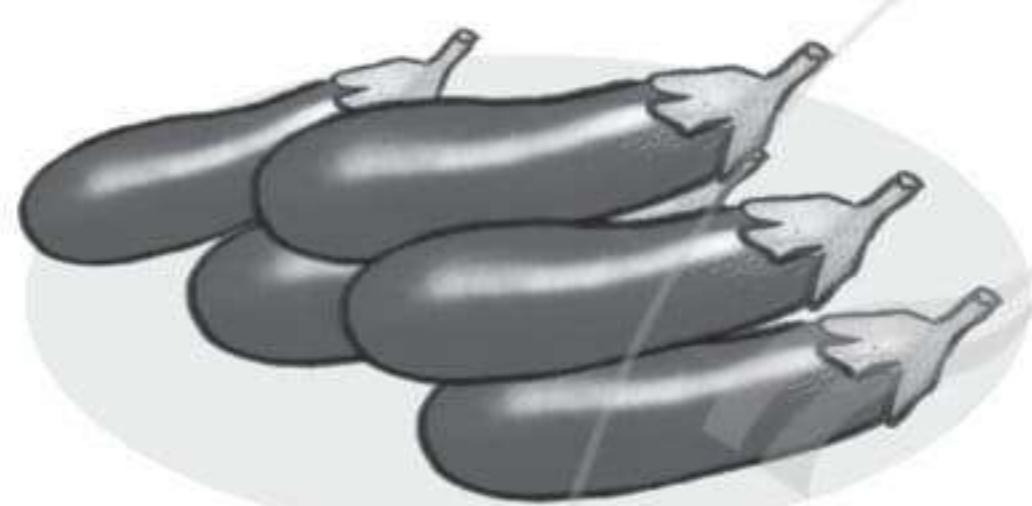
5 Viết số:

# Cánh Diều

1	1	1	1	1	1	1	1
1							
2	2	2	2	2	2	2	2
2							
3	3	3	3	3	3	3	3
3							

## Bài 4 CÁC SỐ 4, 5, 6

1 Số ?



2 Vẽ số hình phù hợp (theo mẫu):



3

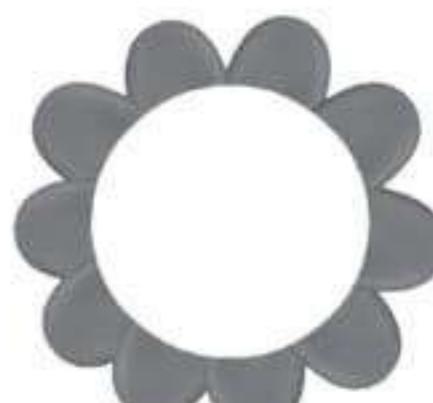
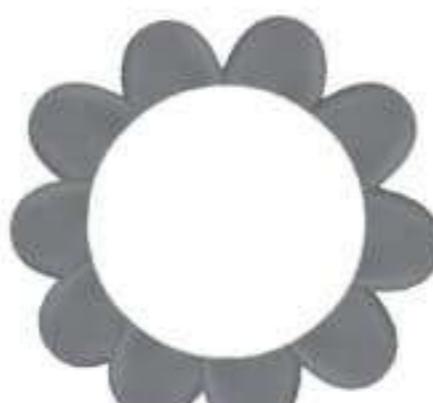
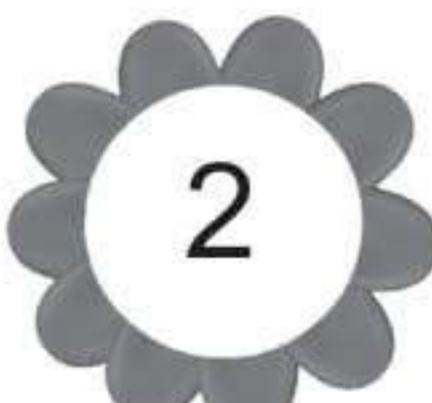
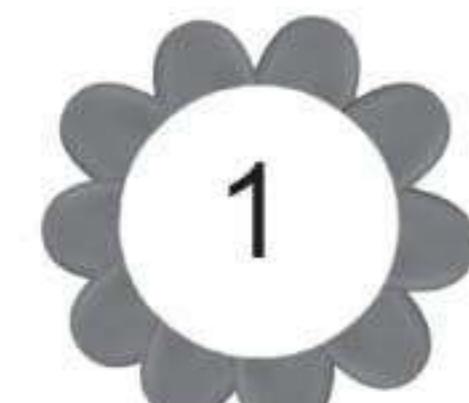
# Cánh Điều

5

6

4

3 Số ?



4

Số ?



5

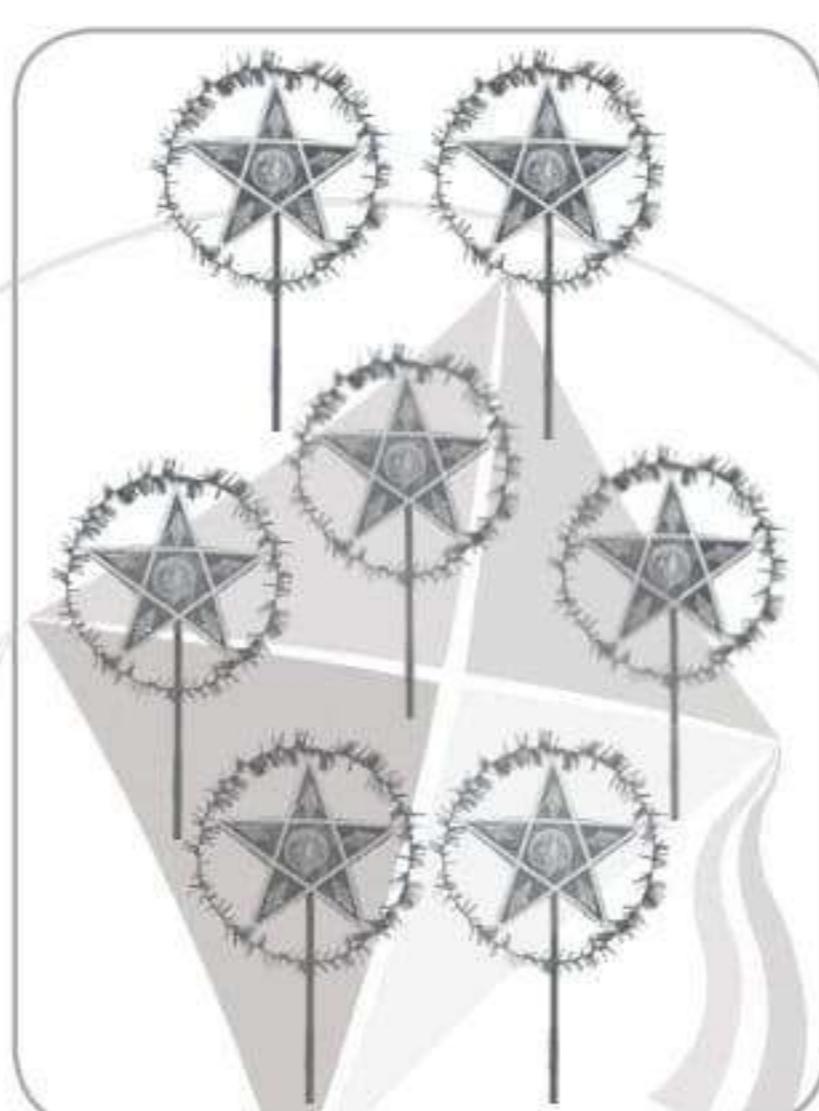
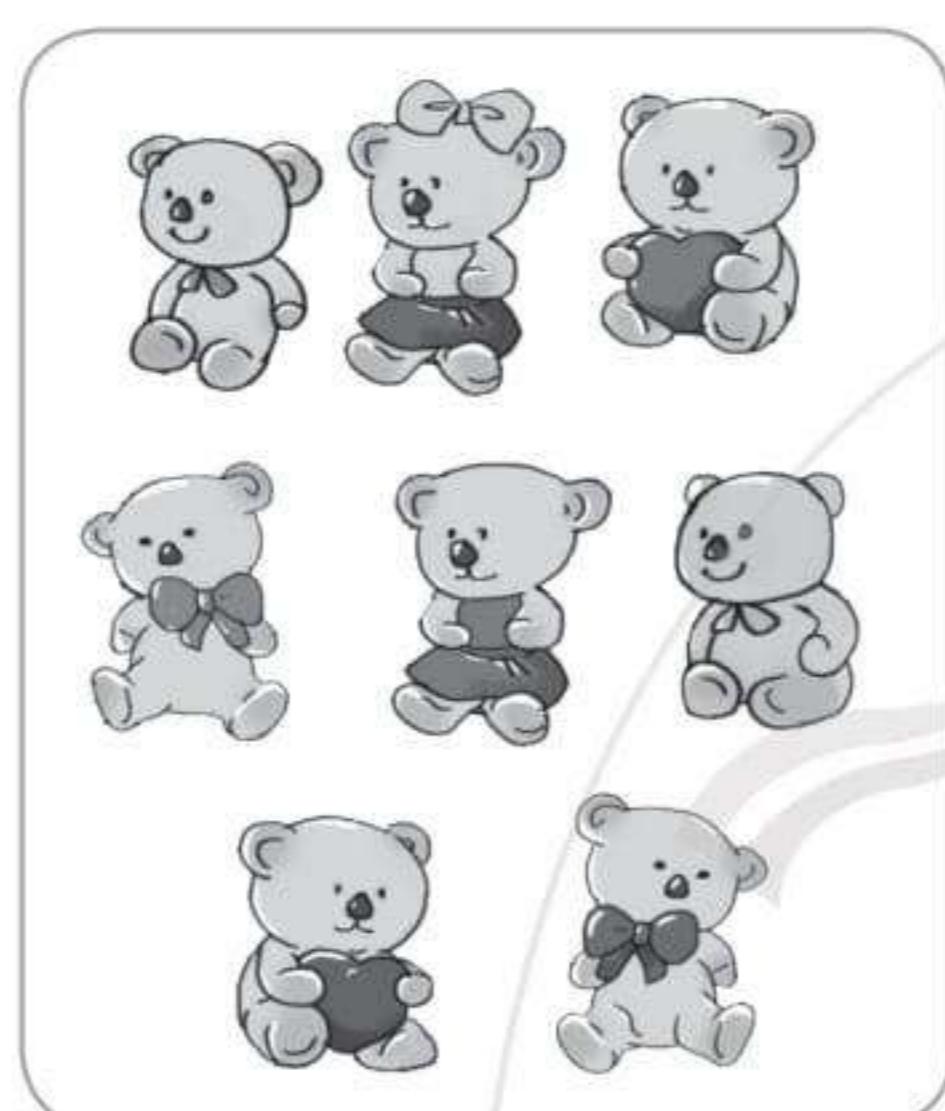
Viết số:

Cánh Điều

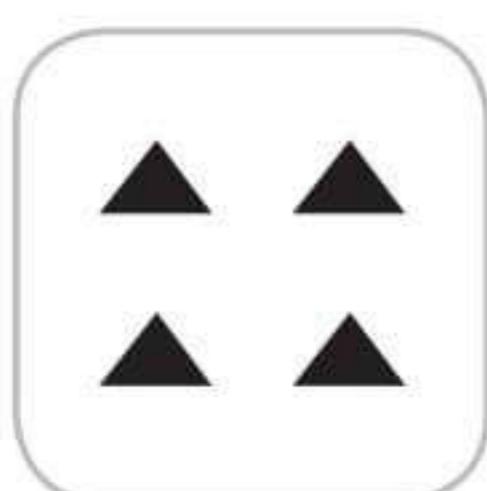
4	4	4	4	4	4	4
4						
5	5	5	5	5	5	5
5						
6	6	6	6	6	6	6
6						

## Bài 5 CÁC SỐ 7, 8, 9

1 Số ?



2 Vẽ số hình phù hợp (theo mẫu):



4



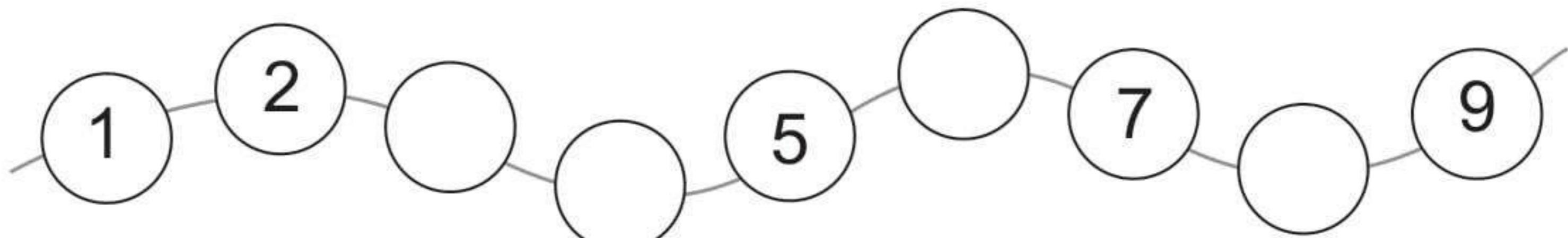
7



9

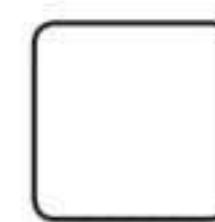
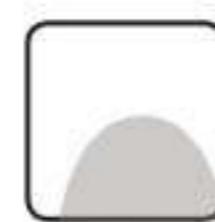
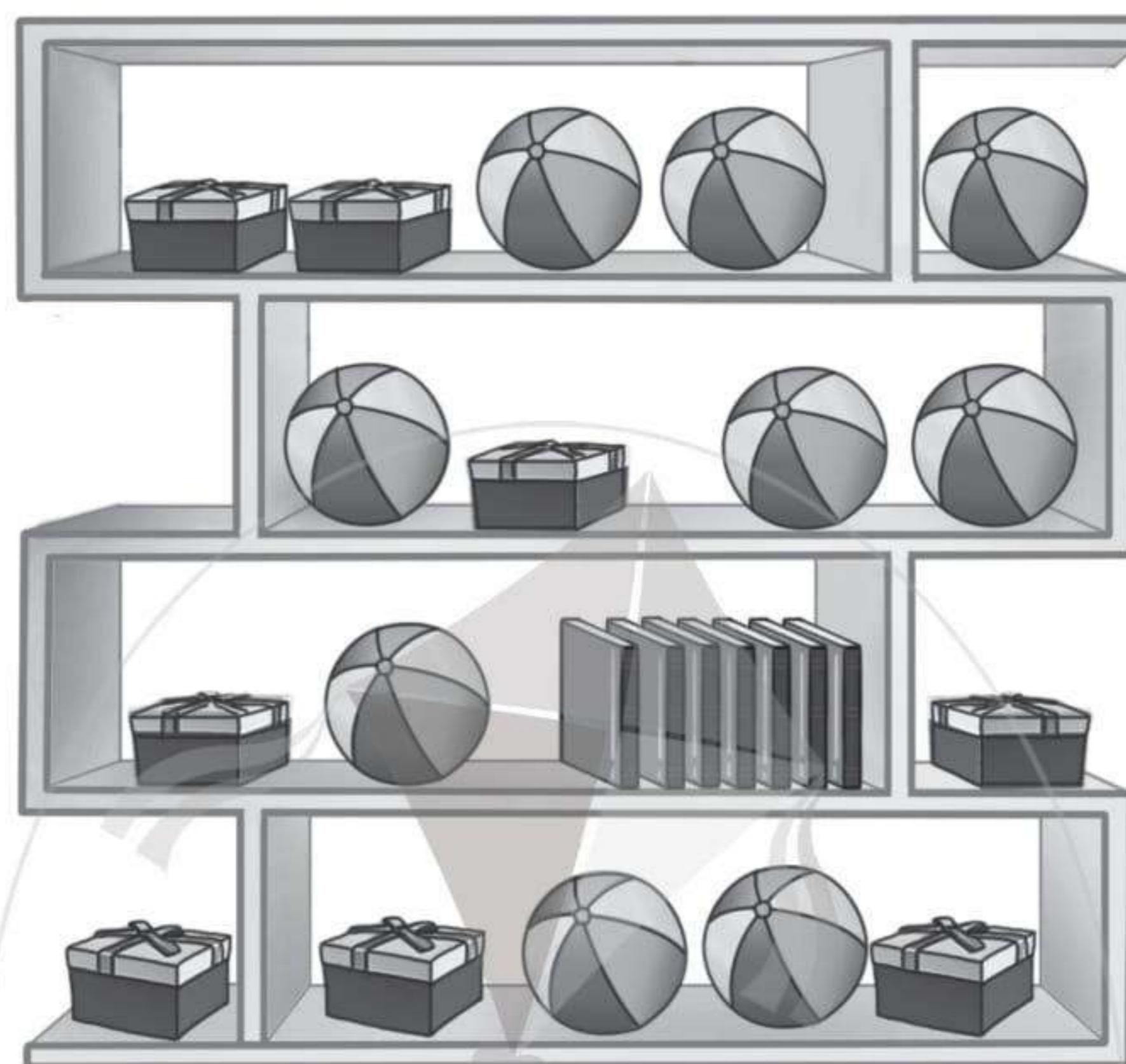
8

3 Số ?



4

Số ?



Cánh Diều

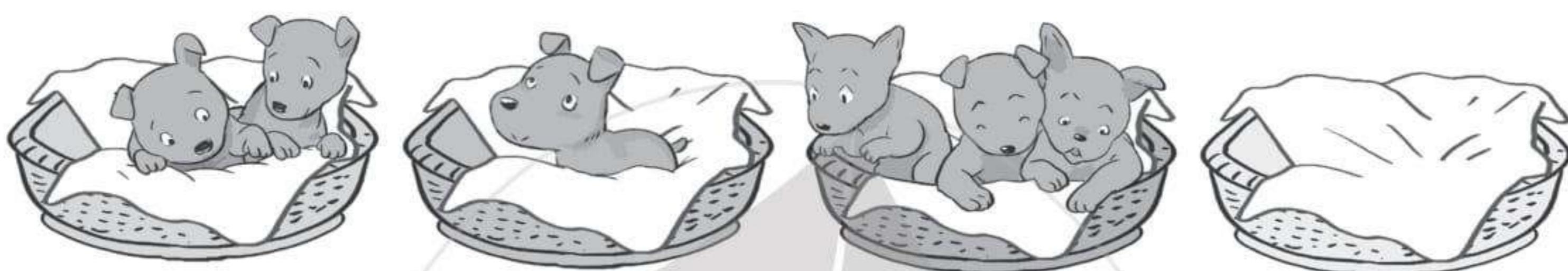
5

Viết số:

7	7	7	7	7	7	7	7
7							
8	8	8	8	8	8	8	8
8							
9	9	9	9	9	9	9	9
9							

## Bài 6 số 0

1 a) Mỗi rổ có mấy con?



b) Mỗi hộp có mấy chiếc bút?



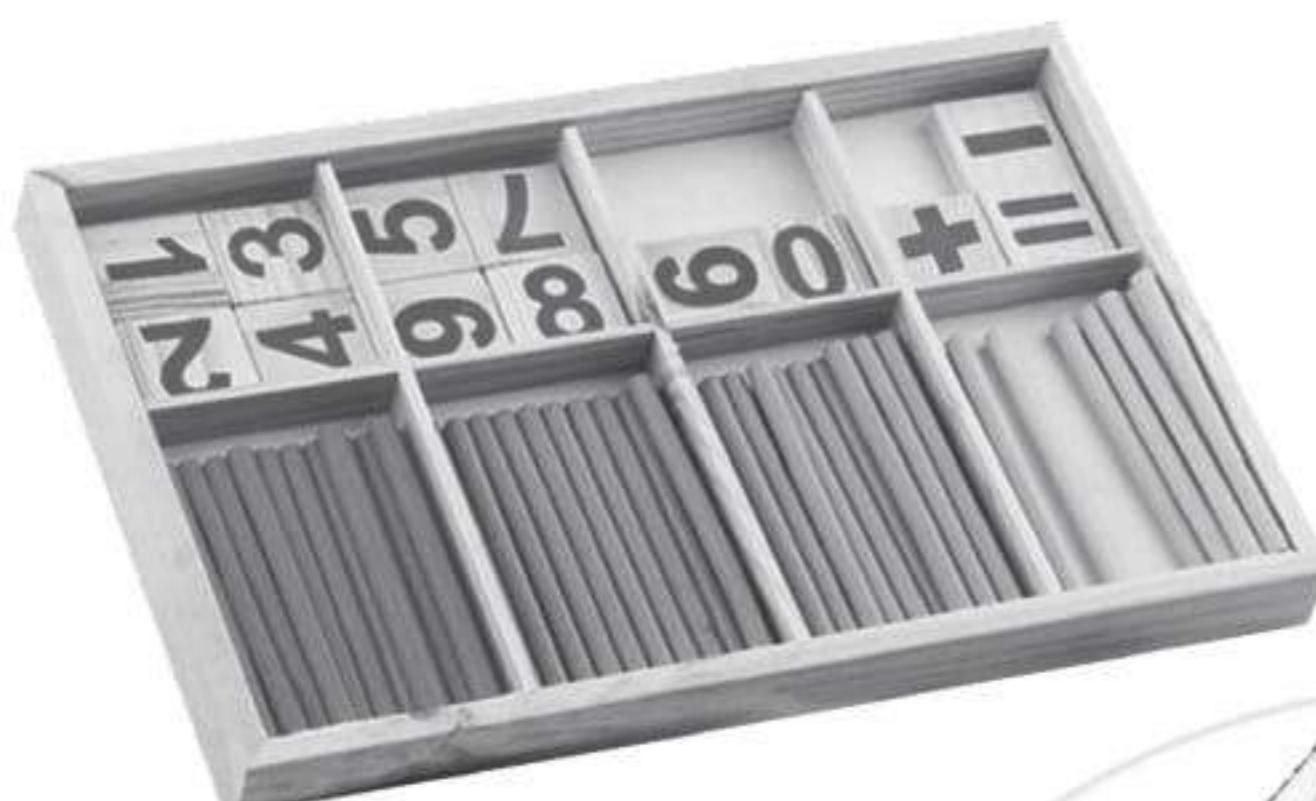
2 Số ?

0	1	2			5			8
---	---	---	--	--	---	--	--	---

9	8		6			3		1
---	---	--	---	--	--	---	--	---

3

Khoanh vào số 0 trên mỗi đồ vật sau:



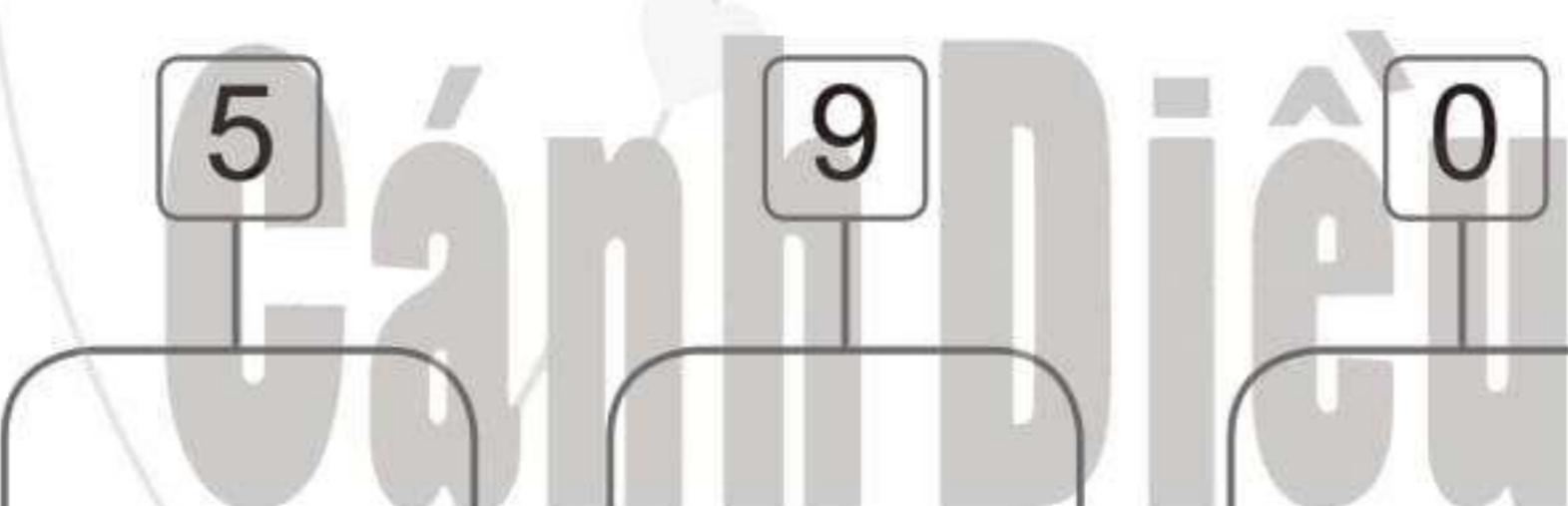
4

Vẽ số hình phù hợp (theo mẫu):

1



5



9



0



7



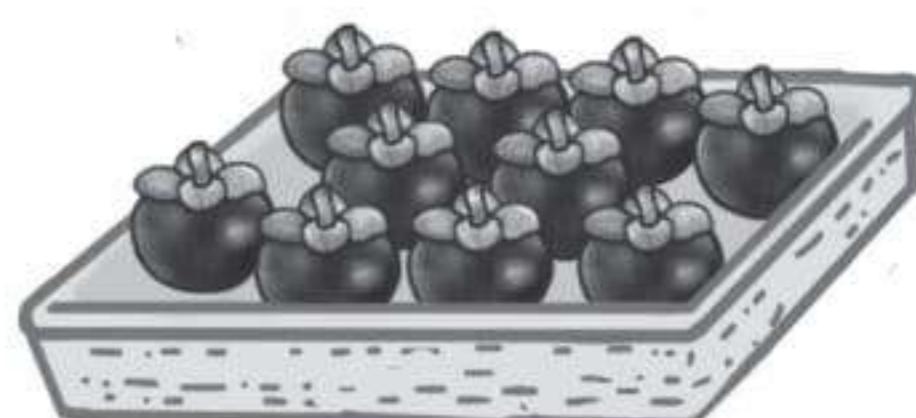
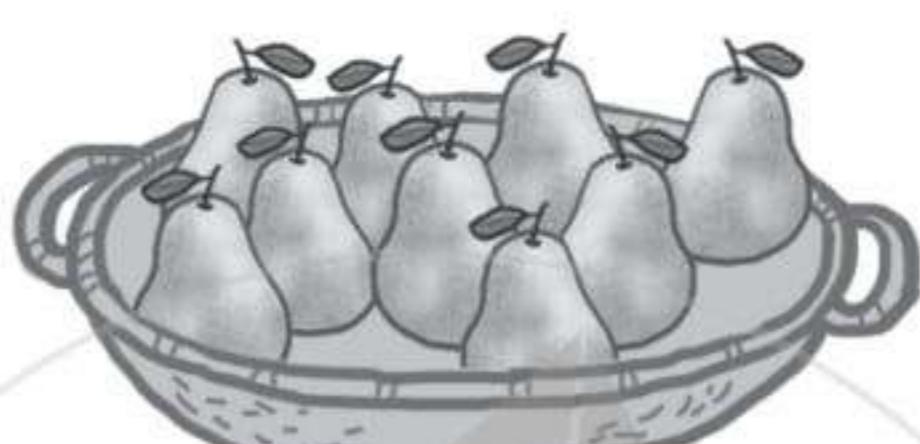
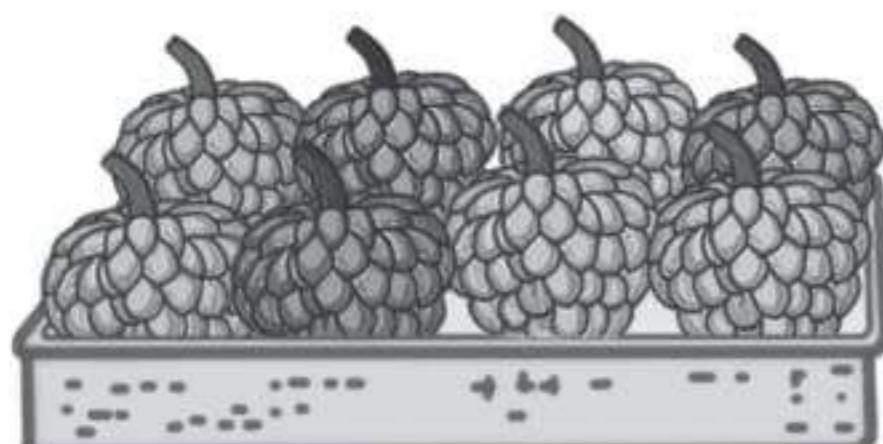
5

Viết số:

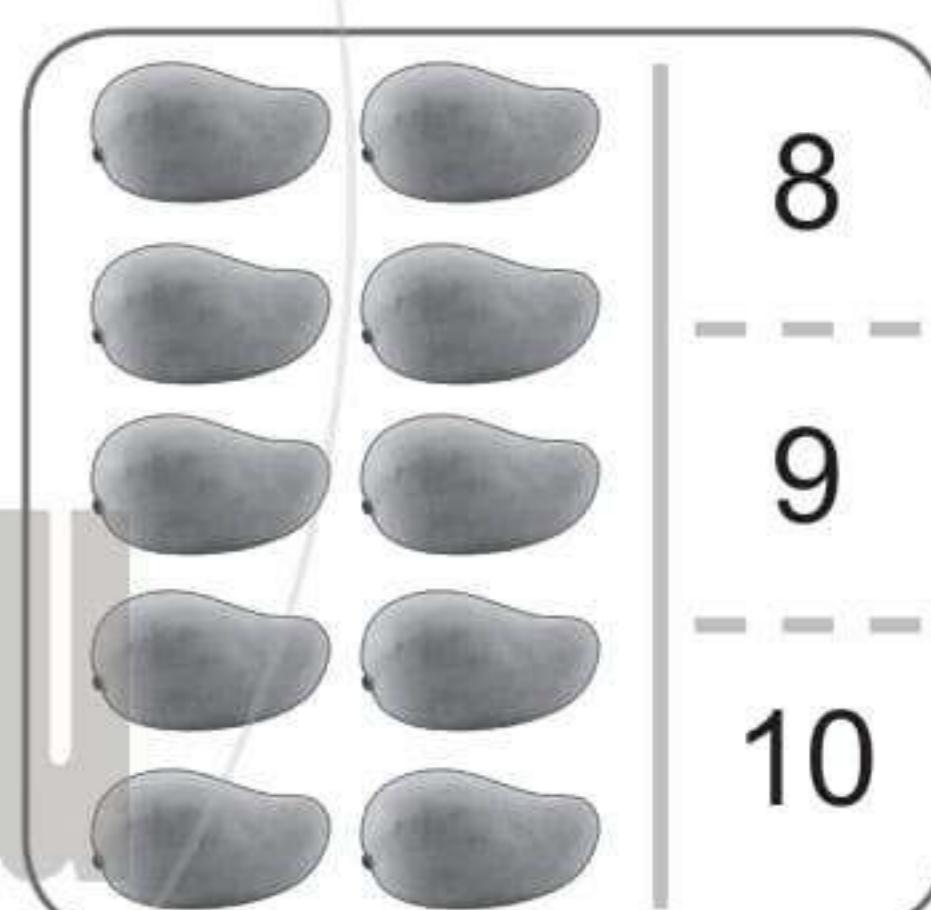
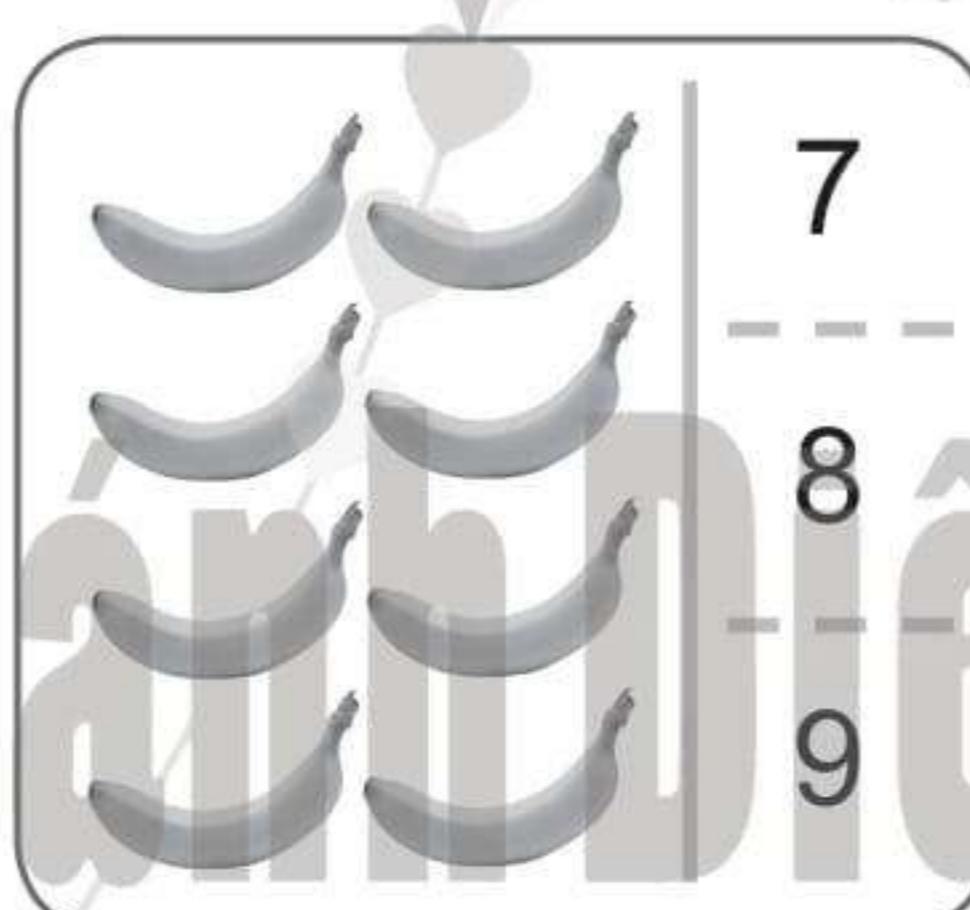
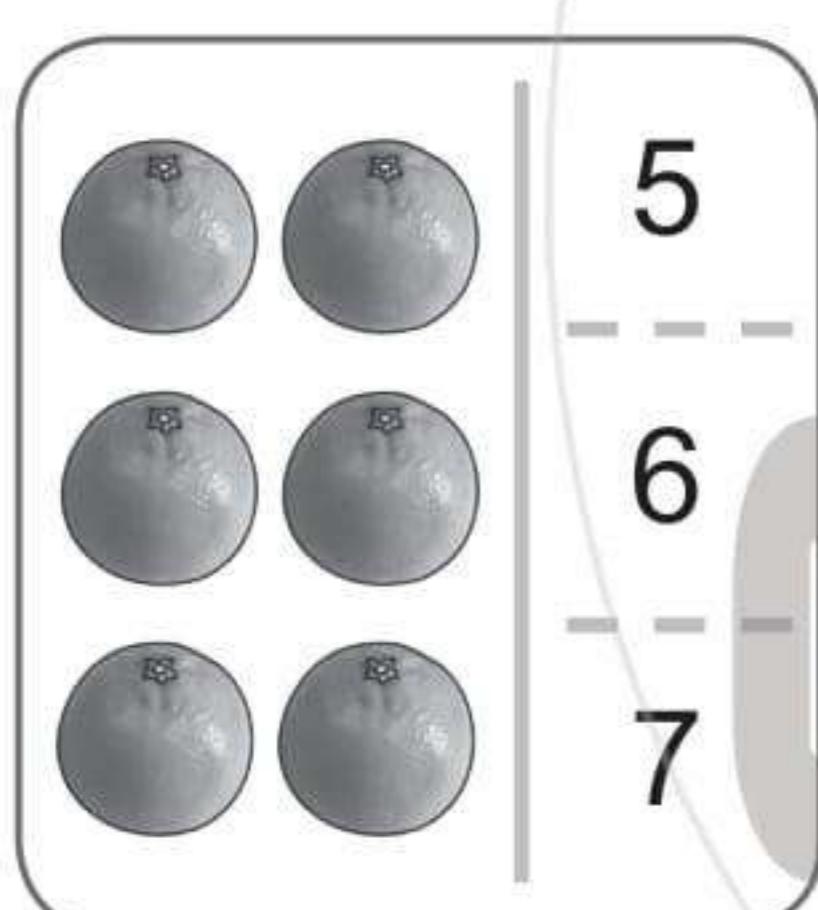
0	0	0	0	0	0	0
0						

# Bài 7 SỐ 10

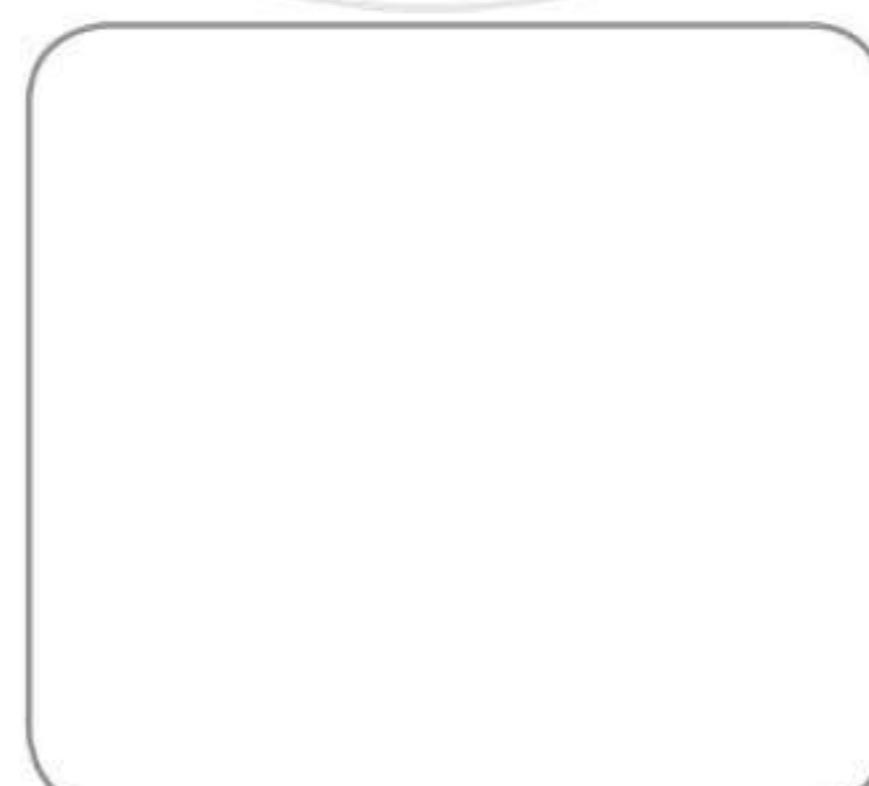
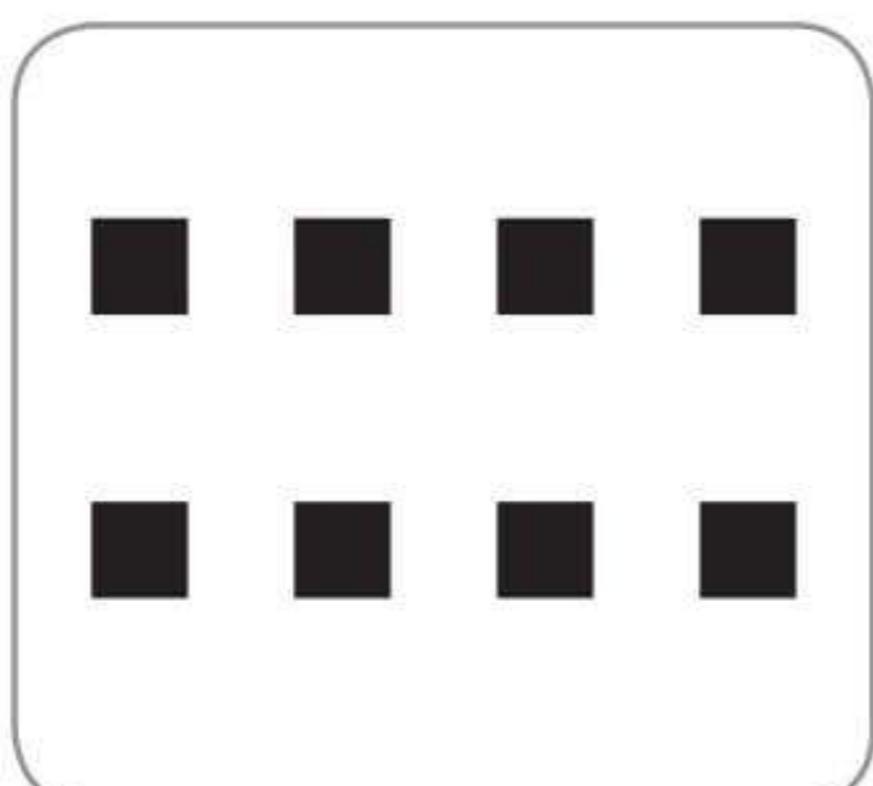
1 a) Số ?



b) Khoanh vào số thích hợp chỉ số quả trong mỗi hình vẽ:



2 Vẽ số hình phù hợp (theo mẫu):



8

9

10

3

Số ?

	1		4		6		8		10
10		8		6		3		0	

4

Khoanh vào 10 bông hoa mỗi loại:



5

Viết số:

10	10	10	10	10	10	10
10						

## Bài 8 LUYỆN TẬP

1 Mỗi chậu có mấy bông hoa?



2 Vẽ số chấm tròn phù hợp:

5

9

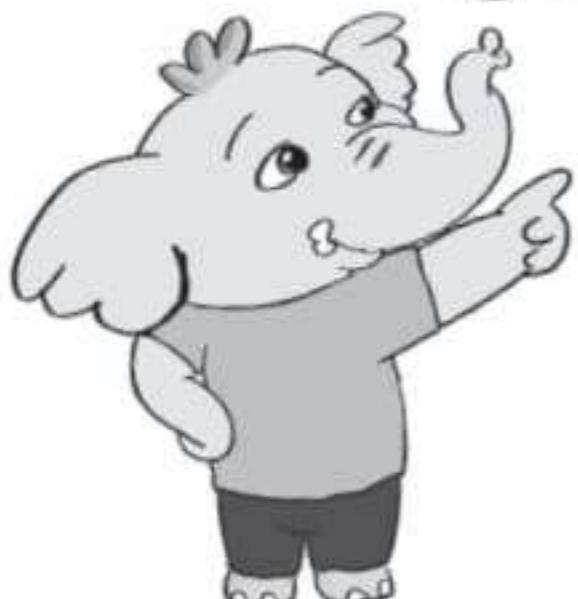
3

10

3

Số ?

3, 4, 5



3	<input type="text"/>	5
---	----------------------	---

6	<input type="text"/>	8
---	----------------------	---

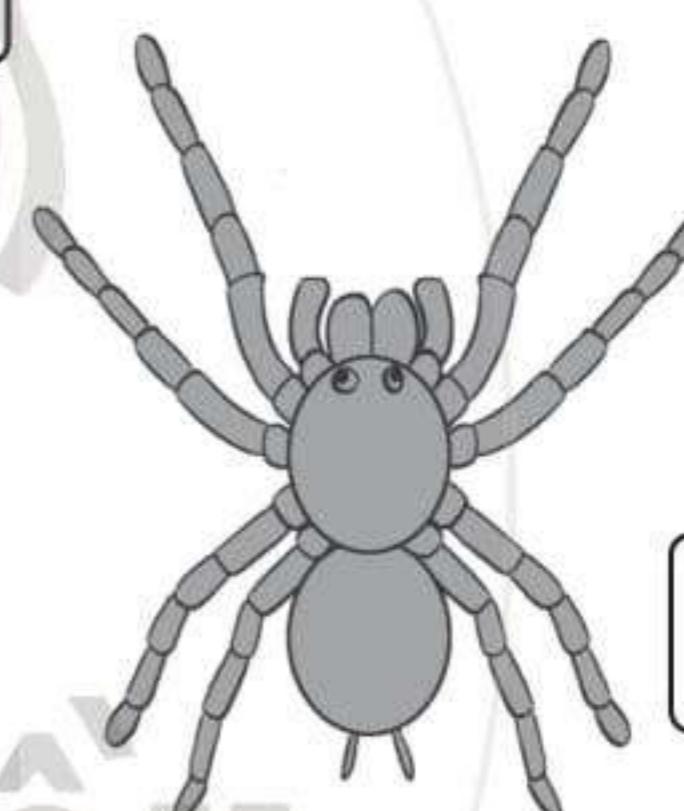
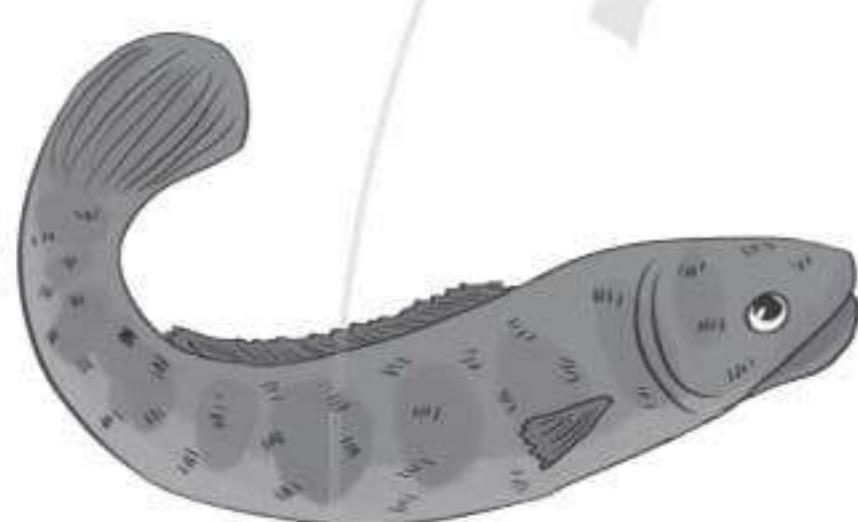
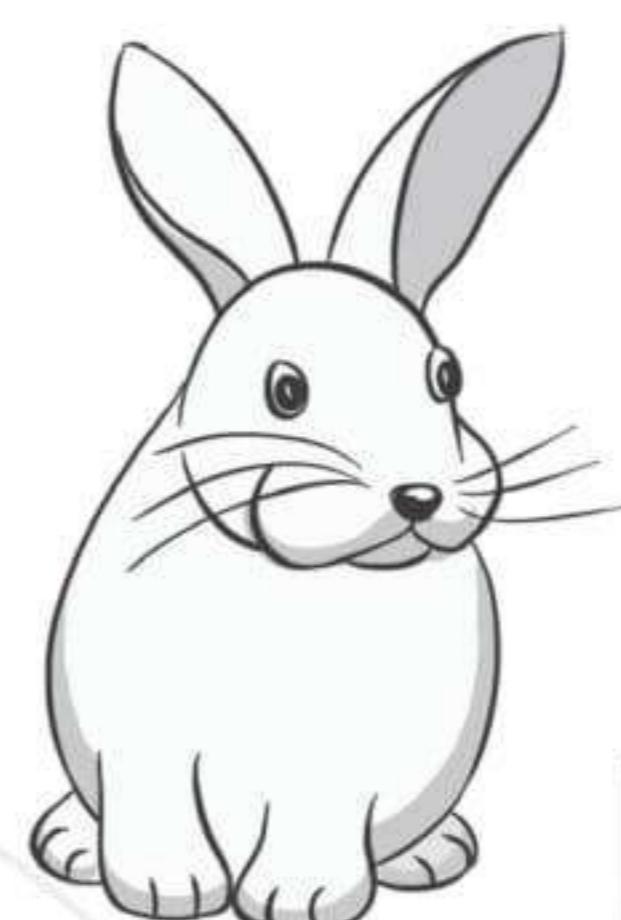
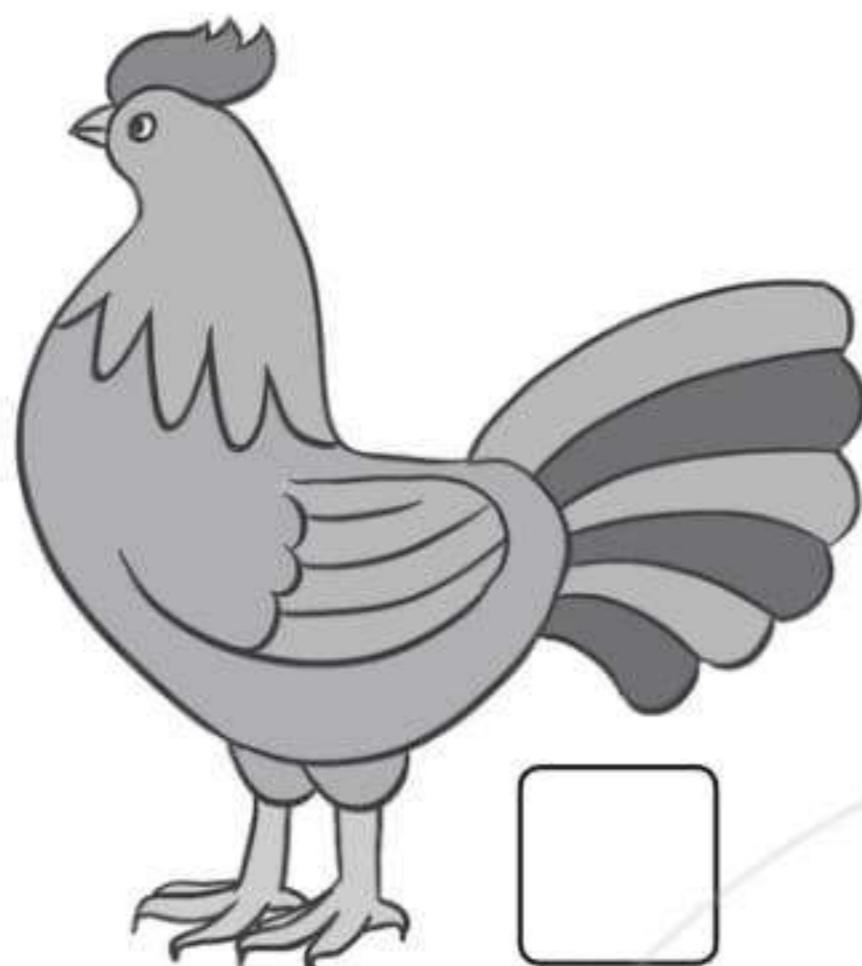
7	<input type="text"/>	9
---	----------------------	---

<input type="text"/>	2	<input type="text"/>
----------------------	---	----------------------

<input type="text"/>	5	<input type="text"/>
----------------------	---	----------------------

4

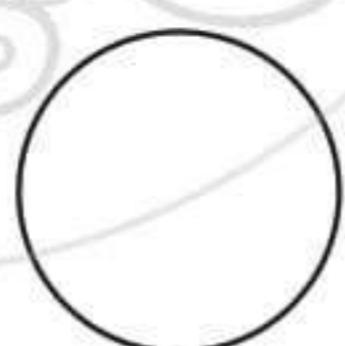
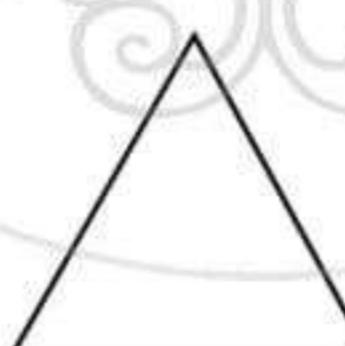
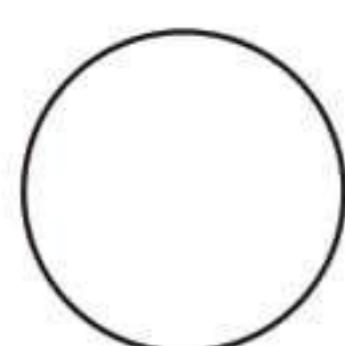
Đếm rồi viết số chân của mỗi con vật sau vào ô trống:



Cánh Diều

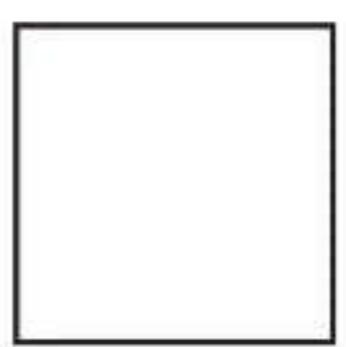
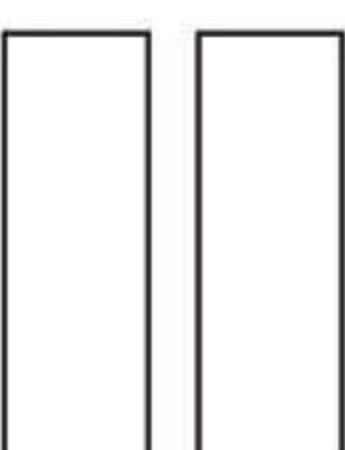
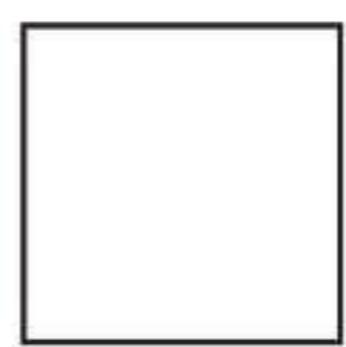
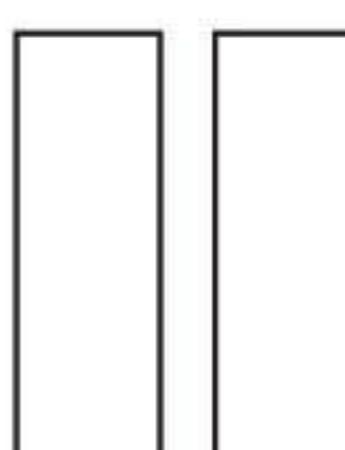
5

a) Vẽ tiếp một hình phù hợp:



.....

b) Vẽ tiếp hai hình phù hợp:



.....

## Bài 9

# NHIỀU HƠN – ÍT HƠN – BẰNG NHAU

1

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:



- a) Số cốc **ít hơn** số thìa.
- b) Số thìa **nhiều hơn** số đĩa.
- c) Số đĩa và số cốc **bằng nhau**.

2

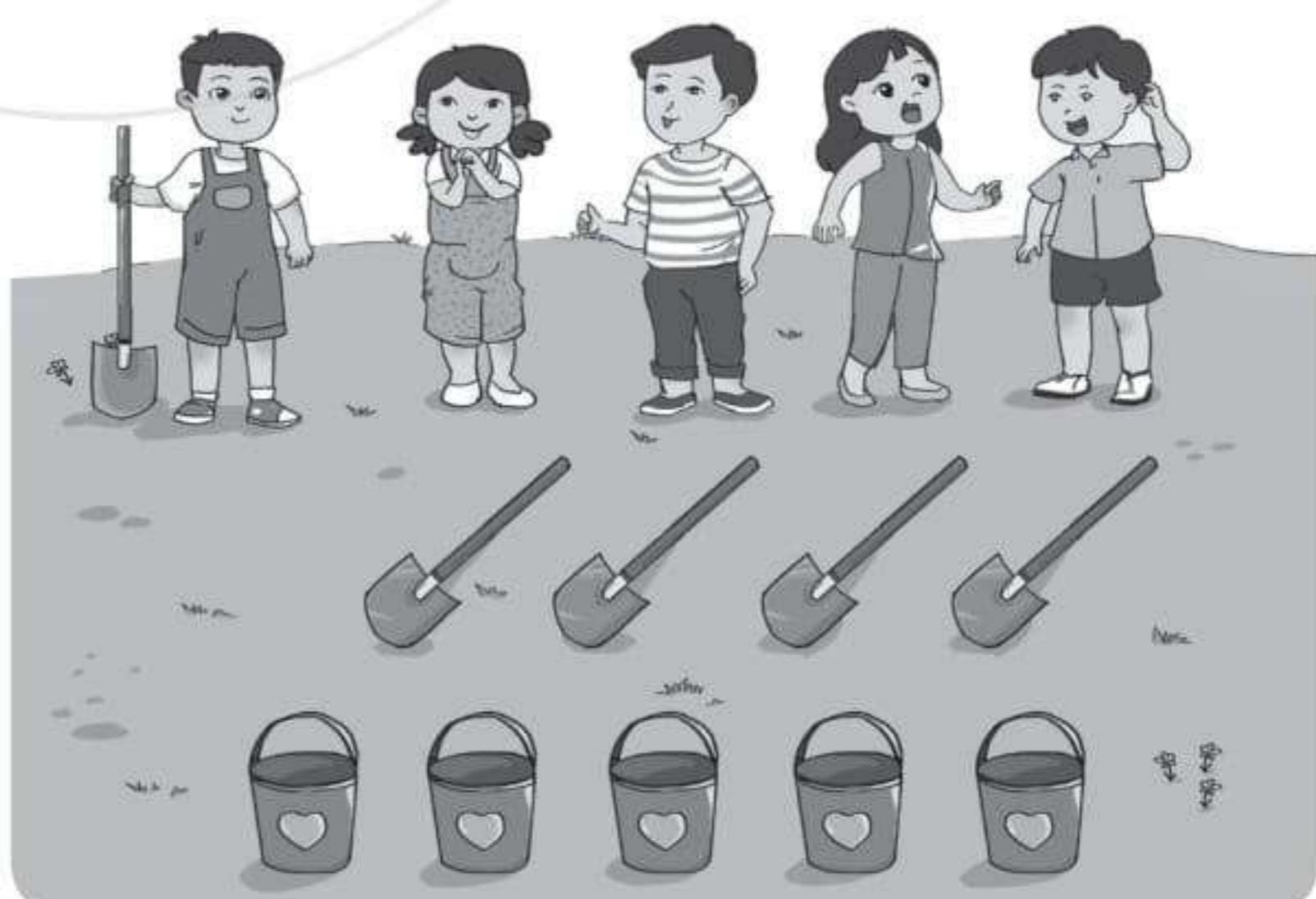
Khoanh vào cây có nhiều quả hơn:



3

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) Số xô **nhiều hơn** số xẻng.
- b) Số xẻng **ít hơn** số người.
- c) Số người và số xô **bằng nhau**.

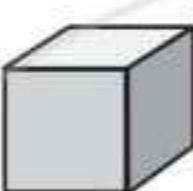
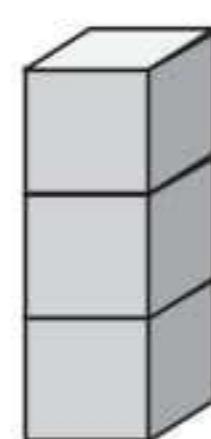


## Bài 10

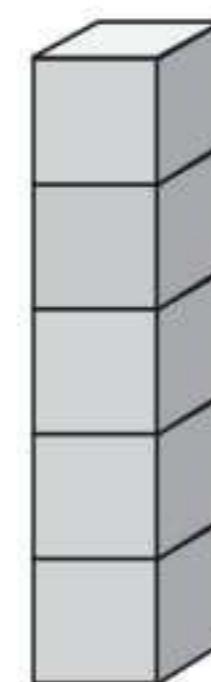
# LỚN HƠN, DẤU > BÉ HƠN, DẤU < BẰNG NHAU, DẤU =

1

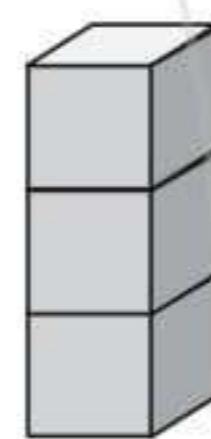
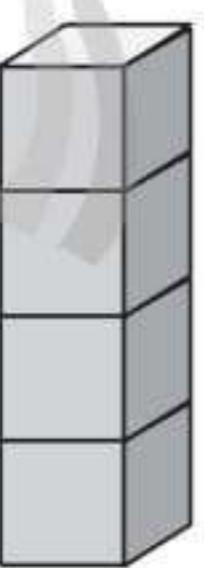
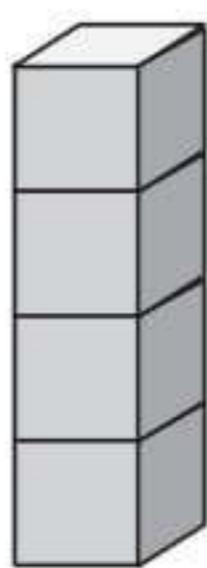
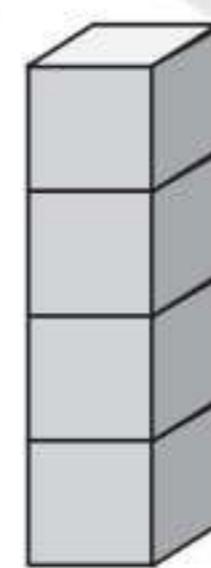
= < > ?



$3 > 1$



2 □ 5

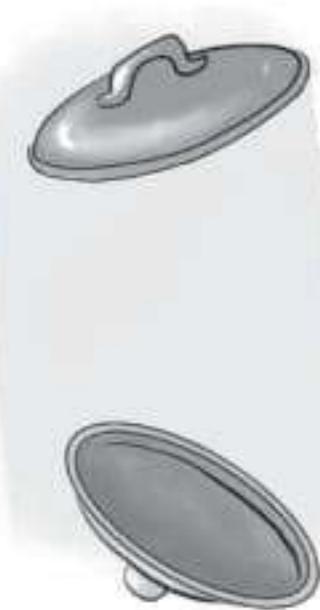
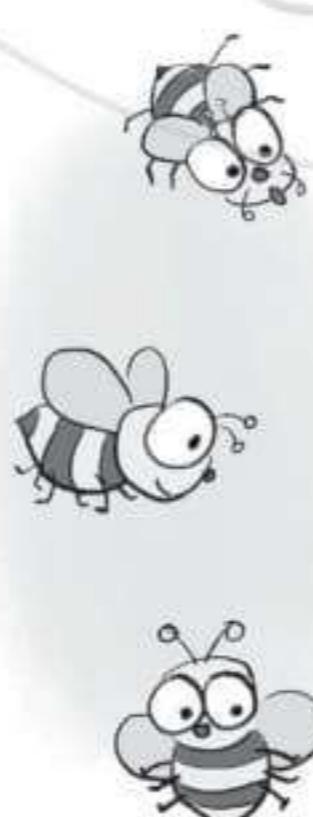


4 □ 4

4 □ 3

2

= < > ?



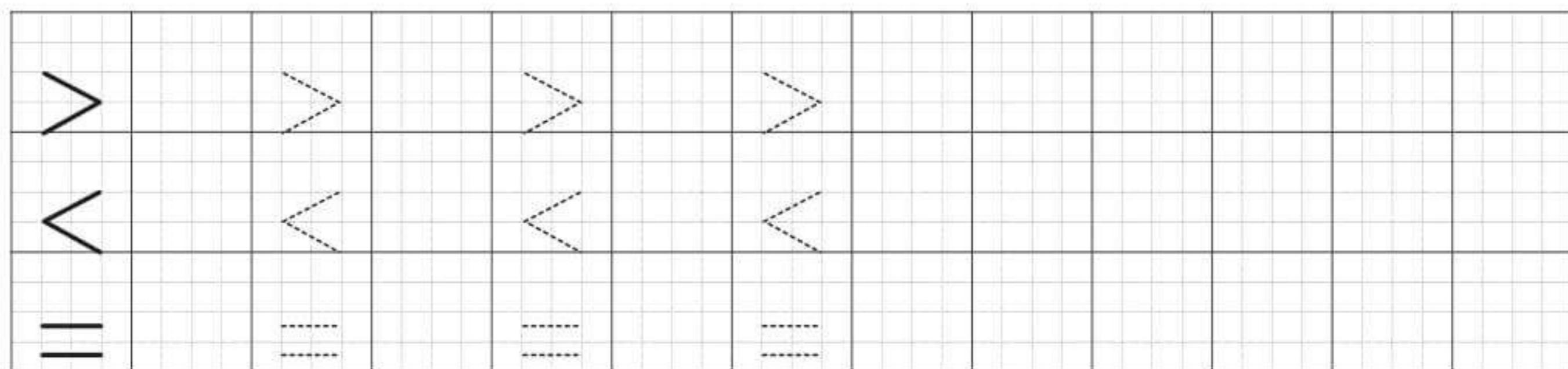
2 □ 3

3 □ 2

2 □ 2

3

a) Tập viết dấu:



b)

>  
<  
=?  
=

3  5

4  2

4  5

5  5

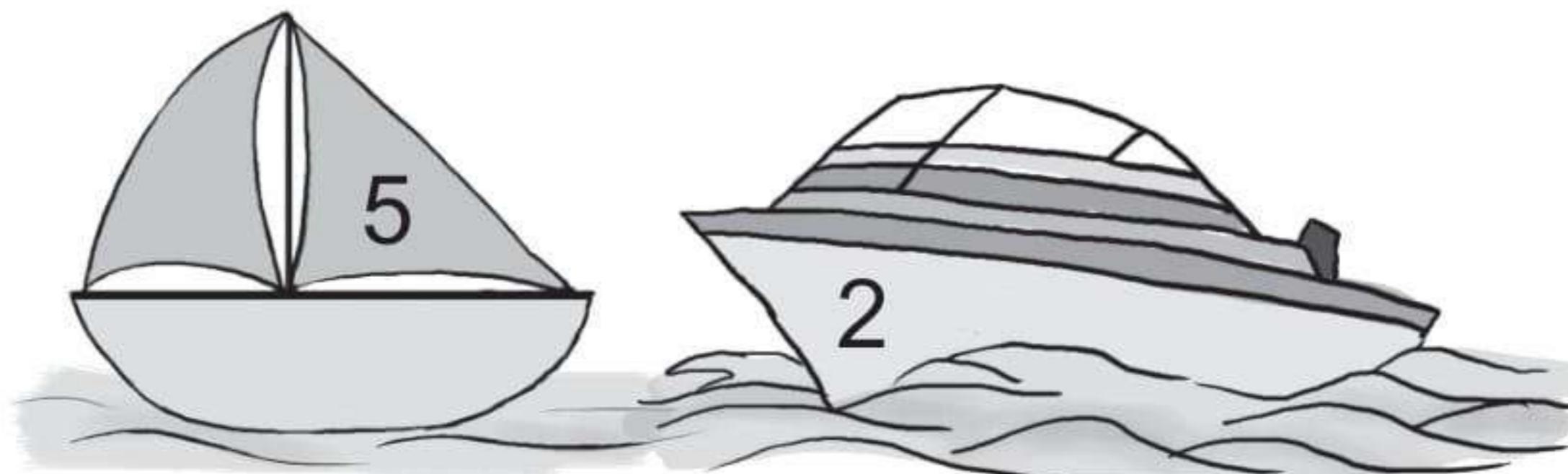
4

Khoanh vào vật ghi số lớn hơn trong mỗi hình vẽ sau:

a)

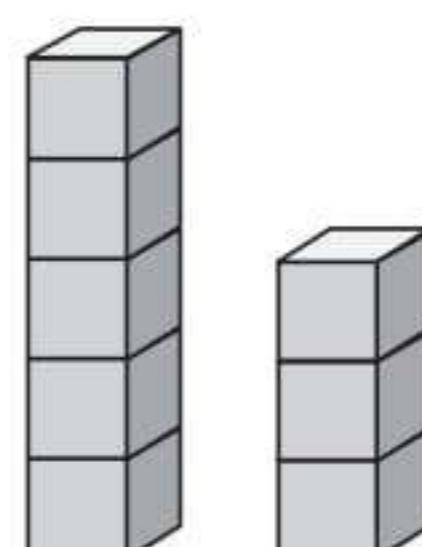
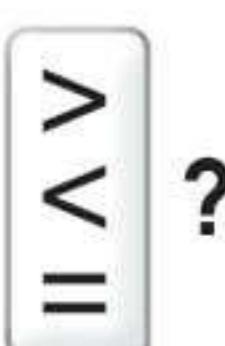


b)

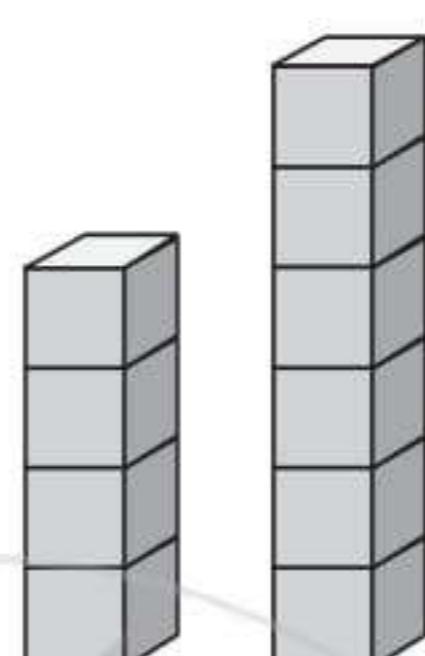


# Bài 11 LUYỆN TẬP

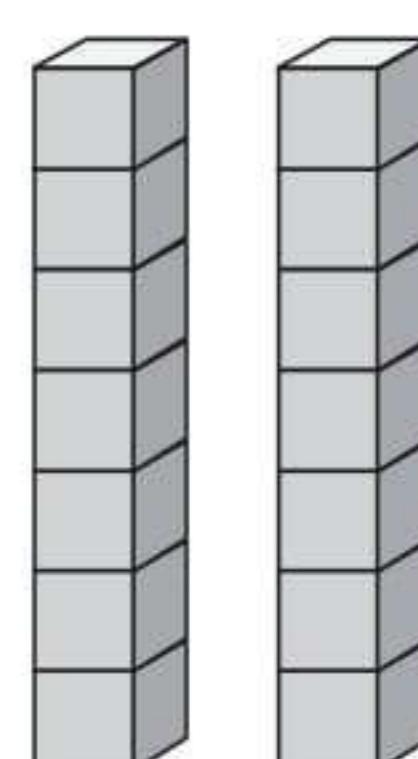
1



$5 \square 3$

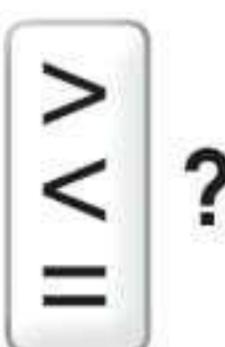


$4 \square 6$



$7 \square 7$

2



$4 \square 7$   
 $6 \square 3$

$10 \square 2$   
 $9 \square 9$

$0 \square 7$   
 $1 \square 8$

$8 \square 10$   
 $5 \square 5$

3

Viết các số sau:

4      8      5

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

4

Khoanh vào tên bạn có ít viên bi nhất:



Lê



Hà



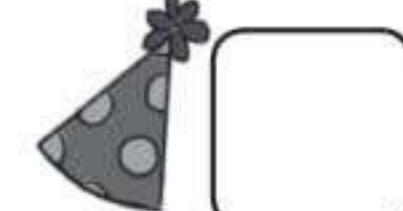
Vũ

## Bài 12

# EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1

Số ?

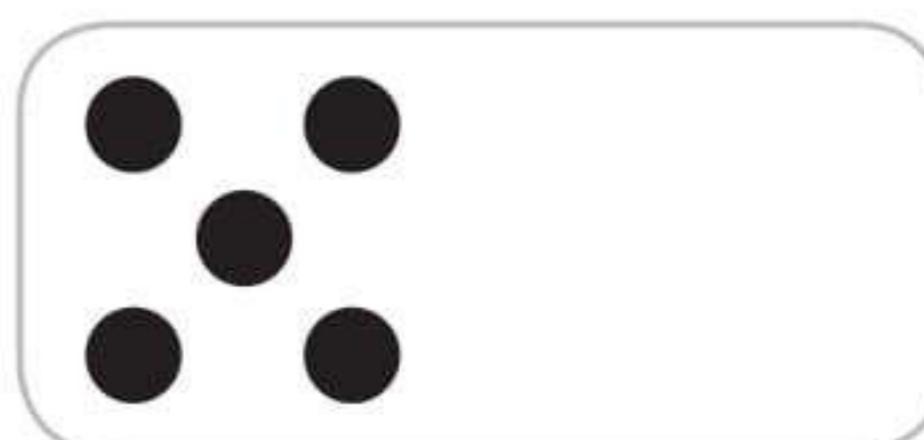
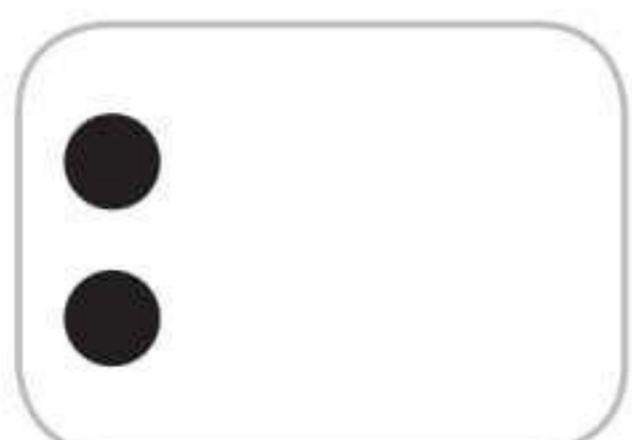
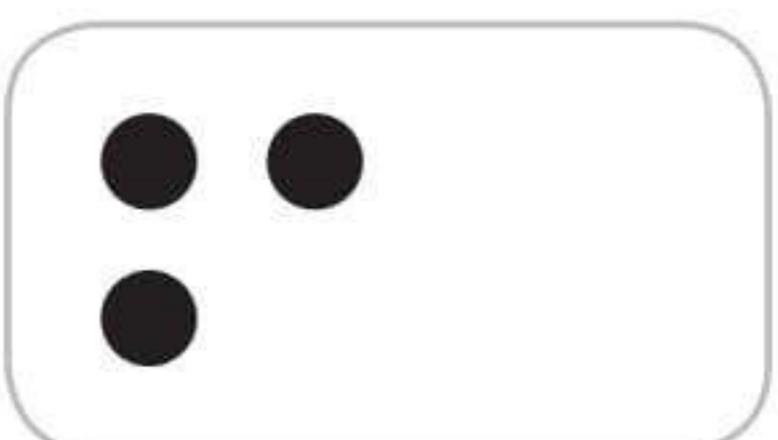


2

a) Khoanh vào 9 đồ vật:



b) Vẽ thêm cho đủ số chấm tròn:

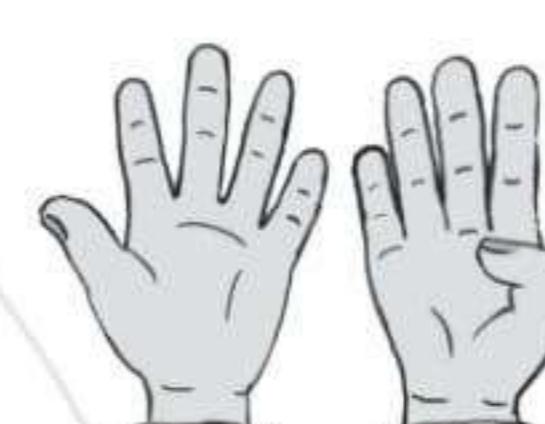
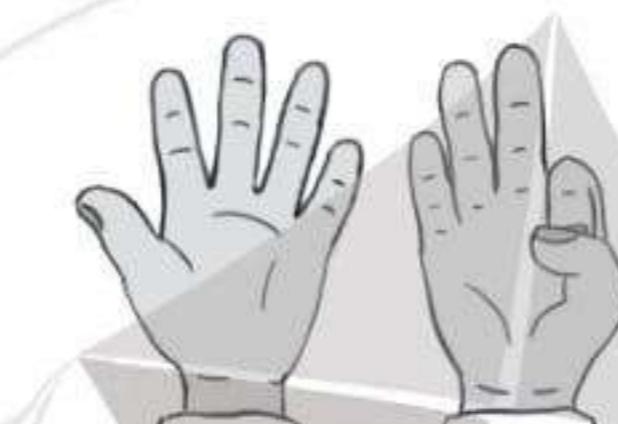
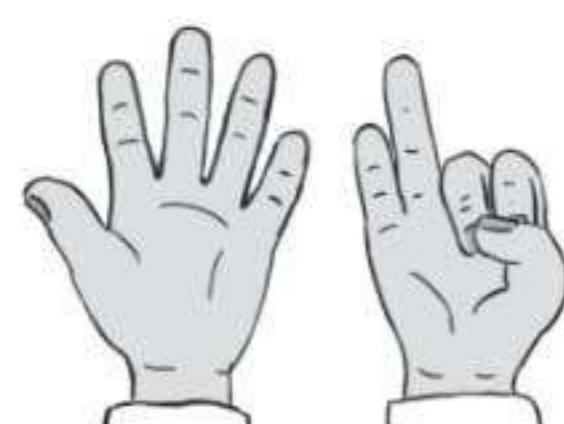
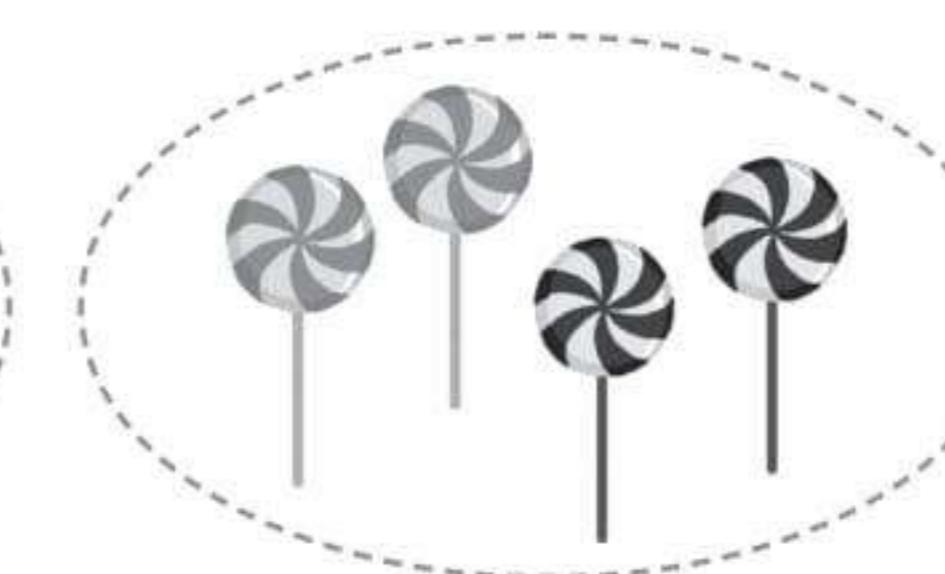
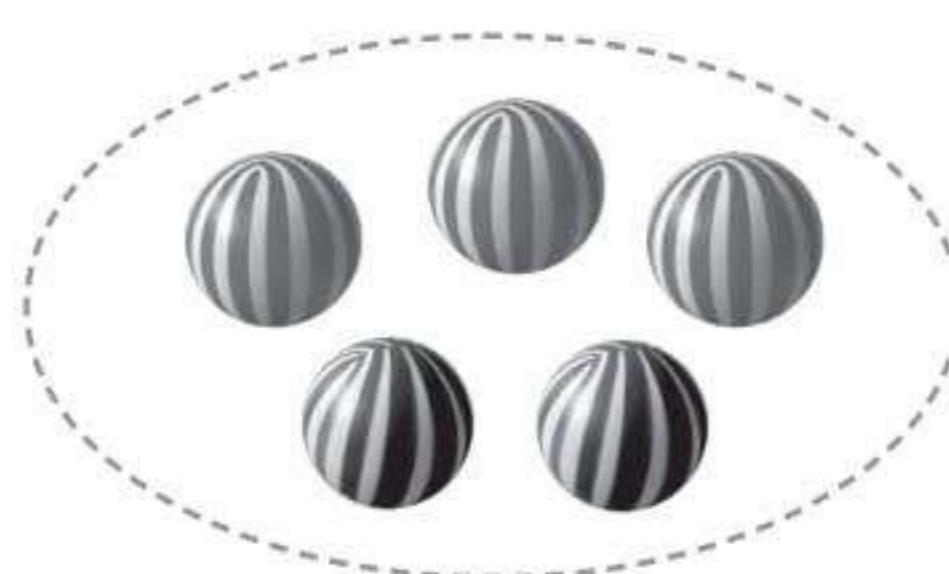


6

3

10

3 Số ?



4 Xem các số ghi trên mỗi thẻ số sau:



- Viết các số bé hơn 5: .....
- Viết các số lớn hơn 7: .....
- Viết các số 6, 3, 7, 2 theo thứ tự từ bé đến lớn:  
.....

5

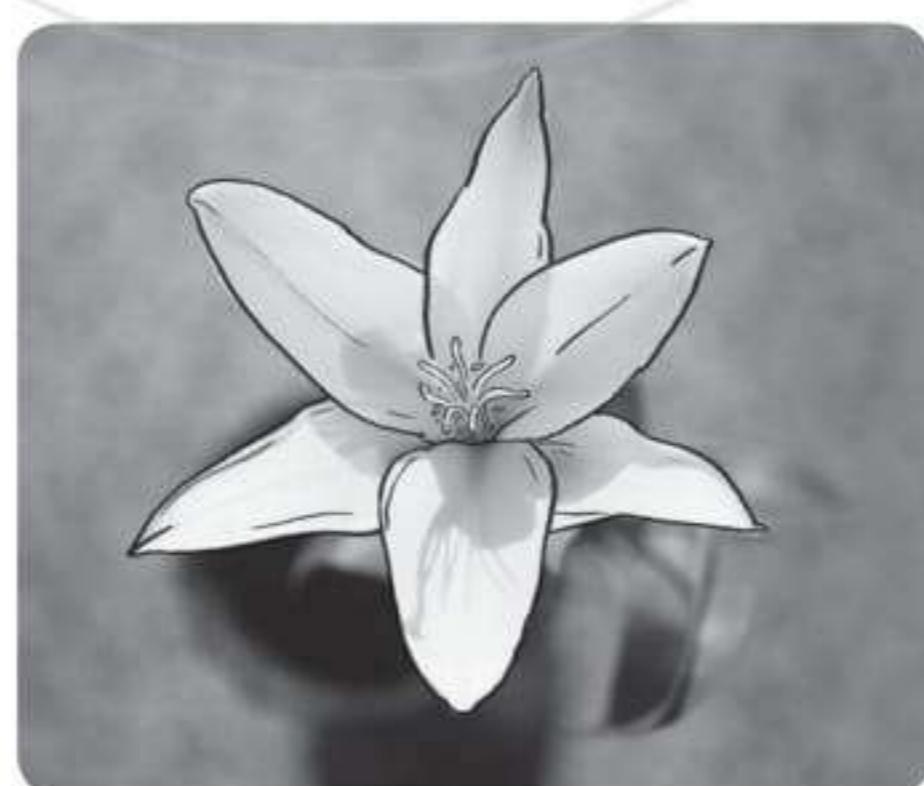
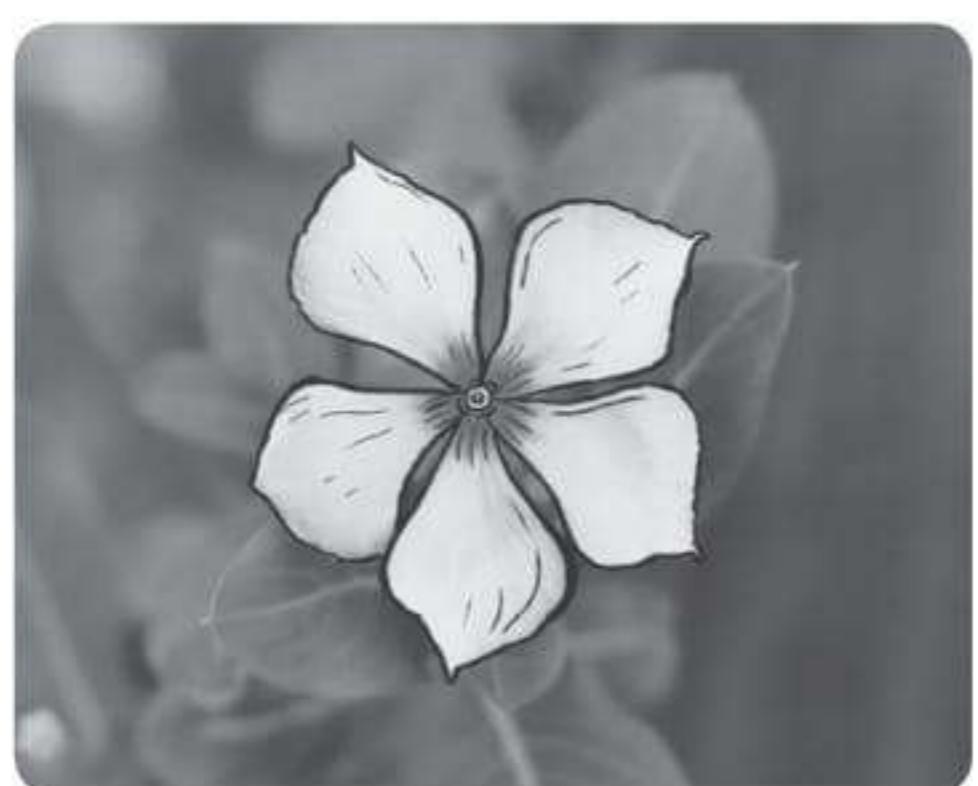
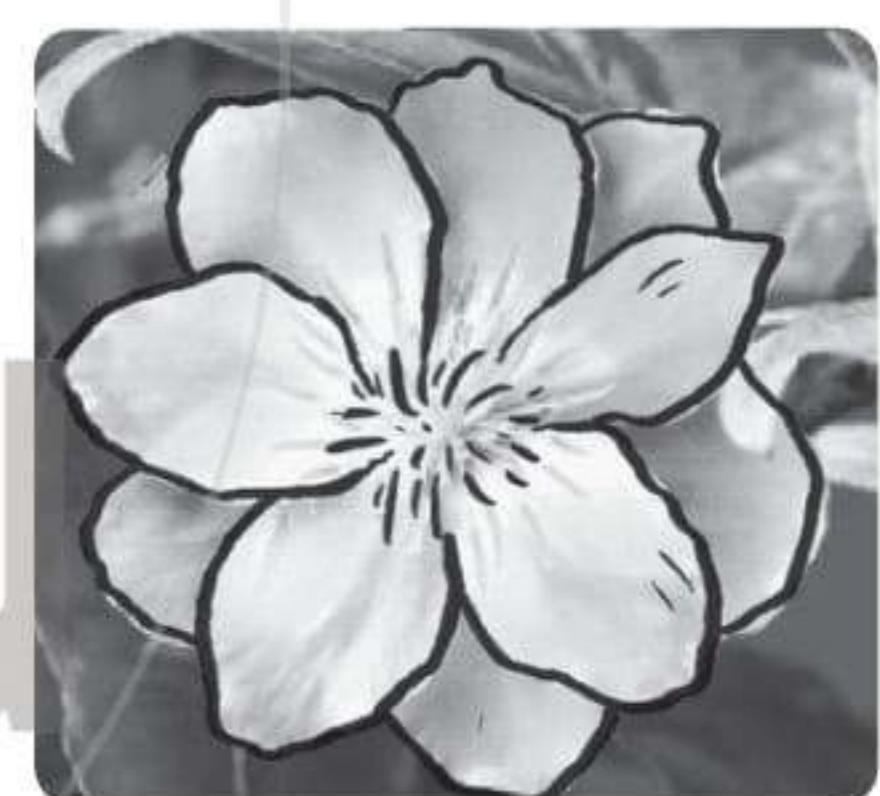
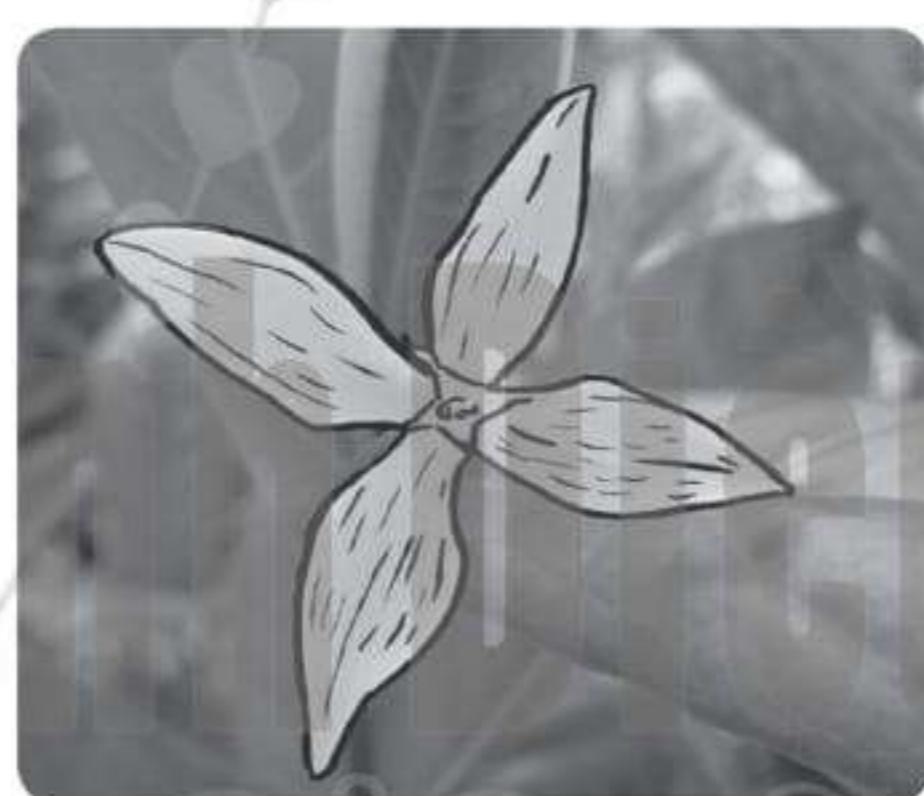
### Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình ở dưới có ..... hình vuông, ..... hình tròn,  
..... hình tam giác, ..... hình chữ nhật.



6

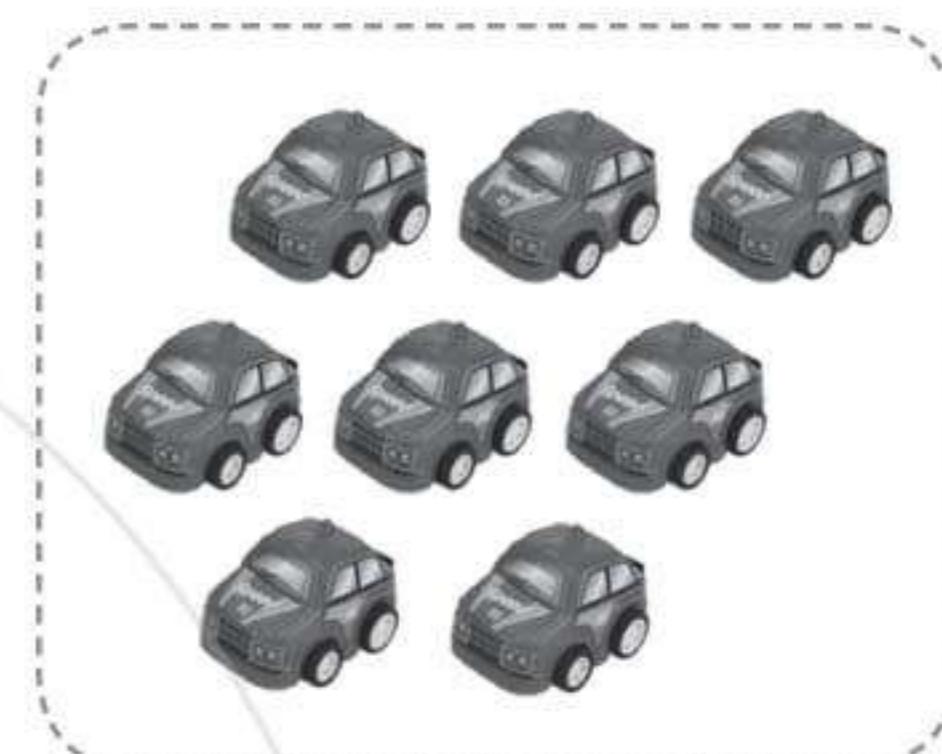
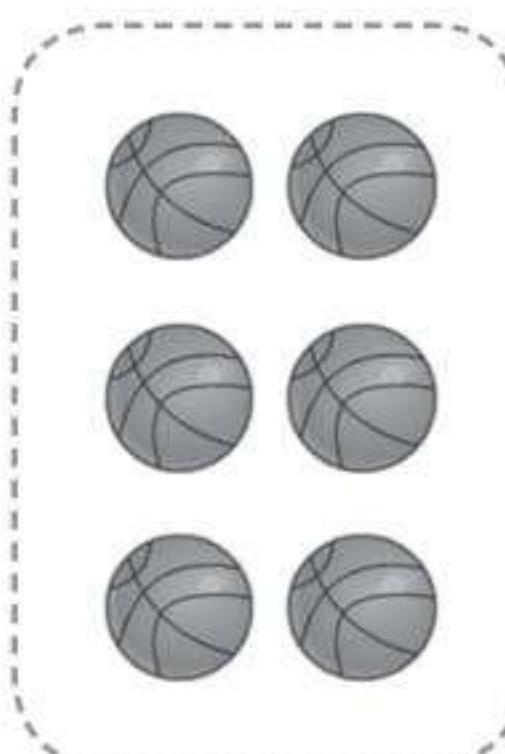
### Đếm rồi viết số cánh của mỗi bông hoa vào ô trống:



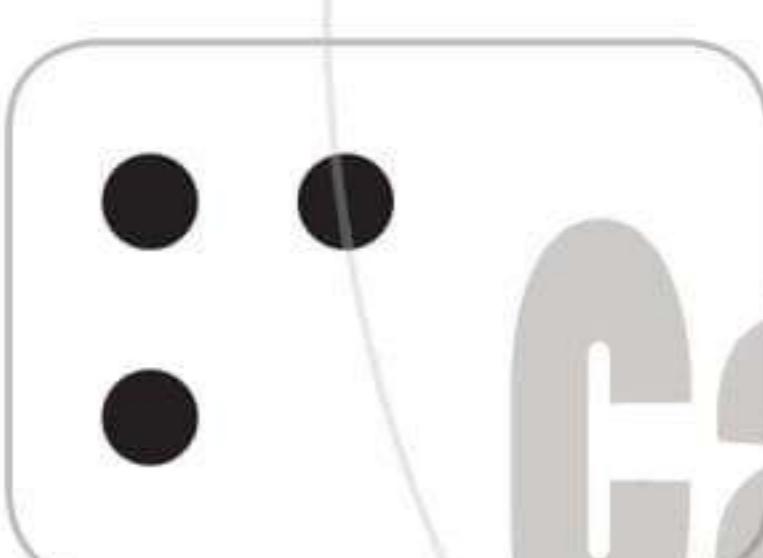
# Bài 13

## BÀI KIỂM TRA SỐ 1

1 Số ?



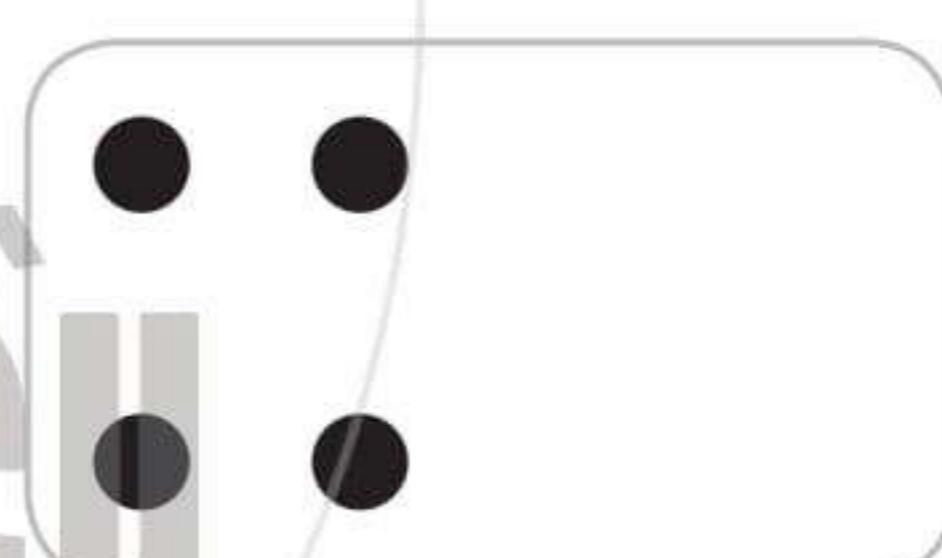
2 Vẽ thêm cho đủ số chấm tròn:



7



4



10

3 = < > ?

4  8

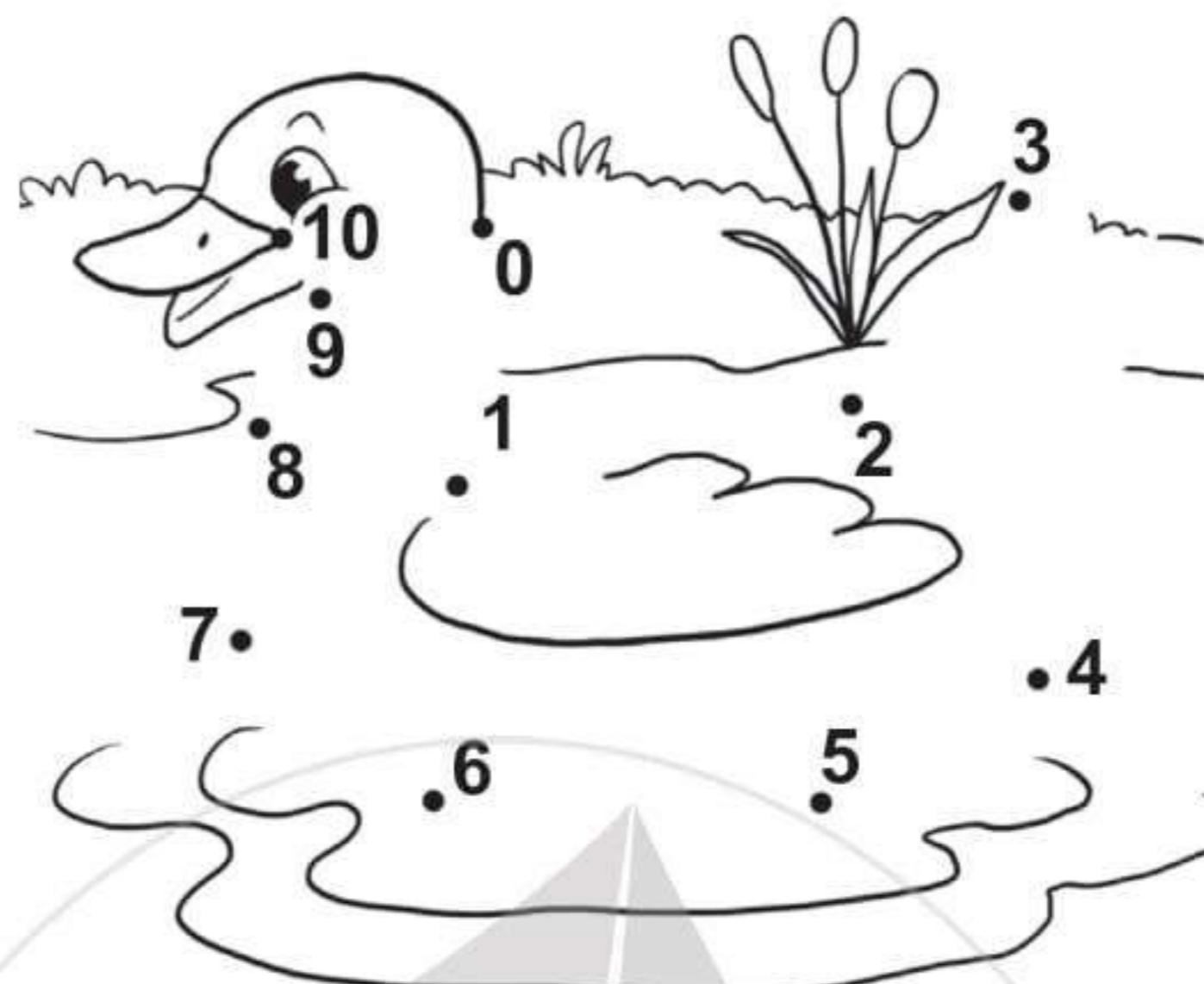
6  6

10  1

0  3

4

Nối các số theo thứ tự từ 0 đến 10:



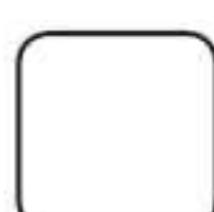
5

Viết các số 4, 0, 9, 6 theo thứ tự từ lớn đến bé:

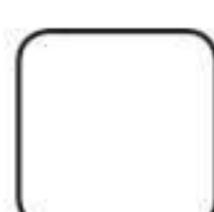
6

Số ?

Hình bên có:



hình tam giác



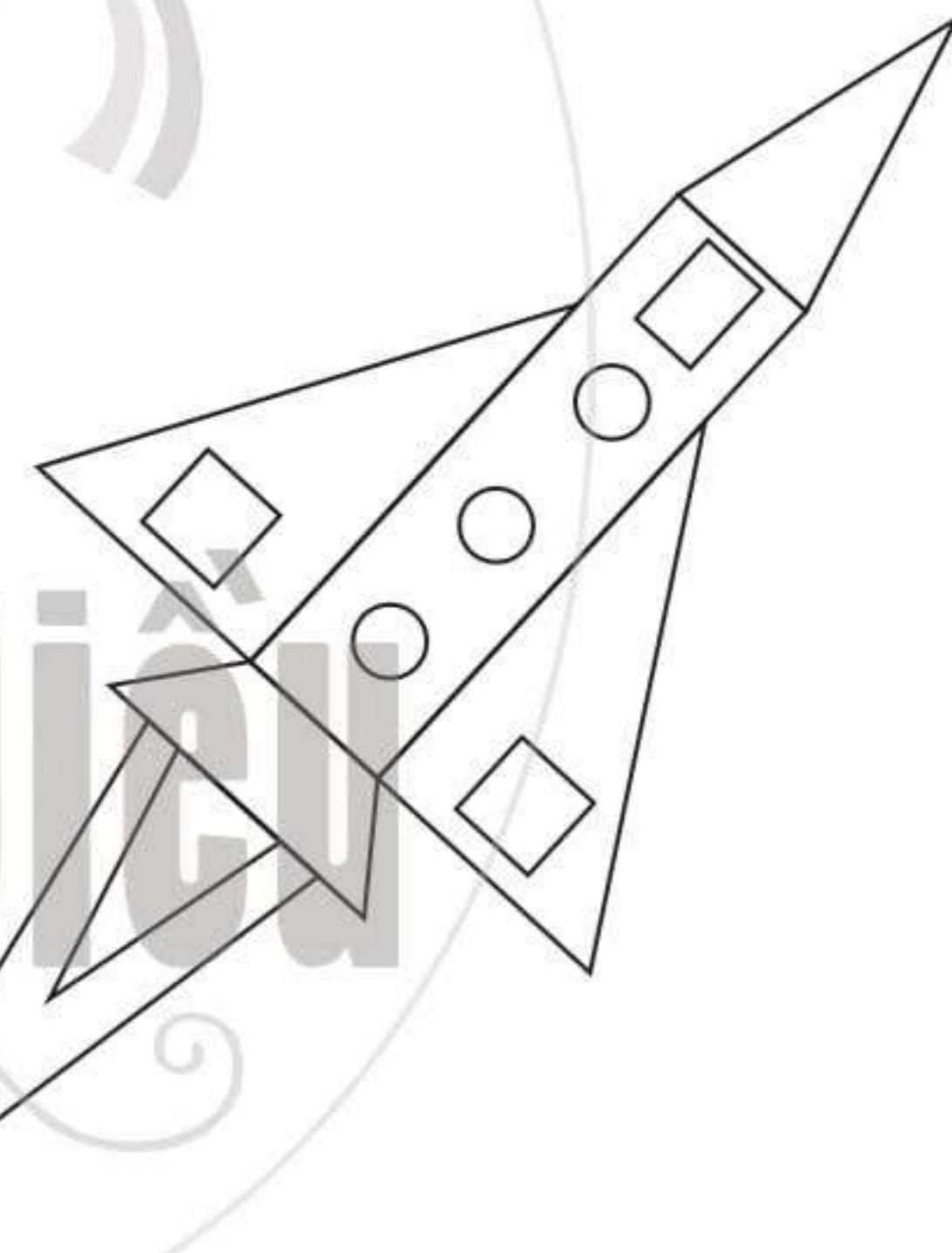
hình vuông



hình chữ nhật



hình tròn



7

Nối (theo mẫu):



2

3

4

6



## Bài 14

# LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG

1

Số ?



$2 + 1 = \boxed{\phantom{0}}$



$2 + 2 = \boxed{\phantom{0}}$

2

Nối phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:



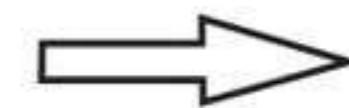
$3 + 2$



$3 + 1$

3

a) Xem tranh rồi viết phép tính thích hợp:



$2 \bigcirc 3 = \boxed{\phantom{0}}$

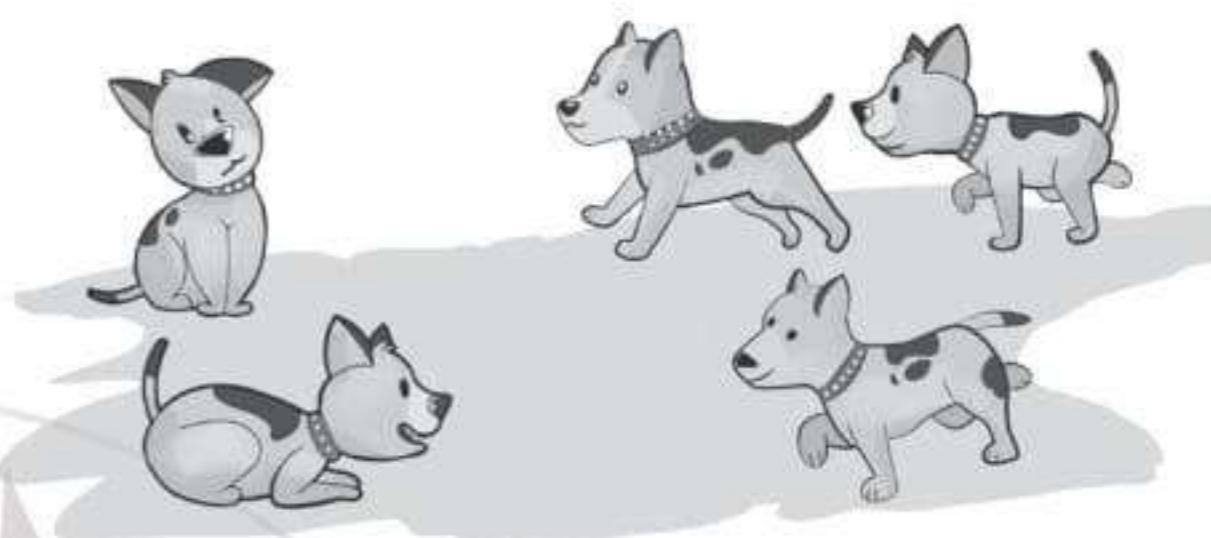
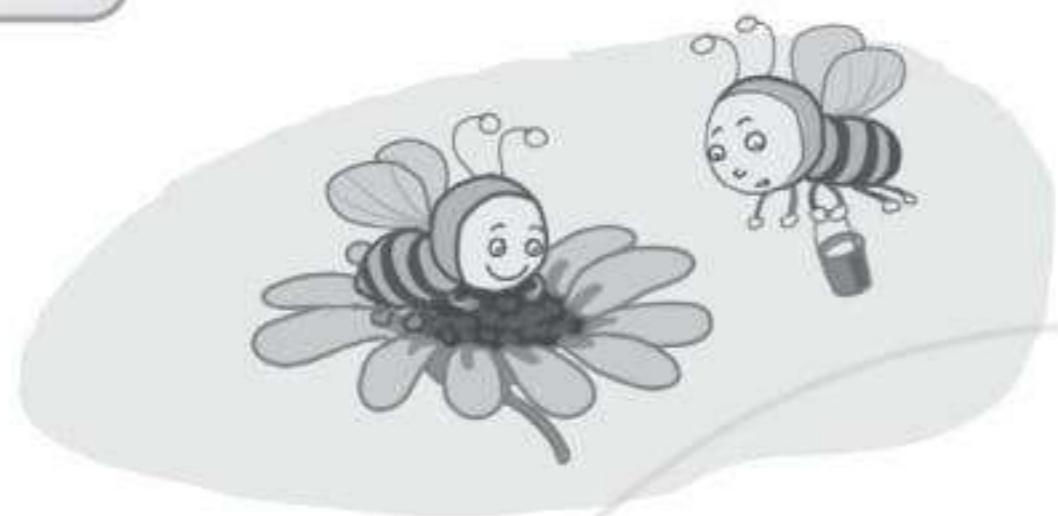
b) Tập kể chuyện theo phép tính đã viết.

## Bài 15

# LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG (tiếp theo)

1

SỐ ?

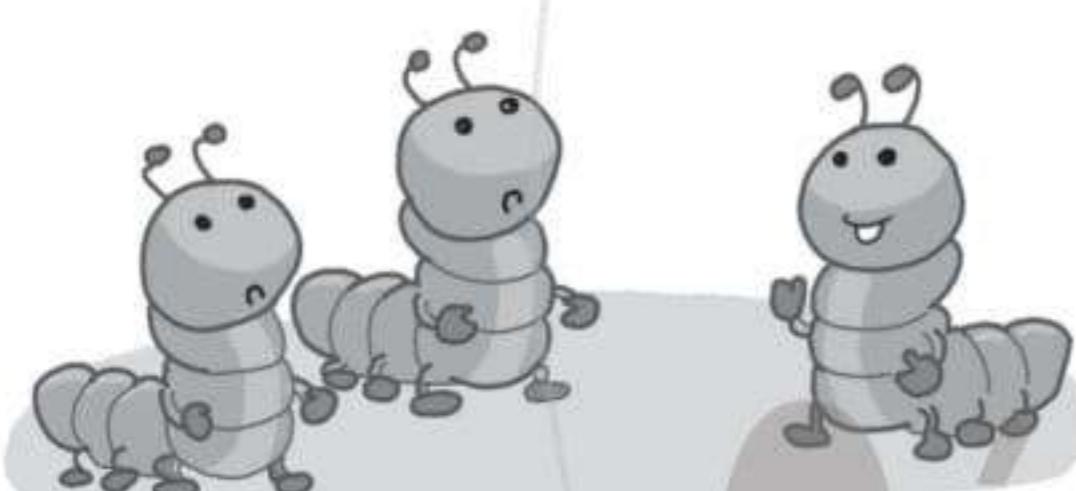


$1 + 1 = \boxed{\phantom{0}}$

$2 + 3 = \boxed{\phantom{0}}$

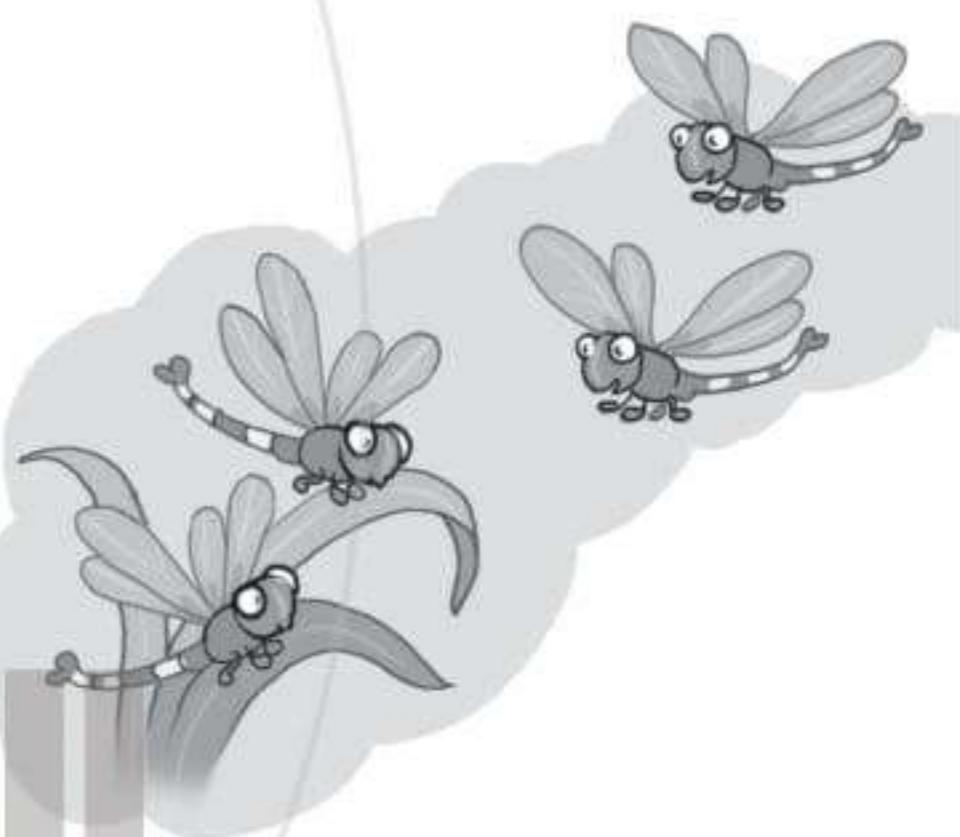
2

Nối phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:



$2 + 2$

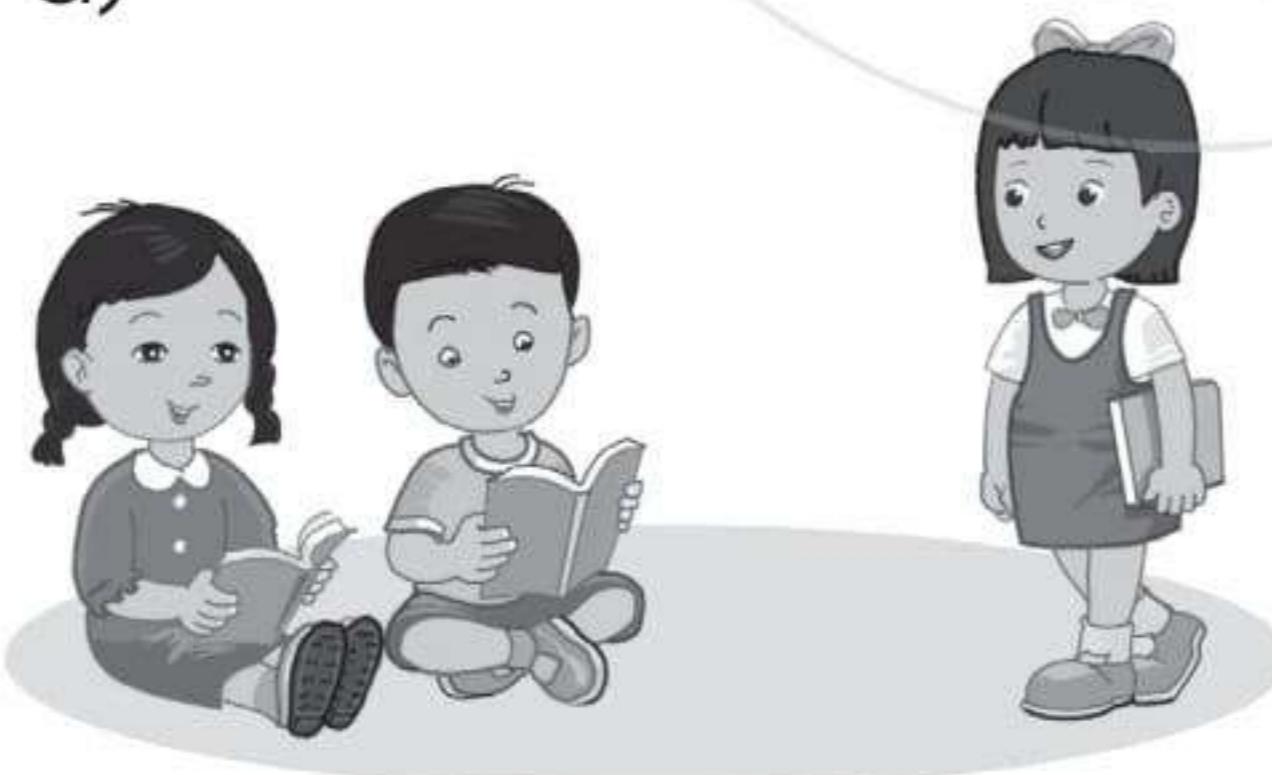
$2 + 1$



3

Xem tranh rồi viết phép tính thích hợp:

a)



b)



$2 \bigcirc 1 = \boxed{\phantom{0}}$

$4 \bigcirc 2 = \boxed{\phantom{0}}$

## Bài 16

# PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6

1

Số ?



$$2 + 1 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$3 + 2 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$1 + 3 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$5 + 1 = \boxed{\phantom{0}}$$

2

Tính:

$$1 + 1 = \dots$$

$$1 + 2 = \dots$$

$$1 + 5 = \dots$$

$$2 + 2 = \dots$$

$$2 + 4 = \dots$$

$$3 + 3 = \dots$$

$$4 + 1 = \dots$$

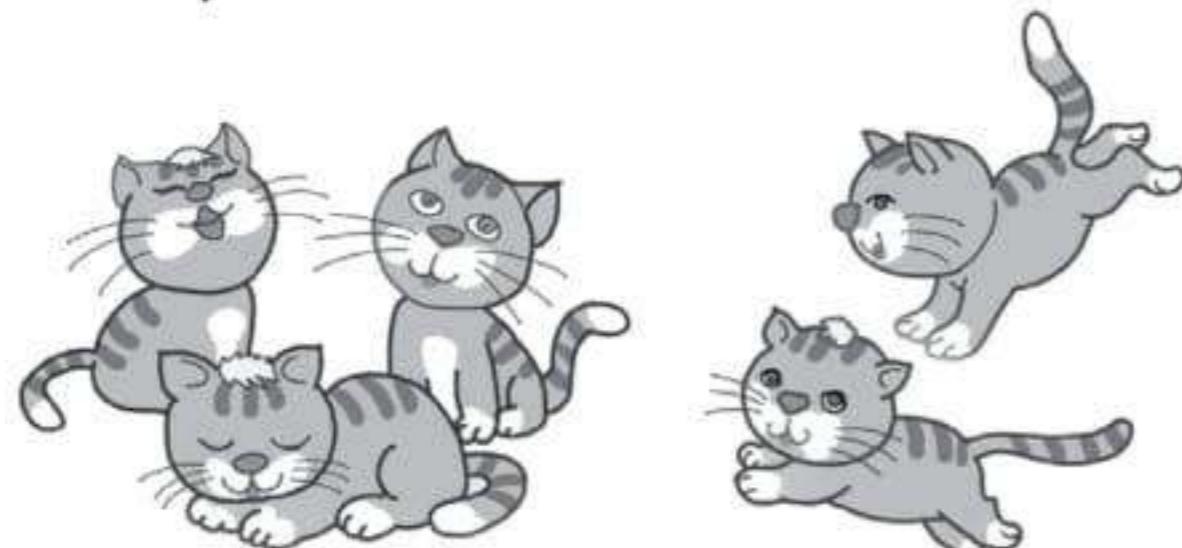
$$2 + 3 = \dots$$

$$1 + 4 = \dots$$

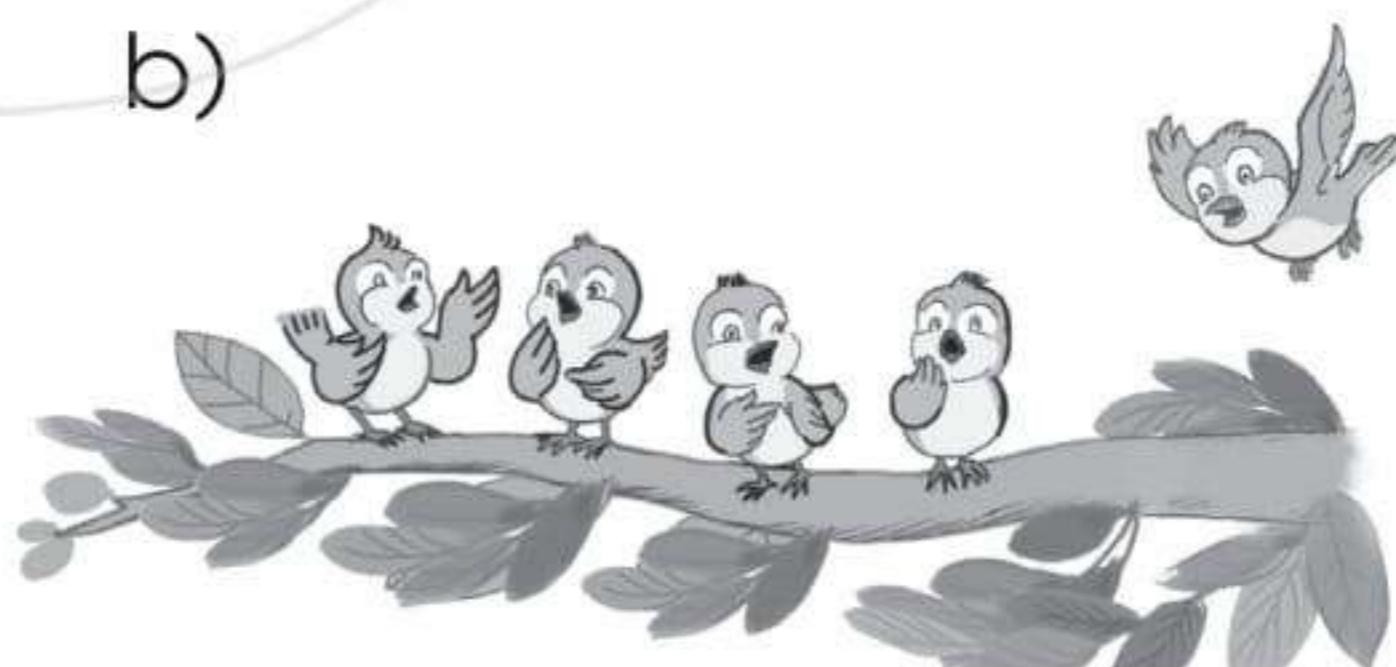
3

Xem tranh rồi viết phép tính thích hợp:

a)



b)



$$\boxed{\phantom{0}} \ \boxed{\phantom{0}} \ \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

$$\boxed{\phantom{0}} \ \boxed{\phantom{0}} \ \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

## Bài 17

# PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)

1 Tính nhẩm:

a)

$4 + 1 = \dots$

$5 + 1 = \dots$

$3 + 2 = \dots$

$2 + 2 = \dots$

$2 + 3 = \dots$

$3 + 3 = \dots$

b)

$2 + 1 = \dots$

$1 + 2 = \dots$

$3 + 1 = \dots$

$1 + 3 = \dots$

$4 + 2 = \dots$

$2 + 4 = \dots$

2

Viết các phép tính còn thiếu vào ô trống:

$1 + 1$

$2 + 1$

$3 + 1$

$4 + 1$

$5 + 1$

$1 + 2$

$1 + 3$

$2 + 3$

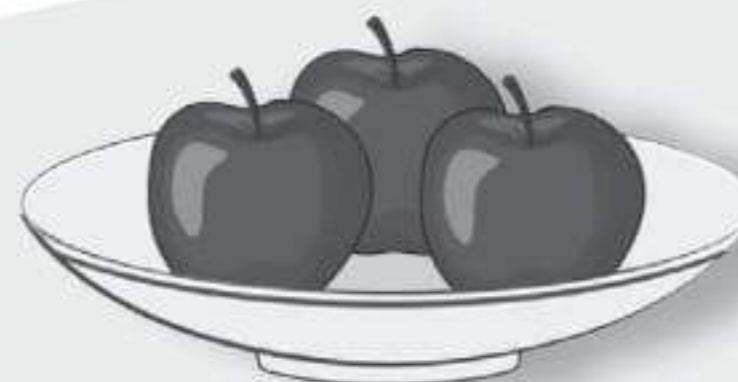
$3 + 3$

$2 + 4$

$1 + 5$

3

Tính (theo mẫu):



$$3 + 0 = 3$$

$$2 + 0 = \dots$$

$$5 + 0 = \dots$$

$$0 + 1 = \dots$$

$$4 + 0 = \dots$$

$$6 + 0 = \dots$$

$$0 + 3 = \dots$$

4

Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\boxed{3} \bigcirc \boxed{3} = \boxed{\quad}$$

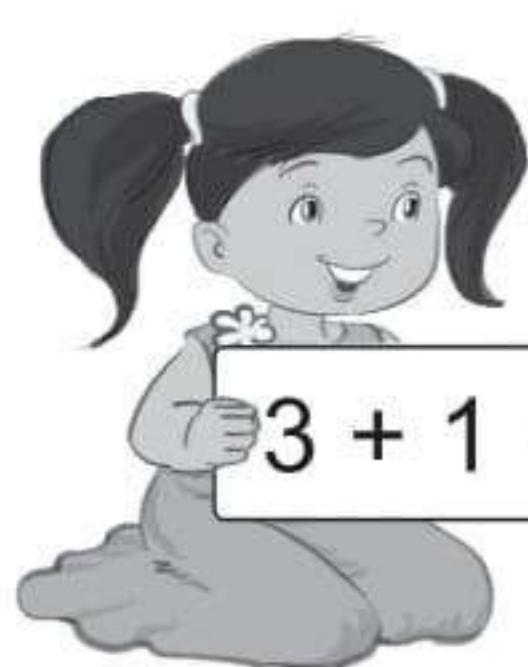
b)



$$\boxed{\quad} \bigcirc \boxed{\quad} = \boxed{\quad}$$

# Bài 18 LUYỆN TẬP

- 1 Viết kết quả của mỗi phép tính:



$$3 + 1$$

$$3 + 1 = \dots$$

$$4 + 1 = \dots$$

$$3 + 2 = \dots$$

$$5 + 1 = \dots$$

$$4 + 2 = \dots$$

$$2 + 3 = \dots$$

$$6 + 0 = \dots$$

$$0 + 5 = \dots$$

4



$$1 + 3 = \dots$$

- 2 Tính nhẩm:

$$2 + 1 = \dots$$

$$1 + 1 = \dots$$

$$1 + 0 = \dots$$

$$1 + 4 = \dots$$

$$2 + 2 = \dots$$

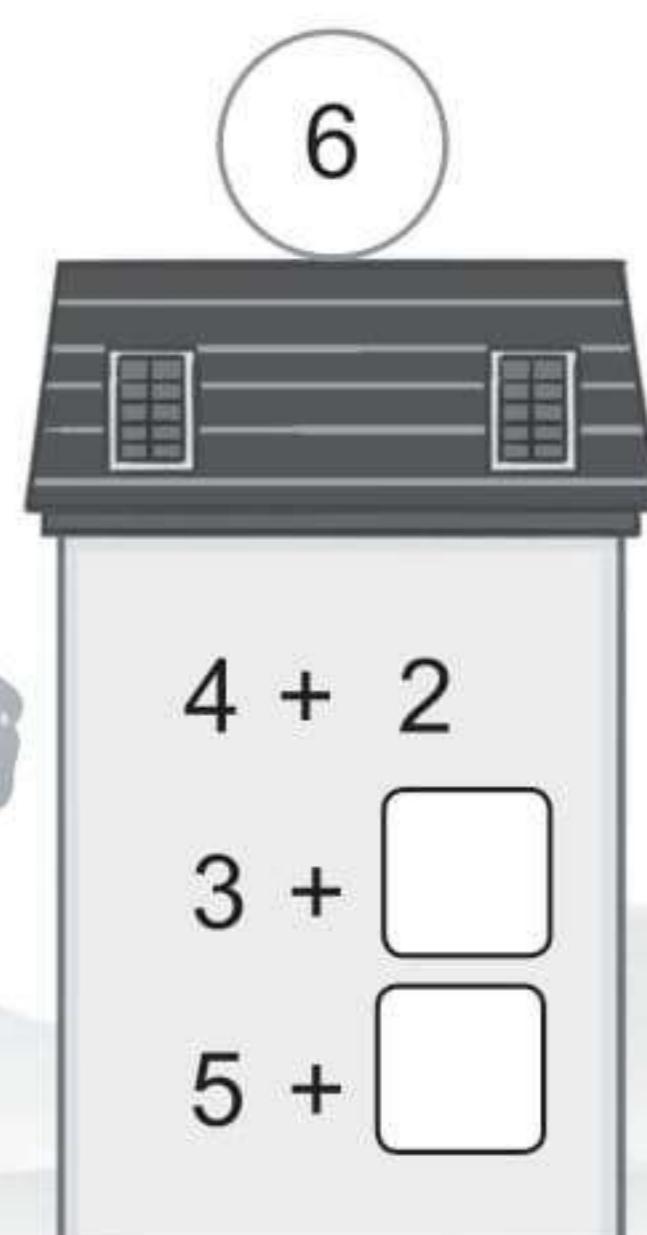
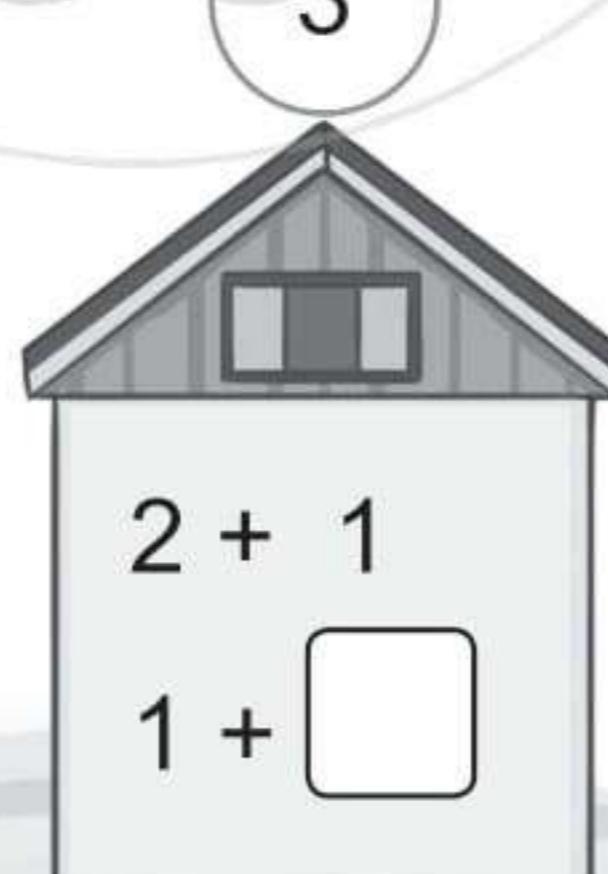
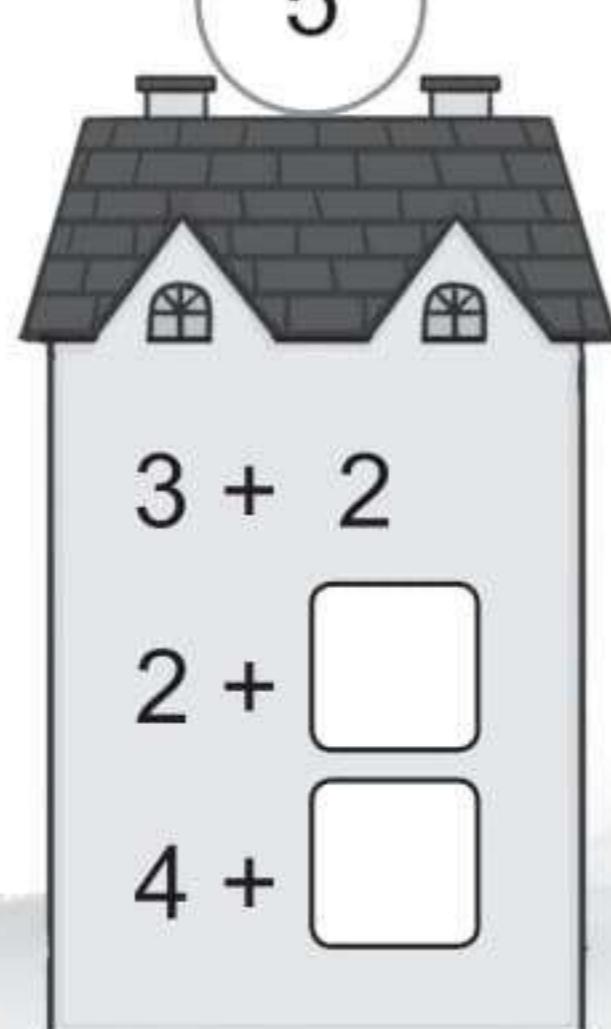
$$0 + 2 = \dots$$

$$1 + 5 = \dots$$

$$3 + 3 = \dots$$

$$0 + 6 = \dots$$

- 3 Số ?



4

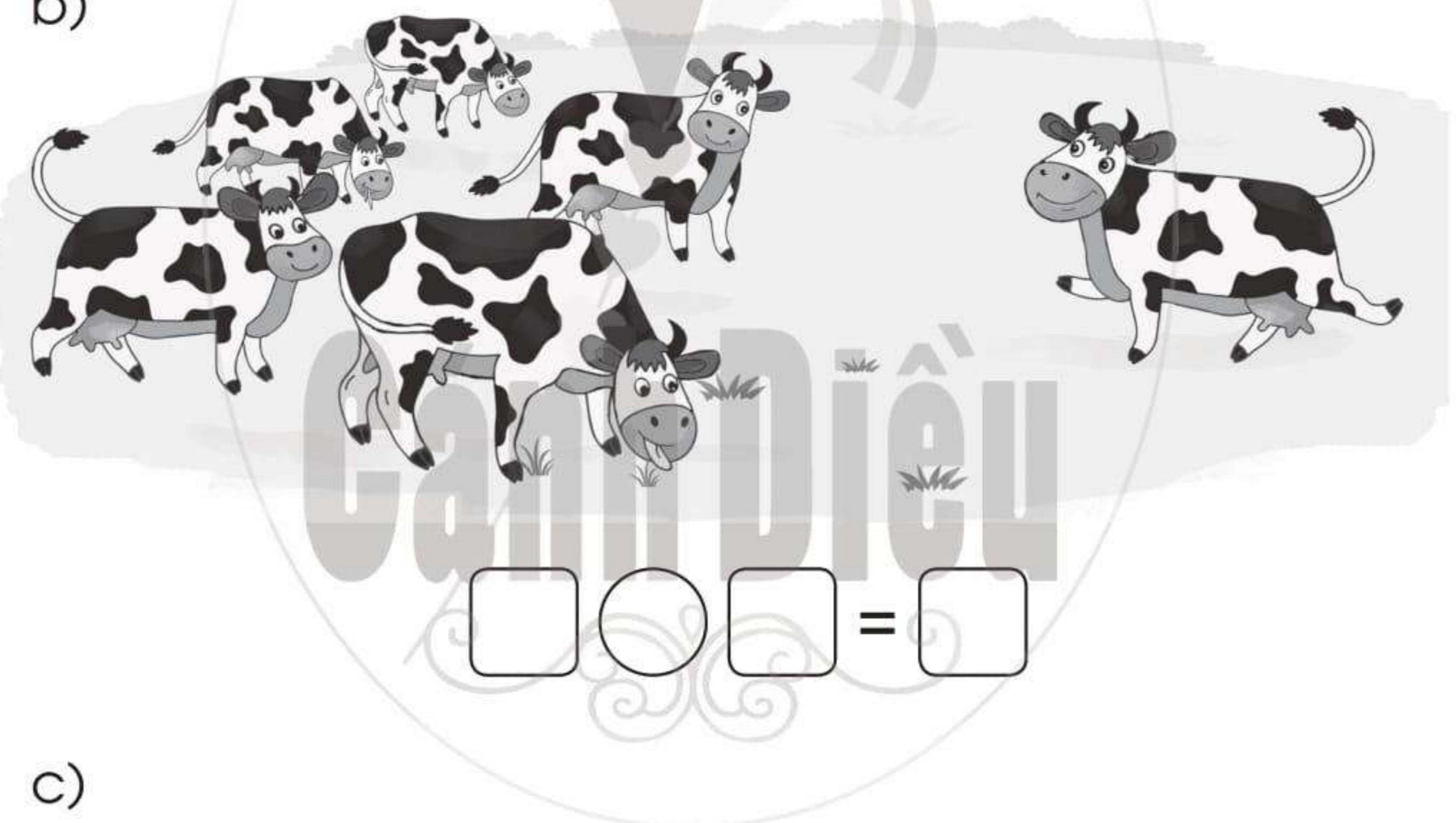
#### Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



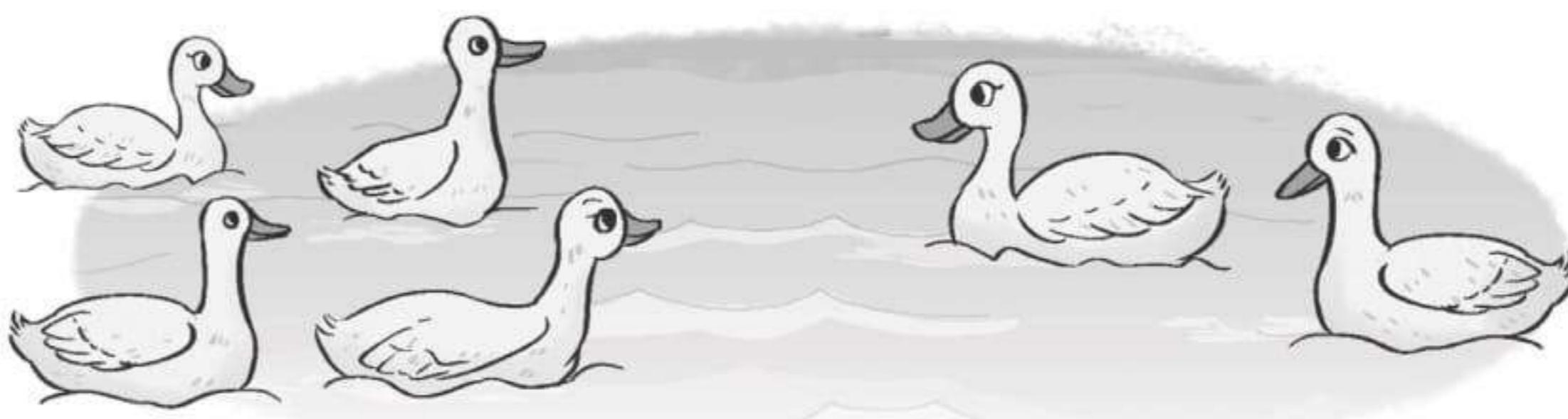
$$2 \square 3 = \square$$

b)



$$\square \square \square = \square$$

c)



$$\square \square \square = \square$$

# Bài 19

# PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

1

Số ?



$$5 + 2 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$6 + 1 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$7 + 2 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$7 + 3 = \boxed{\phantom{0}}$$

2

Tính:

$$8 + 1 = \dots$$

$$5 + 5 = \dots$$

$$7 + 1 = \dots$$

$$6 + 3 = \dots$$

$$4 + 3 = \dots$$

$$8 + 2 = \dots$$

$$9 + 1 = \dots$$

$$6 + 2 = \dots$$

$$5 + 3 = \dots$$

3

Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



b)



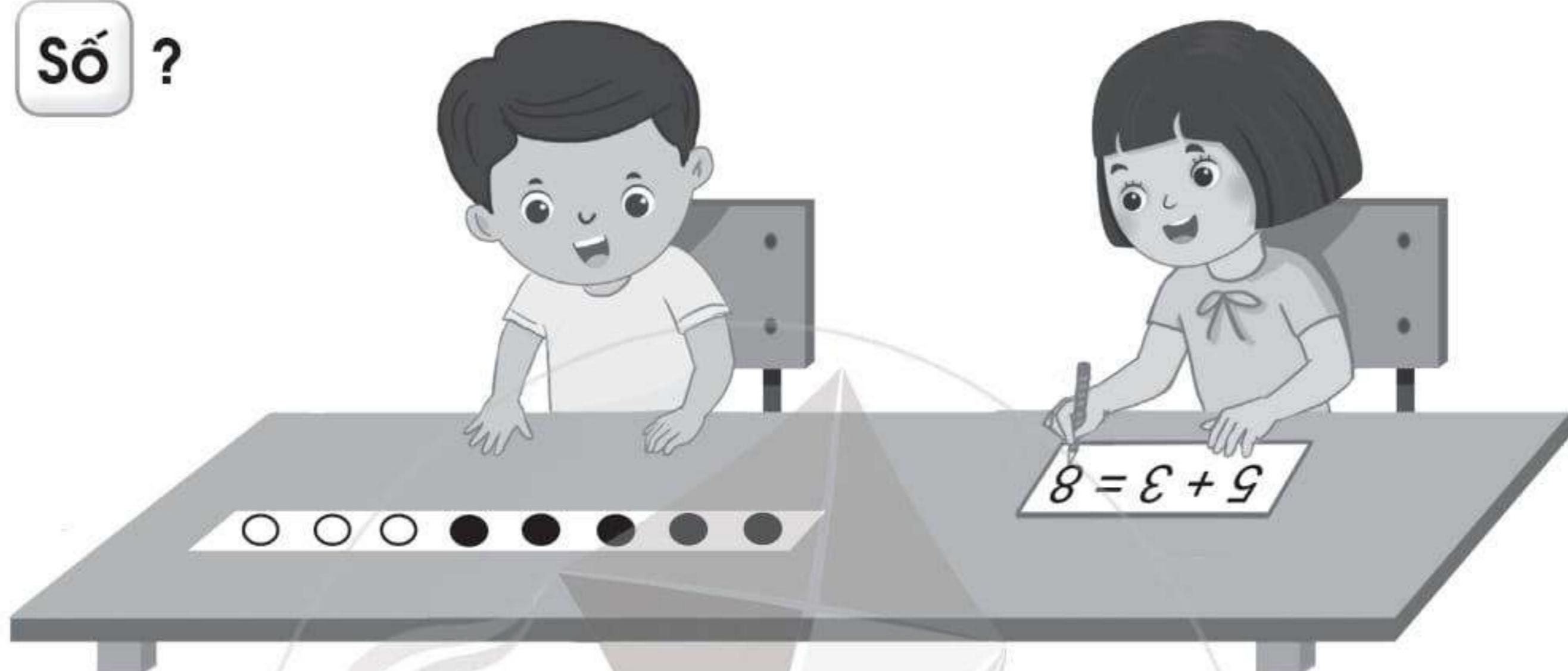
$$4 \ \boxed{\phantom{0}} \ 4 = \boxed{\phantom{0}}$$

$$\boxed{\phantom{0}} \ \boxed{\phantom{0}} \ \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

# Bài 20 LUYỆN TẬP

1

Số ?



$6 + 3 = \boxed{\phantom{0}}$



$2 + 6 = \boxed{\phantom{0}}$



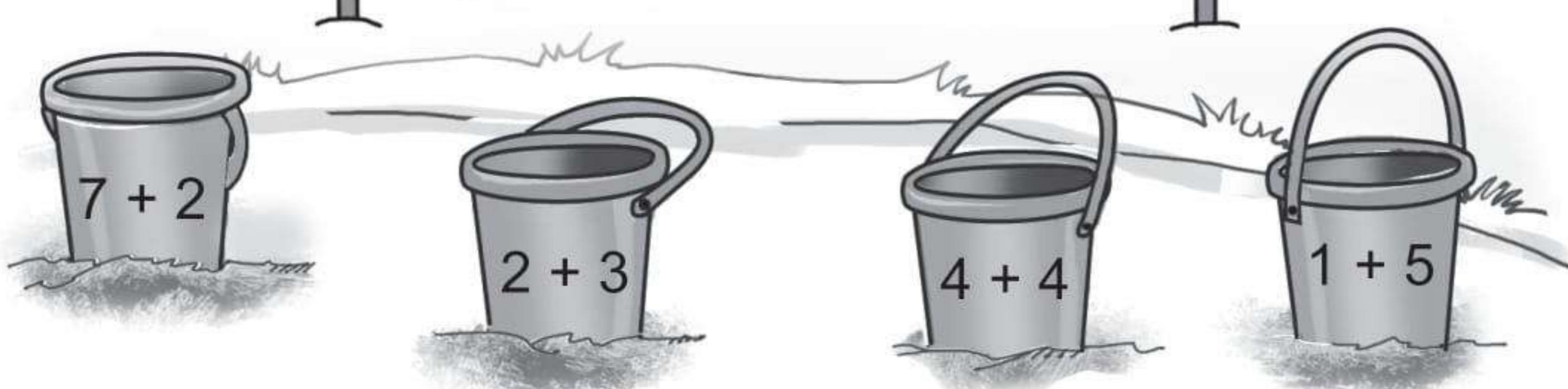
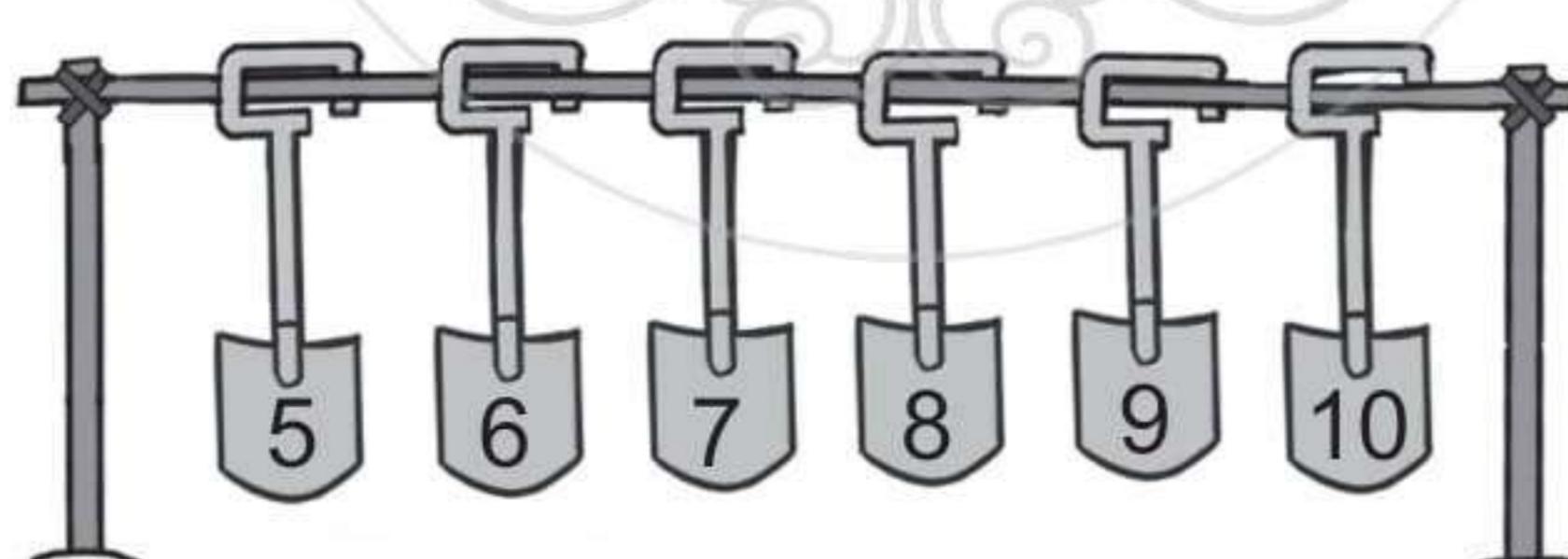
$1 + 7 = \boxed{\phantom{0}}$



$5 + 5 = \boxed{\phantom{0}}$

2

Nối mỗi phép tính với kết quả đúng:



**3**

Tính:

a)  $7 + 1 = \dots$

$9 + 1 = \dots$

$6 + 3 = \dots$

$1 + 7 = \dots$

$1 + 9 = \dots$

$3 + 6 = \dots$

b)  $7 + 0 = \dots$

$8 + 0 = \dots$

$10 + 0 = \dots$

$0 + 7 = \dots$

$0 + 8 = \dots$

$0 + 10 = \dots$

**4**

Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square + \square = \square$$

b)



$$\square + \square = \square$$

## Bài 21

# PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)

1

Tính nhẩm:

$4 + 2 = \dots$

$1 + 9 = \dots$

$6 + 4 = \dots$

$5 + 3 = \dots$

$5 + 5 = \dots$

$1 + 6 = \dots$

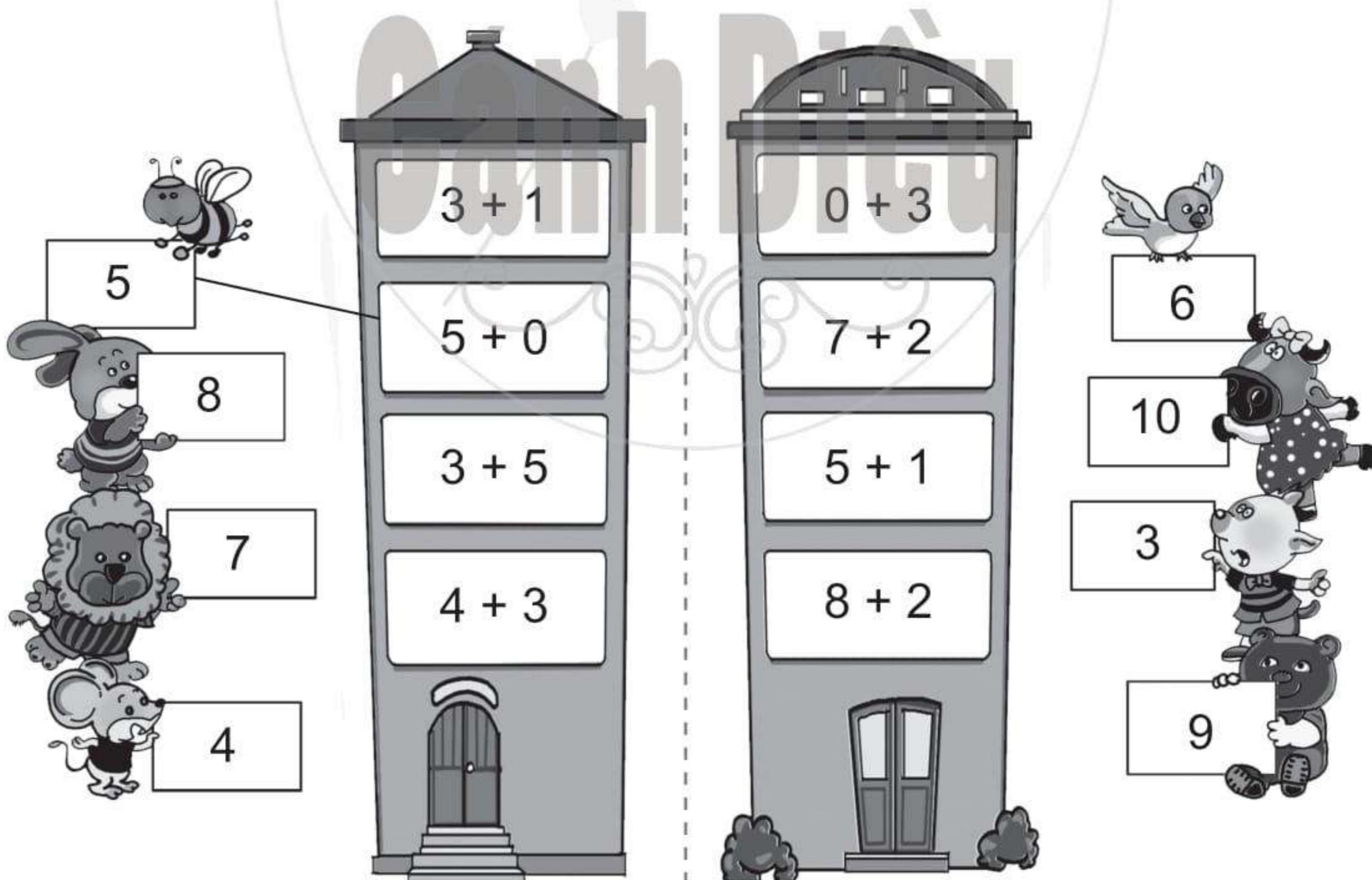
$7 + 3 = \dots$

$3 + 4 = \dots$

$1 + 7 = \dots$

2

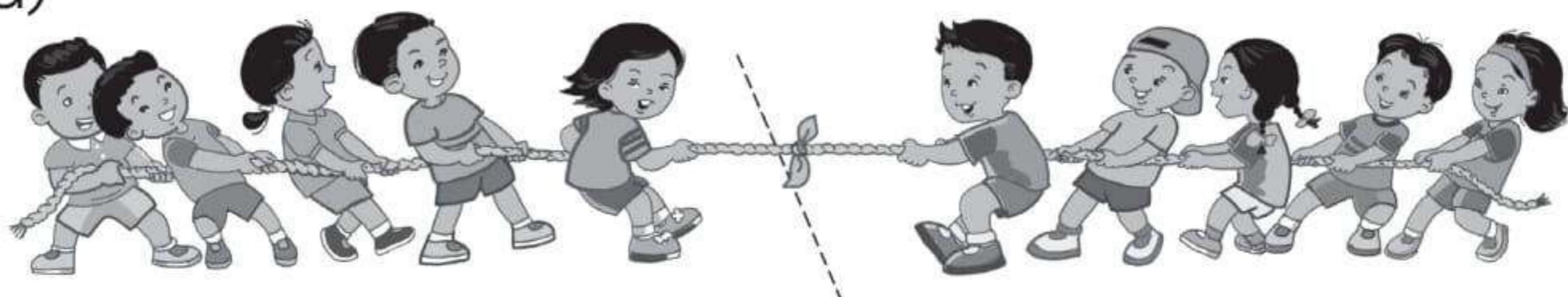
Nối (theo mẫu):



3

Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square + \square = \square$$

b)



$$\square + \square = \square$$

4

a) Tô màu vào những phép tính có kết quả bằng 7:

$$6 + 1$$

$$3 + 4$$

$$3 + 3$$

$$4 + 1$$

$$4 + 2$$

$$0 + 7$$

$$5 + 2$$

$$5 + 1$$

$$4 + 3$$

b) Tô màu vào những phép tính có kết quả bằng 10:

$$8 + 2$$

$$5 + 5$$

$$3 + 7$$

$$6 + 3$$

$$9 + 1$$

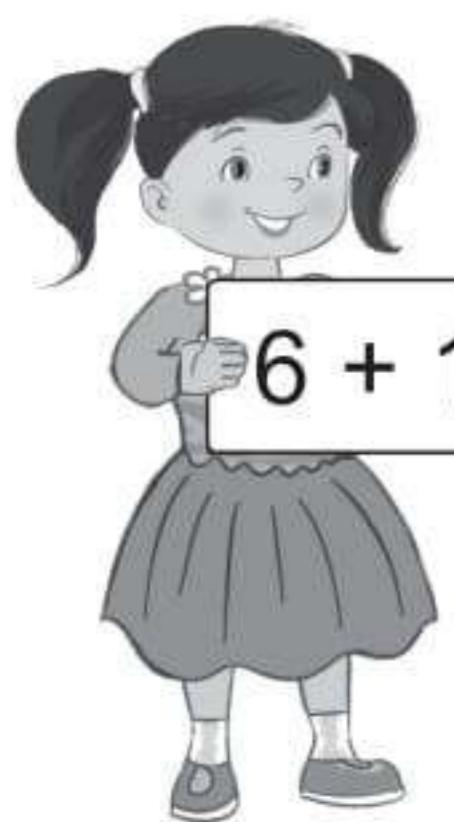
$$8 + 1$$

$$6 + 4$$

$$10 + 0$$

# Bài 22 LUYỆN TẬP

1 Viết kết quả của mỗi phép tính:



$$6 + 1 = \dots$$

$$3 + 4 = \dots$$

$$5 + 2 = \dots$$



$$2 + 6 = \dots$$

$$4 + 2 = \dots$$

$$7 + 3 = \dots$$

$$8 + 0 = \dots$$

$$6 + 3 = \dots$$

$$8 + 1 = \dots$$

2 Tính nhẩm:

$$7 + 1 = \dots$$

$$9 + 1 = \dots$$

$$9 + 0 = \dots$$

$$5 + 4 = \dots$$

$$4 + 4 = \dots$$

$$0 + 8 = \dots$$

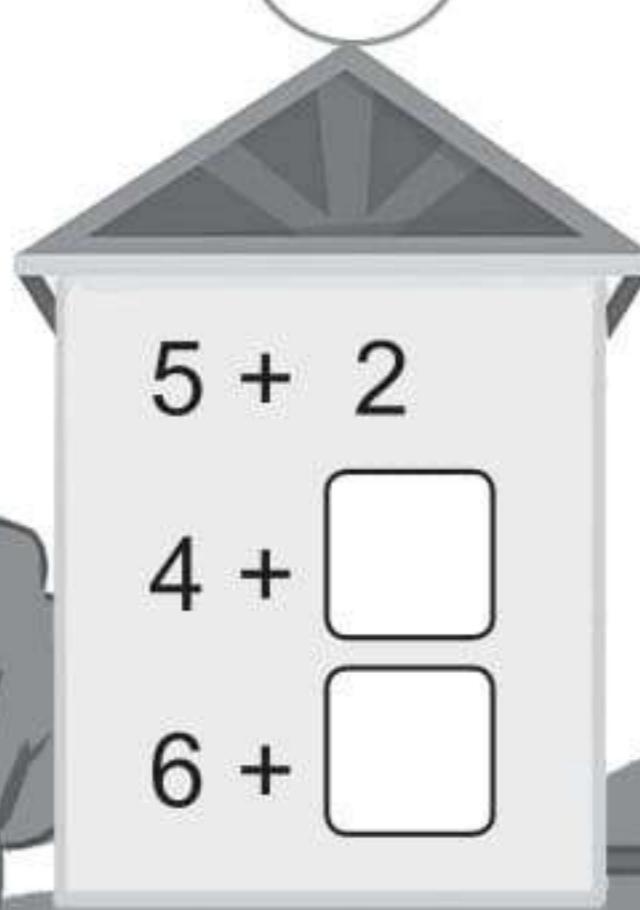
$$8 + 2 = \dots$$

$$2 + 7 = \dots$$

$$0 + 10 = \dots$$

3 Số ?

7

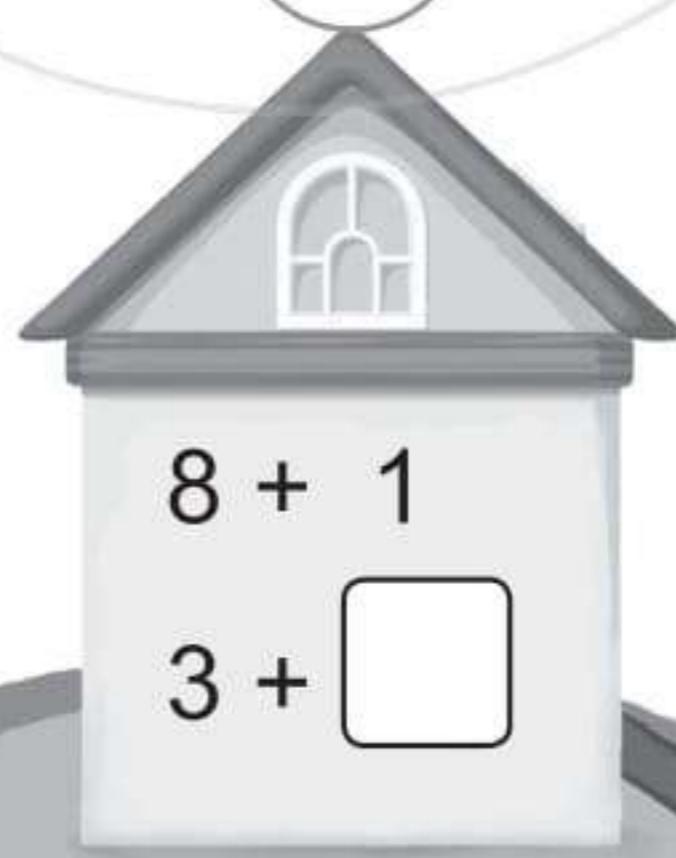


$$5 + 2 =$$

$$4 + \boxed{\phantom{0}} =$$

$$6 + \boxed{\phantom{0}} =$$

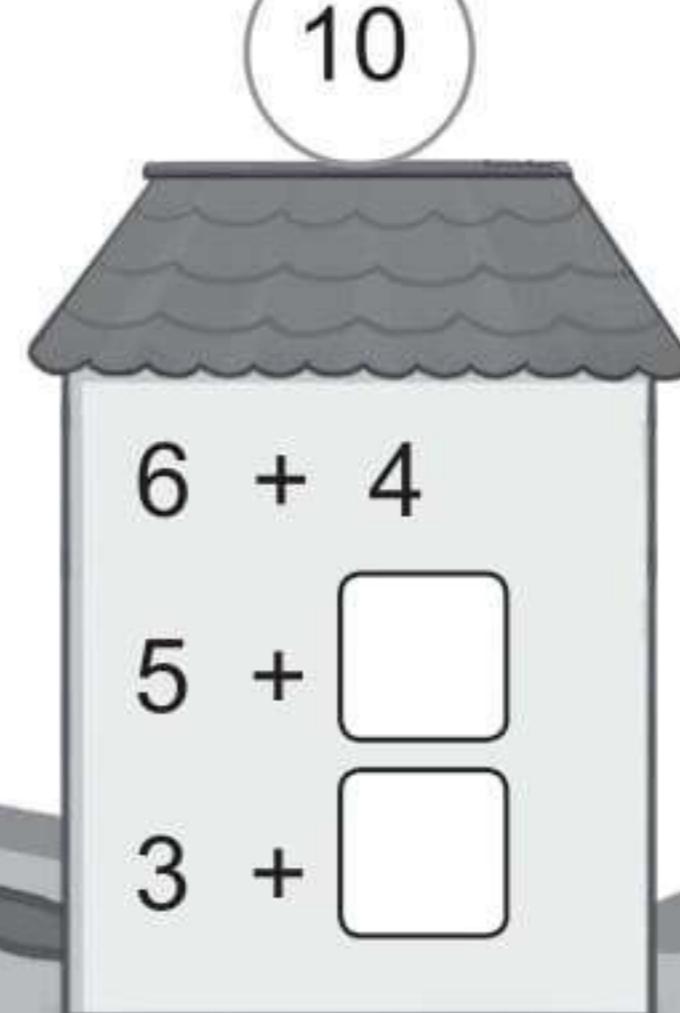
9



$$8 + 1 =$$

$$3 + \boxed{\phantom{0}} =$$

10



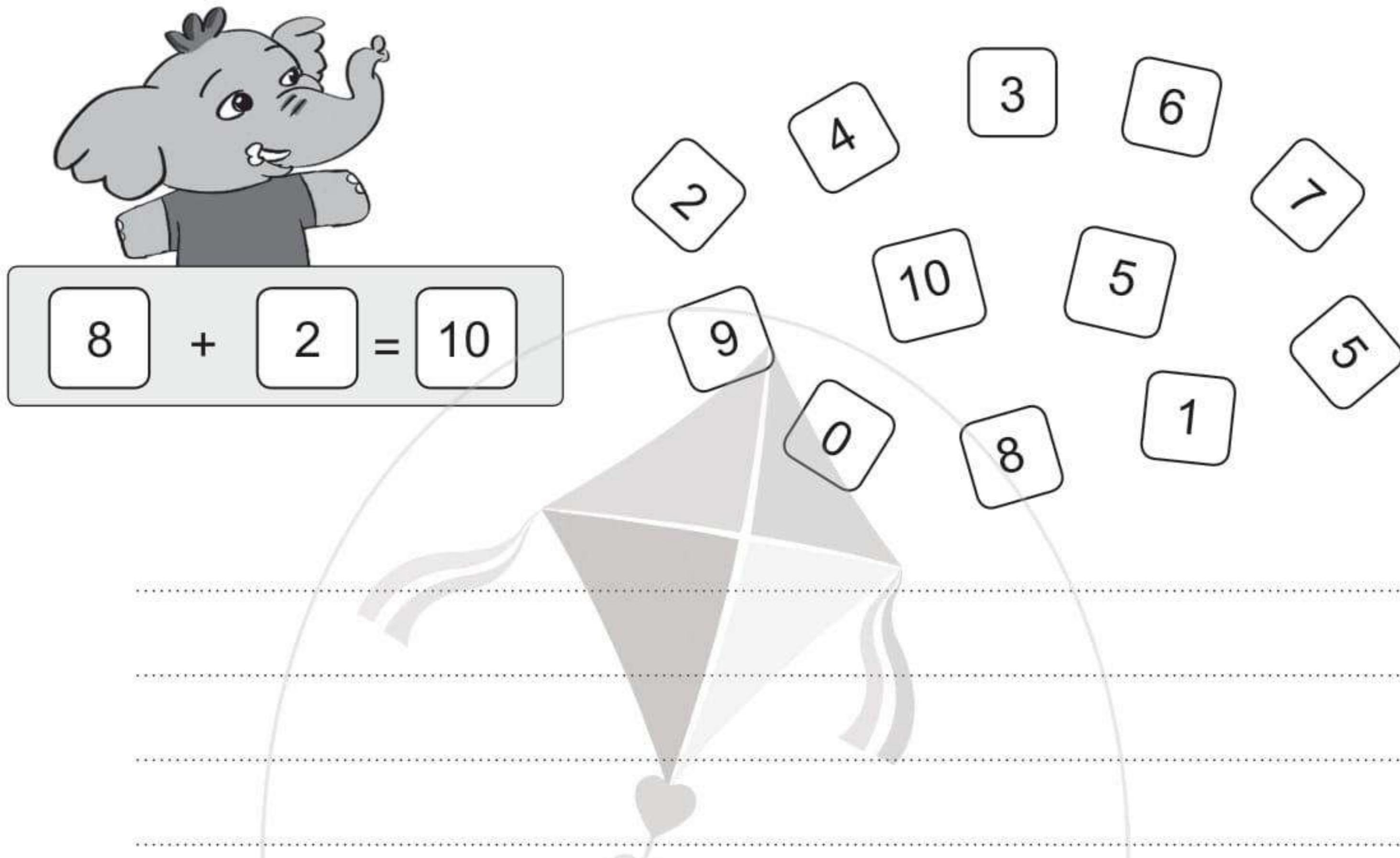
$$6 + 4 =$$

$$5 + \boxed{\phantom{0}} =$$

$$3 + \boxed{\phantom{0}} =$$

4

a) Viết các phép cộng có kết quả là 10 từ những thẻ số sau:



b) Viết phép tính thích hợp với tranh vẽ:

Cánh Diều

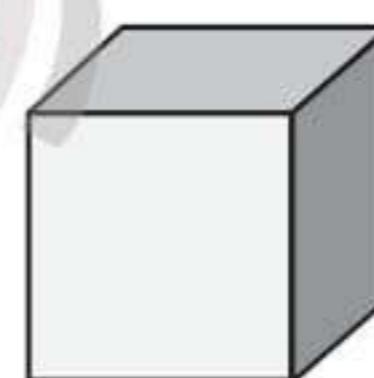
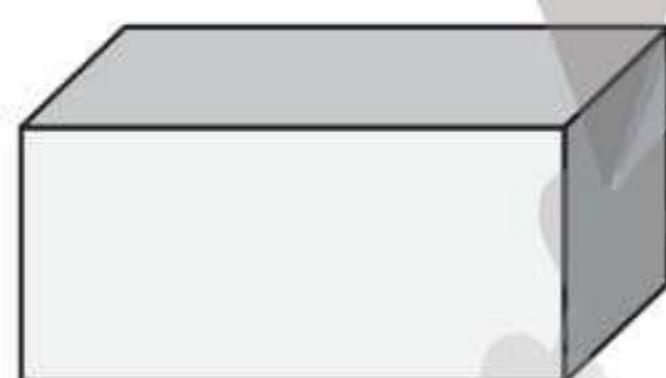
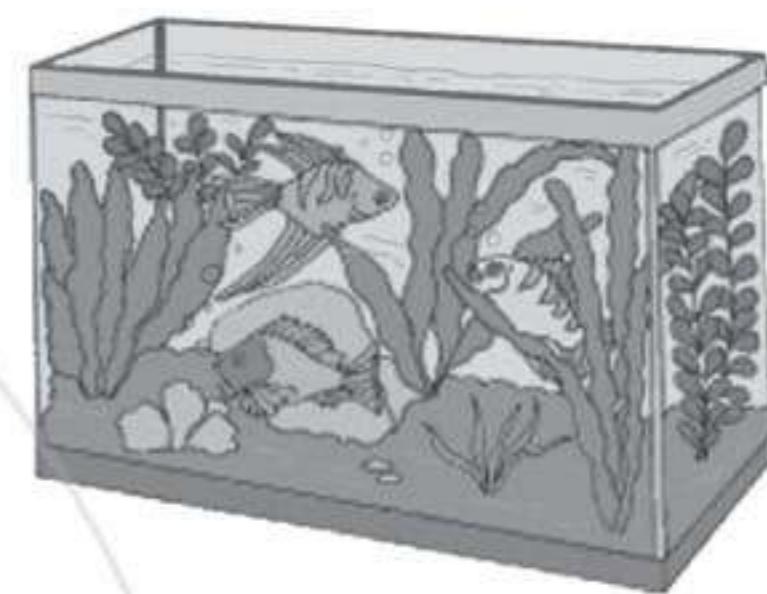
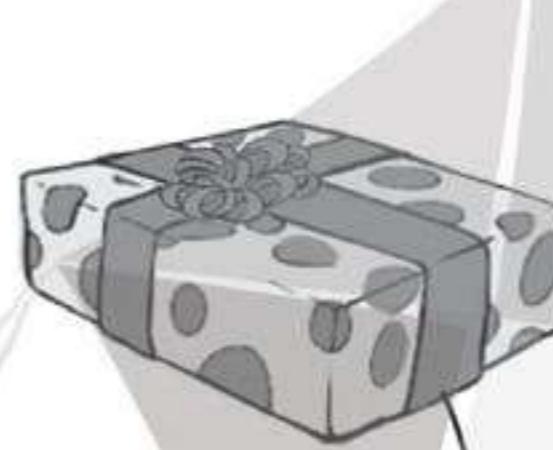
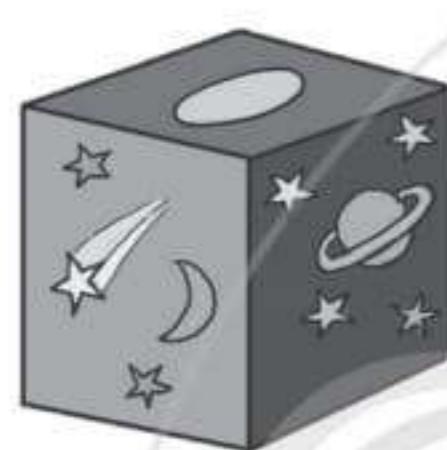
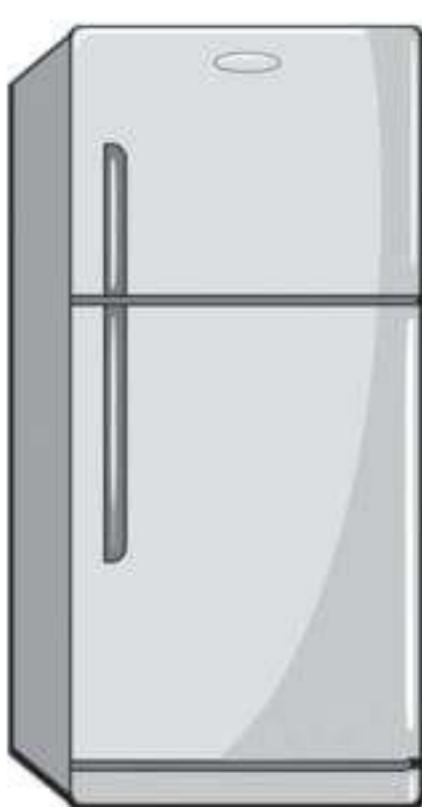


$\square \bigcirc \square = \square$

## Bài 23

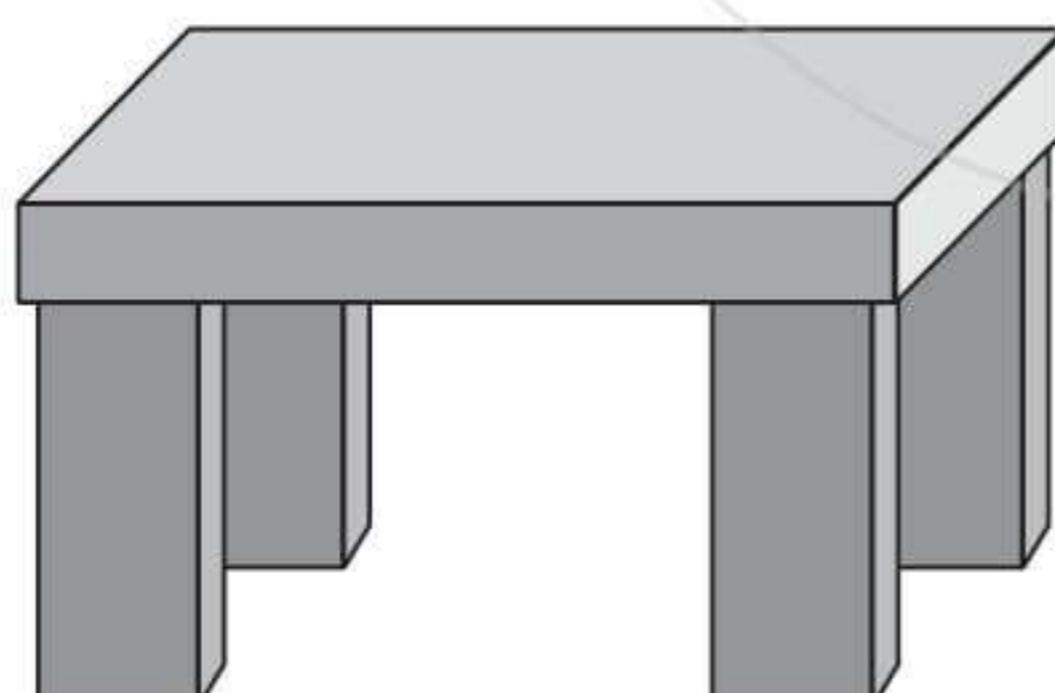
# KHỐI HỘP CHỮ NHẬT KHỐI LẬP PHƯƠNG

1 Nối (theo mẫu):

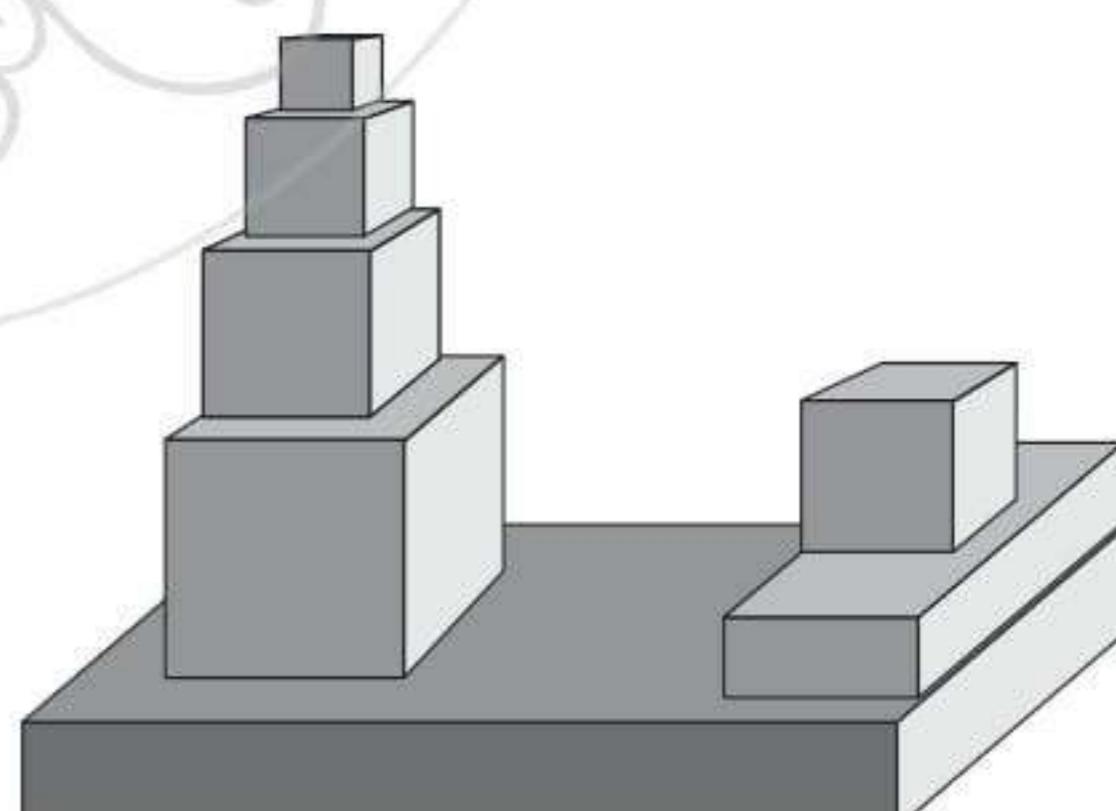


2 Mỗi hình sau có bao nhiêu khối hộp chữ nhật?  
Khối lập phương?

a)



b)

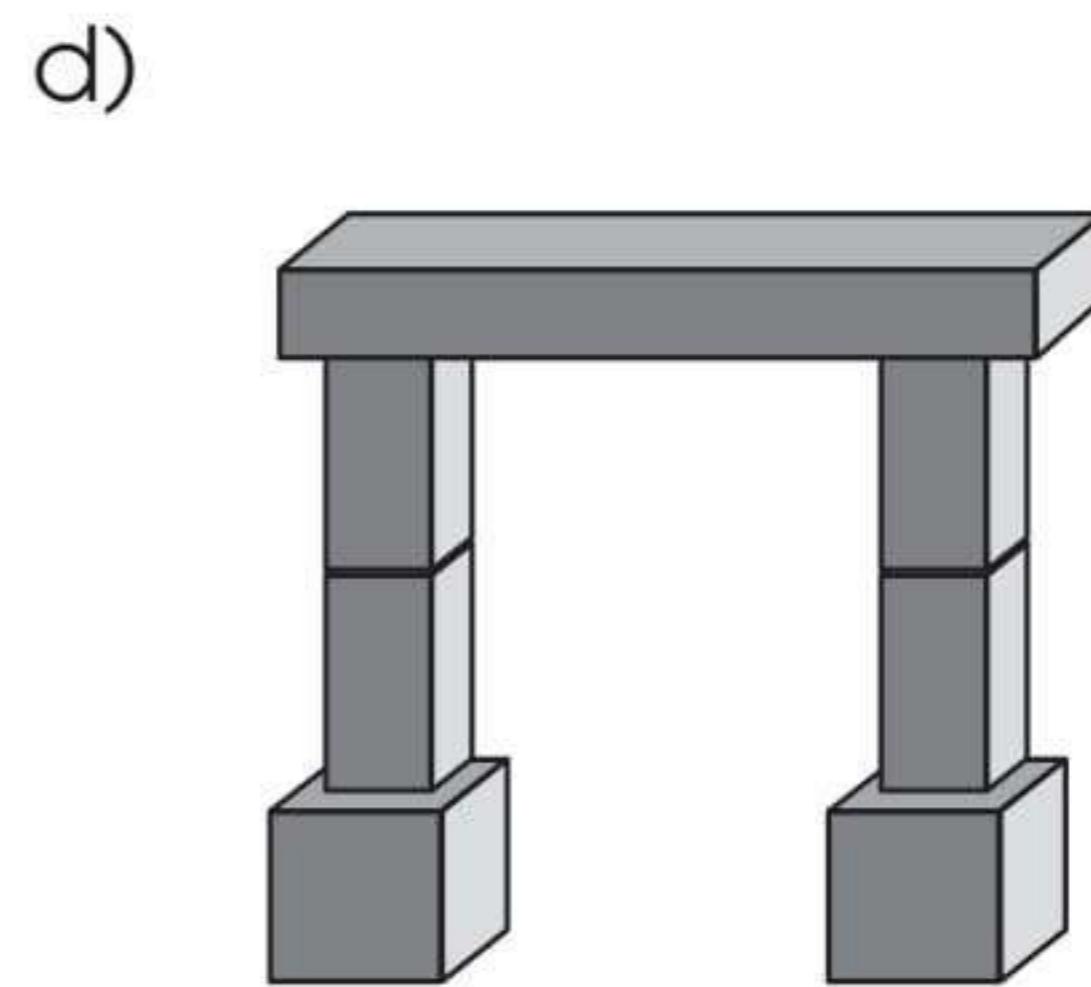
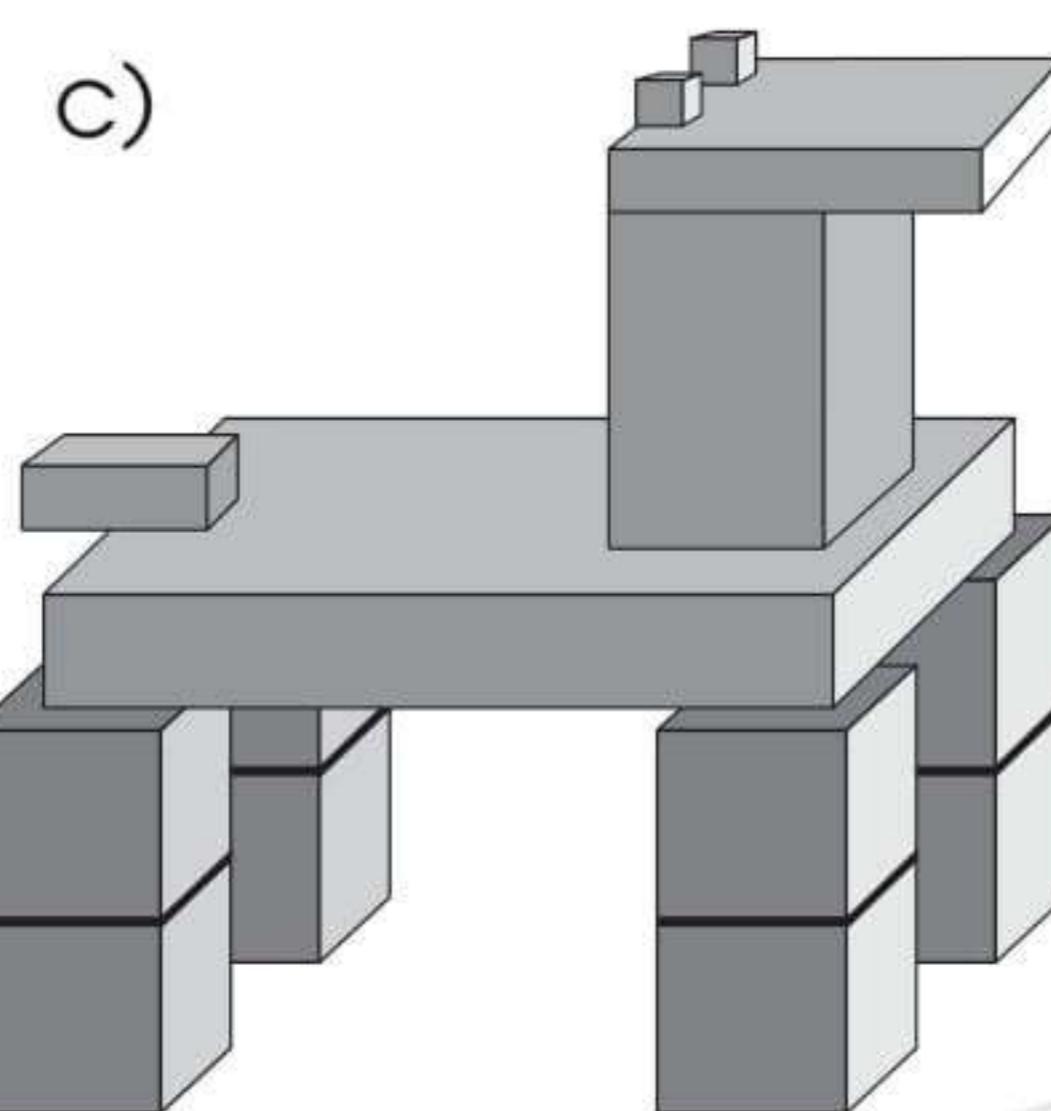


Có ..... khối hộp chữ nhật.

Có ..... khối lập phương.

Có ..... khối hộp chữ nhật.

Có ..... khối lập phương.



Có ..... khối hộp chữ nhật.

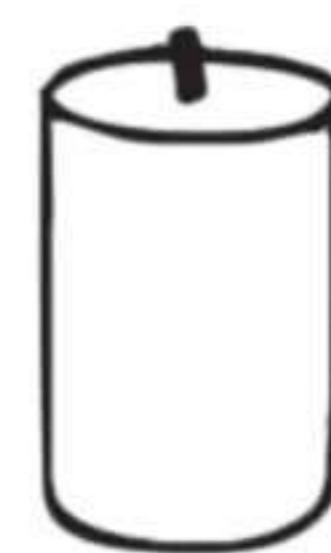
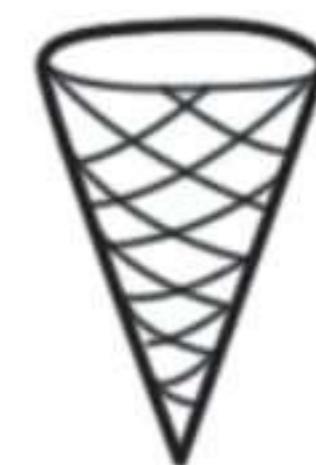
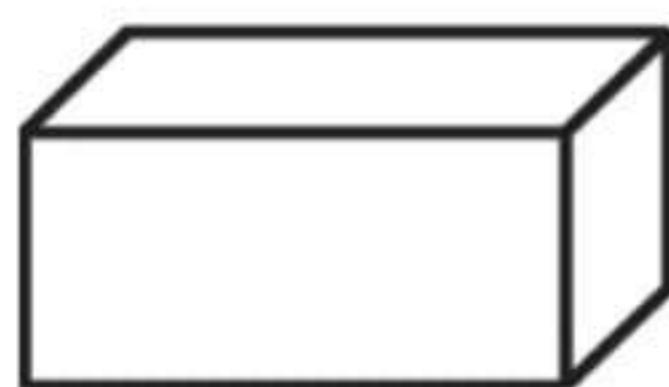
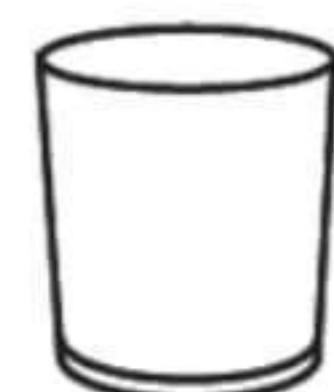
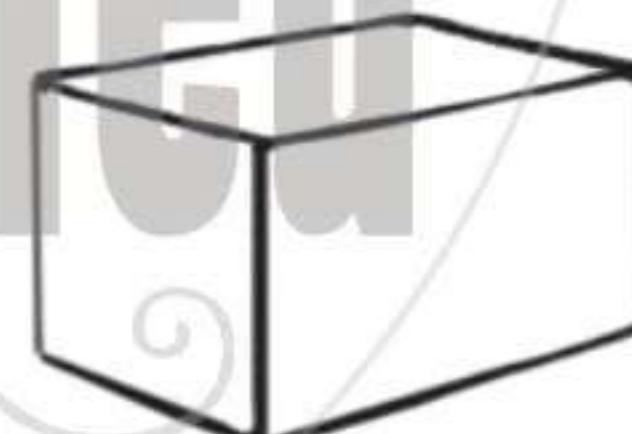
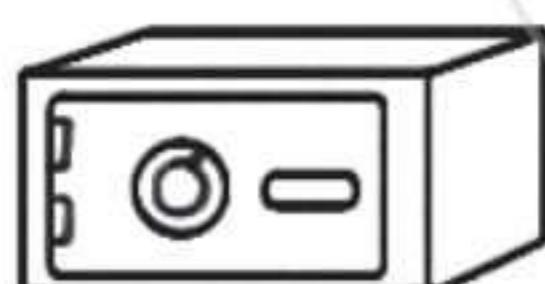
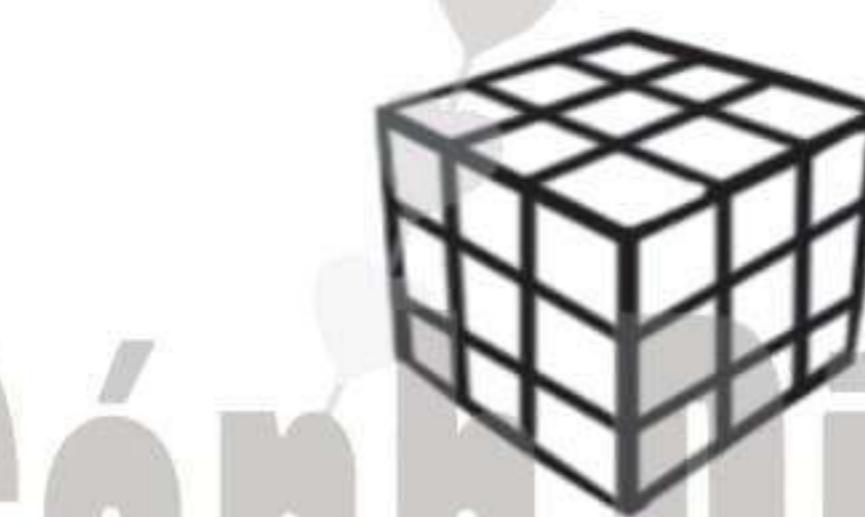
Có ..... khối lập phương.

Có ..... khối hộp chữ nhật.

Có ..... khối lập phương.

3

**Tô màu đỏ vào các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật.  
Tô màu xanh vào các đồ vật có dạng khối lập phương.**



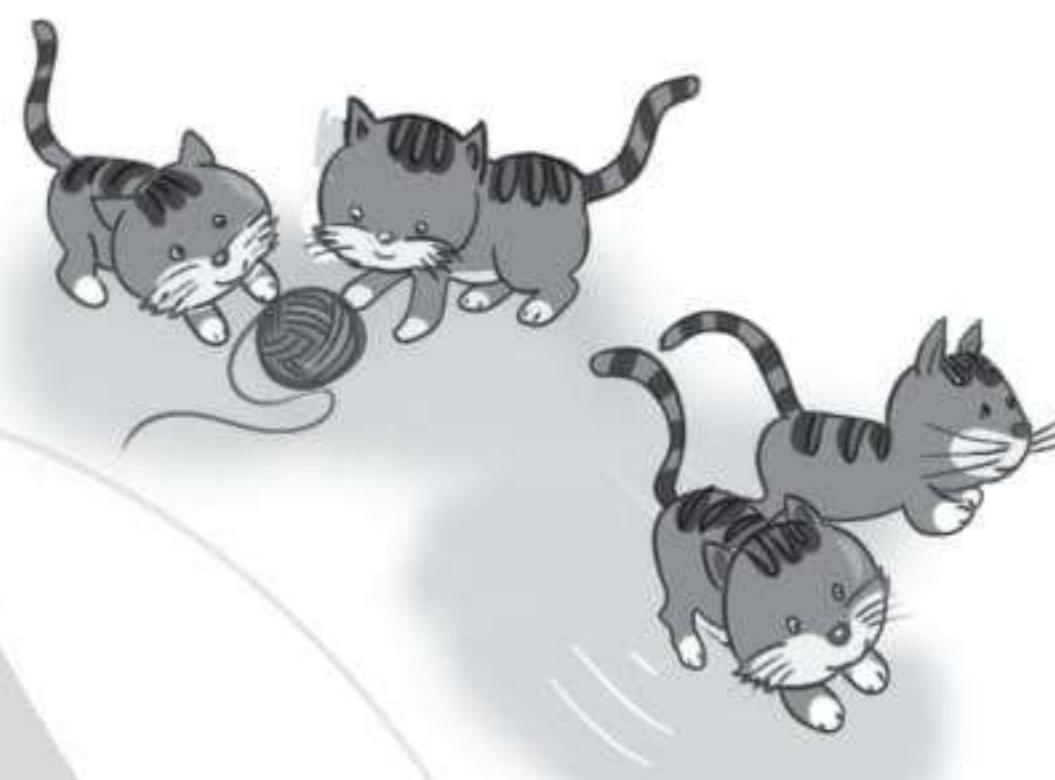
## Bài 24

# LÀM QUEN VỚI PHÉP TRỪ – DẤU TRỪ

1 Số ?

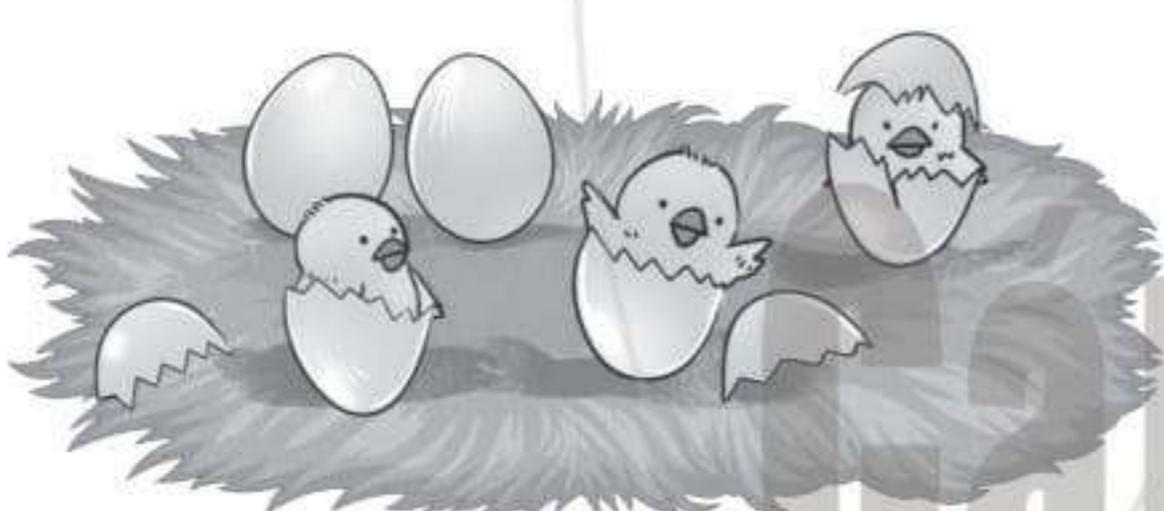


$3 - 1 = \boxed{\phantom{0}}$



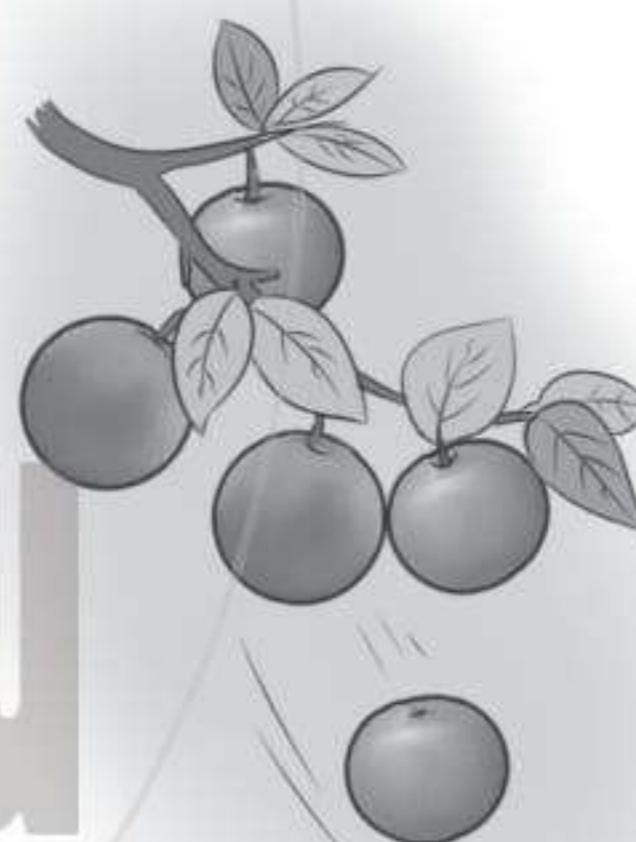
$4 - 2 = \boxed{\phantom{0}}$

2 Nối phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:



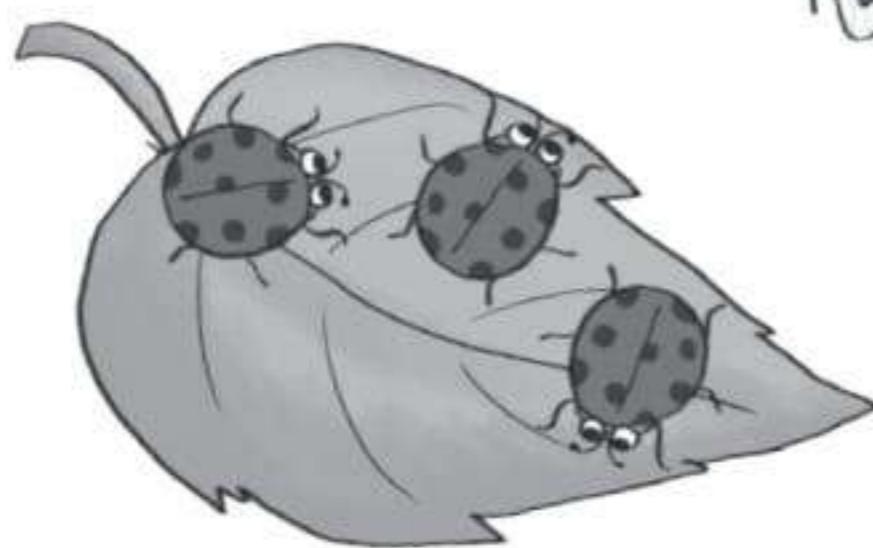
$5 - 1$

$5 - 3$



3 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



b)



$4 \bigcirc 1 = \boxed{\phantom{0}}$

$6 \bigcirc 1 = \boxed{\phantom{0}}$

# Bài 25

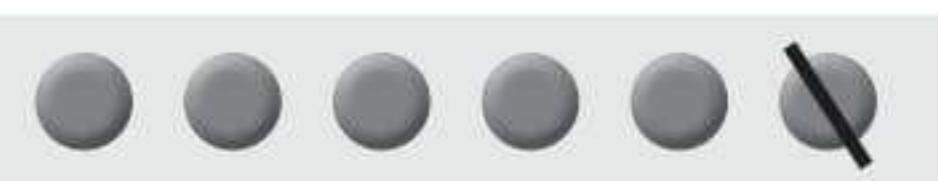
## PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6

1

Số ?



$$4 - 3 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$6 - 1 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$6 - 3 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$5 - 4 = \boxed{\phantom{0}}$$

2

Tính:

$$2 - 1 = \dots$$

$$4 - 2 = \dots$$

$$4 - 4 = \dots$$

$$3 - 2 = \dots$$

$$4 - 1 = \dots$$

$$5 - 5 = \dots$$

$$5 - 1 = \dots$$

$$6 - 5 = \dots$$

$$6 - 6 = \dots$$

3

a) Số ?



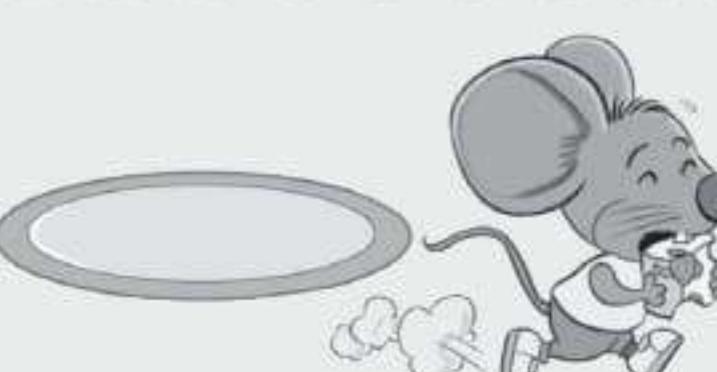
Có  ...



$$\boxed{\phantom{0}} - \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}} \dots$$



$$\boxed{\phantom{0}} - \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}} \dots$$



$$\boxed{\phantom{0}} - \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}} \dots$$

b) Xem tranh rồi tập kể chuyện theo mỗi phép tính trên.

# Bài 26 LUYỆN TẬP

1

Số ?



$$5 - 1 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$6 - 2 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$4 - 4 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$6 - 5 = \boxed{\phantom{0}}$$

2

Tính:

$$1 - 1 = \dots$$

$$5 - 2 = \dots$$

$$5 - 4 = \dots$$

$$4 - 1 = \dots$$

$$2 - 1 = \dots$$

$$6 - 1 = \dots$$

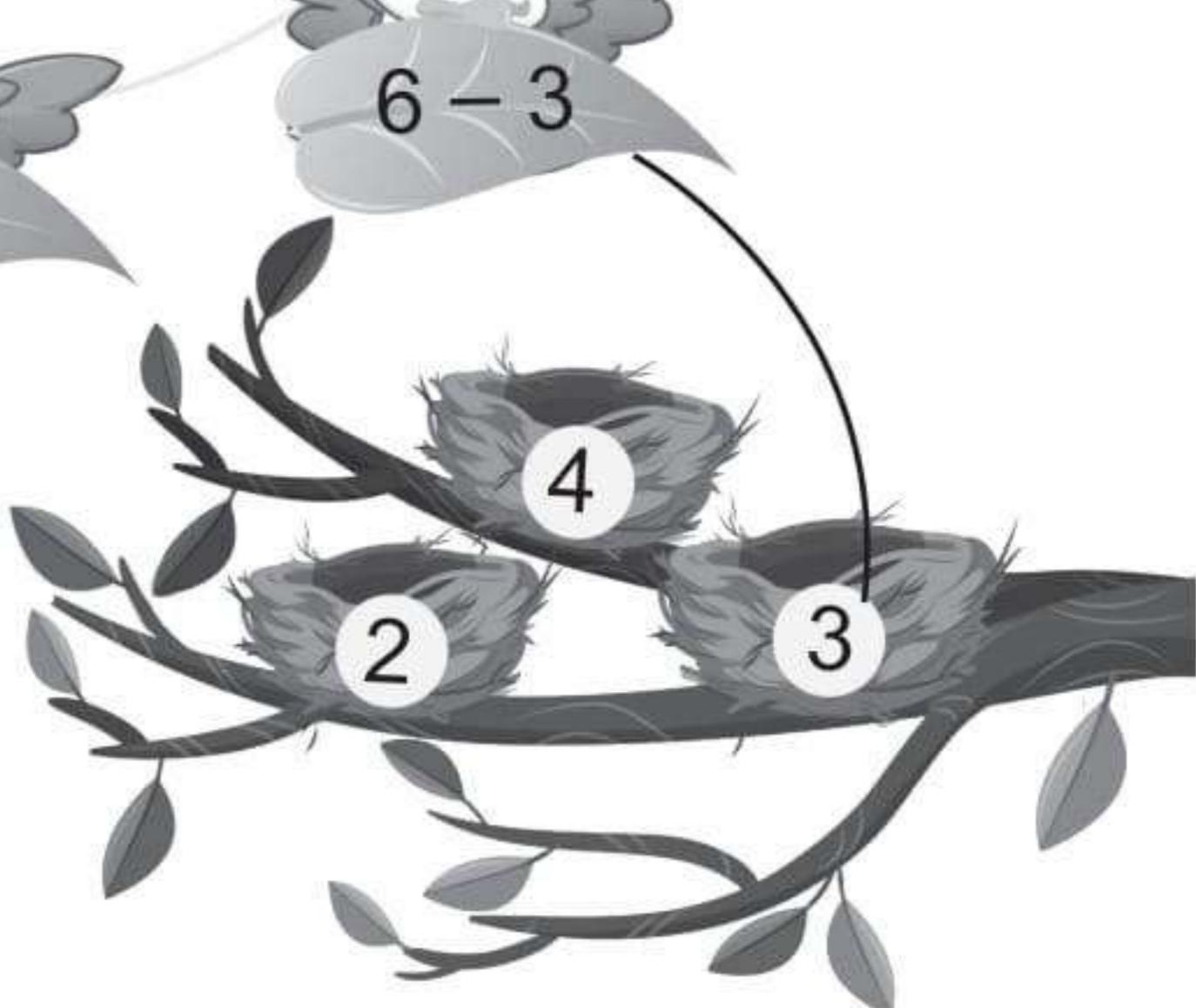
$$3 - 1 = \dots$$

$$3 - 2 = \dots$$

$$4 - 3 = \dots$$

3

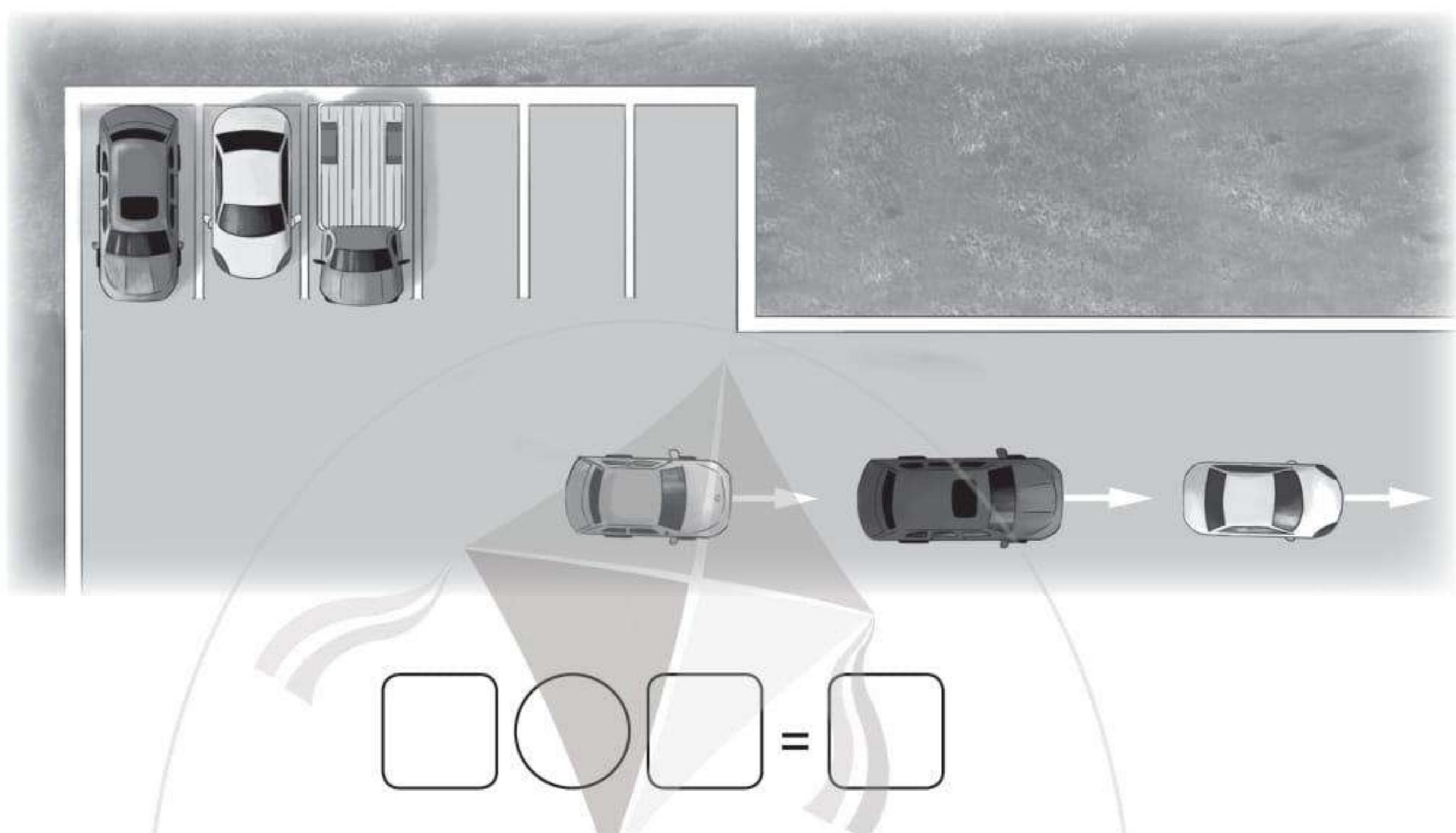
Nối (theo mẫu):



4

#### Viết phép trừ thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



b)



# Bài 27

## PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)

1

Tính nhẩm:

$4 - 3 = \dots$

$5 - 1 = \dots$

$5 - 5 = \dots$

$4 - 1 = \dots$

$6 - 1 = \dots$

$6 - 5 = \dots$

$5 - 4 = \dots$

$6 - 3 = \dots$

$3 - 3 = \dots$

2

Tô màu vào các phép tính có kết quả là 2:



$4 - 2$

$3 - 1$

$2 - 1$

$3 - 2$

$5 - 3$

$6 - 2$

$6 - 4$

$5 - 2$

$2 - 2$

3

Viết các phép tính còn thiếu vào ô trống:

$1 - 1$

$2 - 1$

$3 - 1$

$4 - 1$

$5 - 1$

$6 - 1$

$2 - 2$

$3 - 2$

$4 - 2$

$6 - 2$

$5 - 3$

$4 - 4$

$6 - 4$

$5 - 5$

$6 - 6$

4

Tính nhẩm:

$1 - 1 = \dots$

$4 - 4 = \dots$

$1 - 0 = \dots$

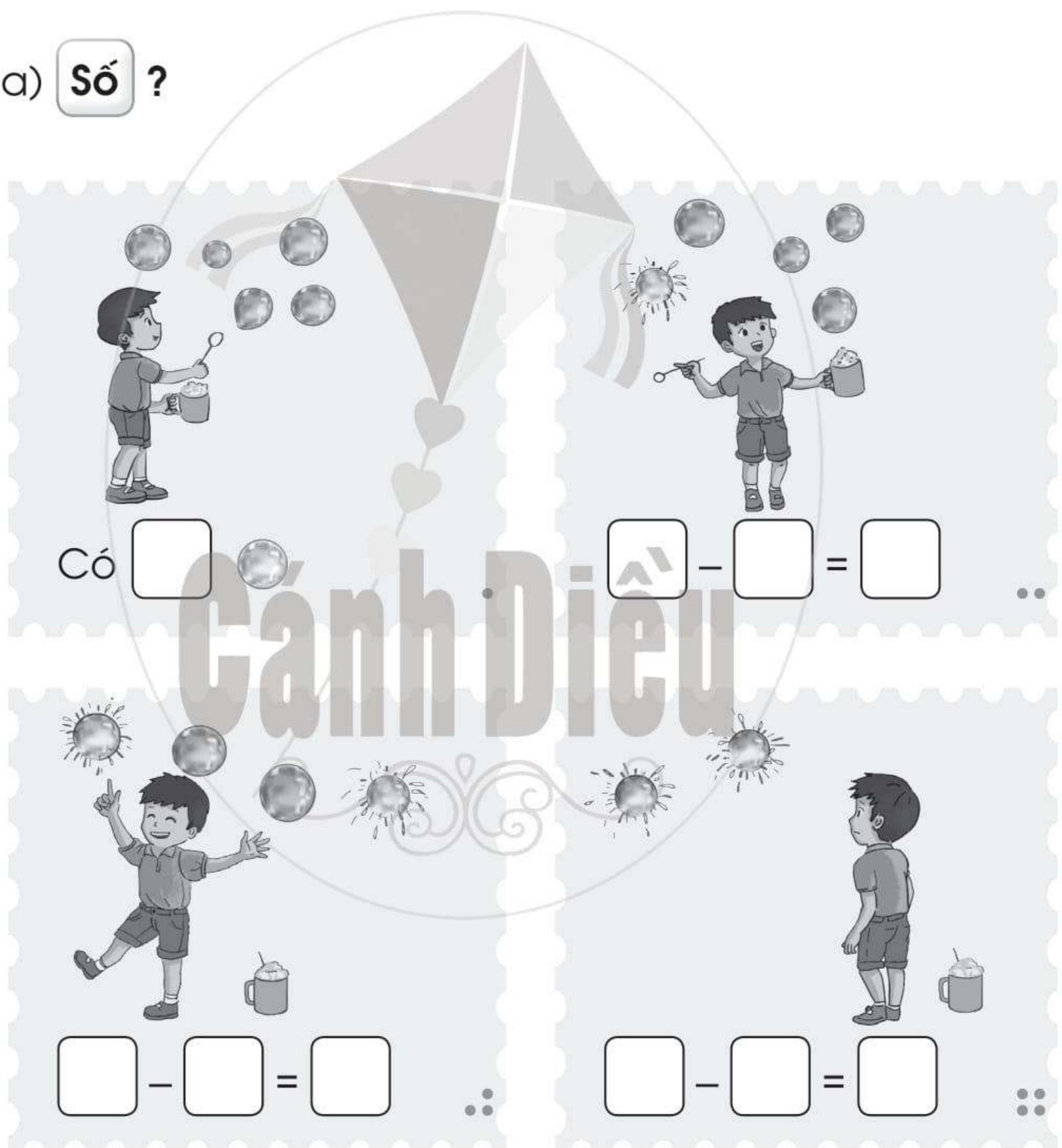
$2 - 0 = \dots$

$3 - 0 = \dots$

$4 - 0 = \dots$

5

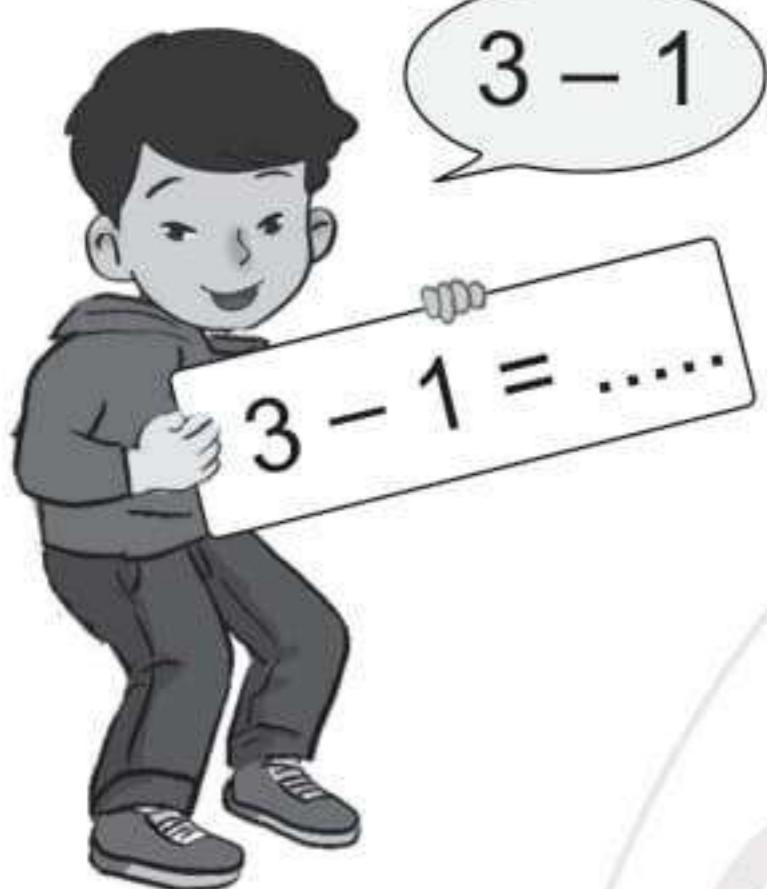
a) Số ?



b) Xem tranh rồi tập kể chuyện theo mỗi phép tính trên.

# Bài 28 LUYỆN TẬP

1 Tìm kết quả của mỗi phép tính:



$3 - 1$



2

$3 - 2 = \dots$

$6 - 5 = \dots$

$4 - 3 = \dots$

$5 - 2 = \dots$

$5 - 3 = \dots$

$6 - 3 = \dots$

$5 - 1 = \dots$

$4 - 2 = \dots$

2 Tính nhẩm:

$2 - 1 = \dots$

$5 - 5 = \dots$

$5 - 0 = \dots$

$5 - 4 = \dots$

$6 - 6 = \dots$

$6 - 0 = \dots$

3 Số ?

3

2

4

$4 - 1$

$5 - \boxed{\phantom{0}}$

$6 - \boxed{\phantom{0}}$

$3 - 1$

$4 - \boxed{\phantom{0}}$

$5 - \boxed{\phantom{0}}$

$6 - 2$

$5 - \boxed{\phantom{0}}$

$4 - \boxed{\phantom{0}}$

4

Số ?



$5 - \boxed{\quad} = \boxed{\quad}$

$\boxed{\quad} - \boxed{\quad} = \boxed{\quad}$

$\boxed{\quad} - \boxed{\quad} = \boxed{\quad}$

5

Xem tranh rồi viết các phép trừ thích hợp:



# Bài 29

## PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1

Số ?



$$7 - 3 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$8 - 4 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$10 - 5 = \boxed{\phantom{0}}$$



$$9 - 7 = \boxed{\phantom{0}}$$

2

Tính:

$$10 - 2 = \dots$$

$$8 - 7 = \dots$$

$$9 - 5 = \dots$$

$$6 - 3 = \dots$$

$$7 - 5 = \dots$$

$$6 - 5 = \dots$$

$$7 - 6 = \dots$$

$$9 - 6 = \dots$$

$$10 - 8 = \dots$$

3

Viết phép trừ thích hợp với tranh vẽ:



$$\boxed{\phantom{0}} - \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

# Bài 30 LUYỆN TẬP

1 Số ?



$9 - 1 = \square$

$8 - 3 = \square$



$7 - 7 = \square$

$10 - 2 = \square$

2 Tính:

$8 - 1 = \dots$

$8 - 2 = \dots$

$8 - 0 = \dots$

$8 - 6 = \dots$

$9 - 5 = \dots$

$10 - 0 = \dots$

$9 - 6 = \dots$

$10 - 1 = \dots$

$9 - 9 = \dots$

3 Tô màu vào phép tính có kết quả sai và sửa lại cho đúng:

$10 - 8 = 2$

$10 - 5 = 4$



$6 - 6 = 0$

$10 - 4 = 7$

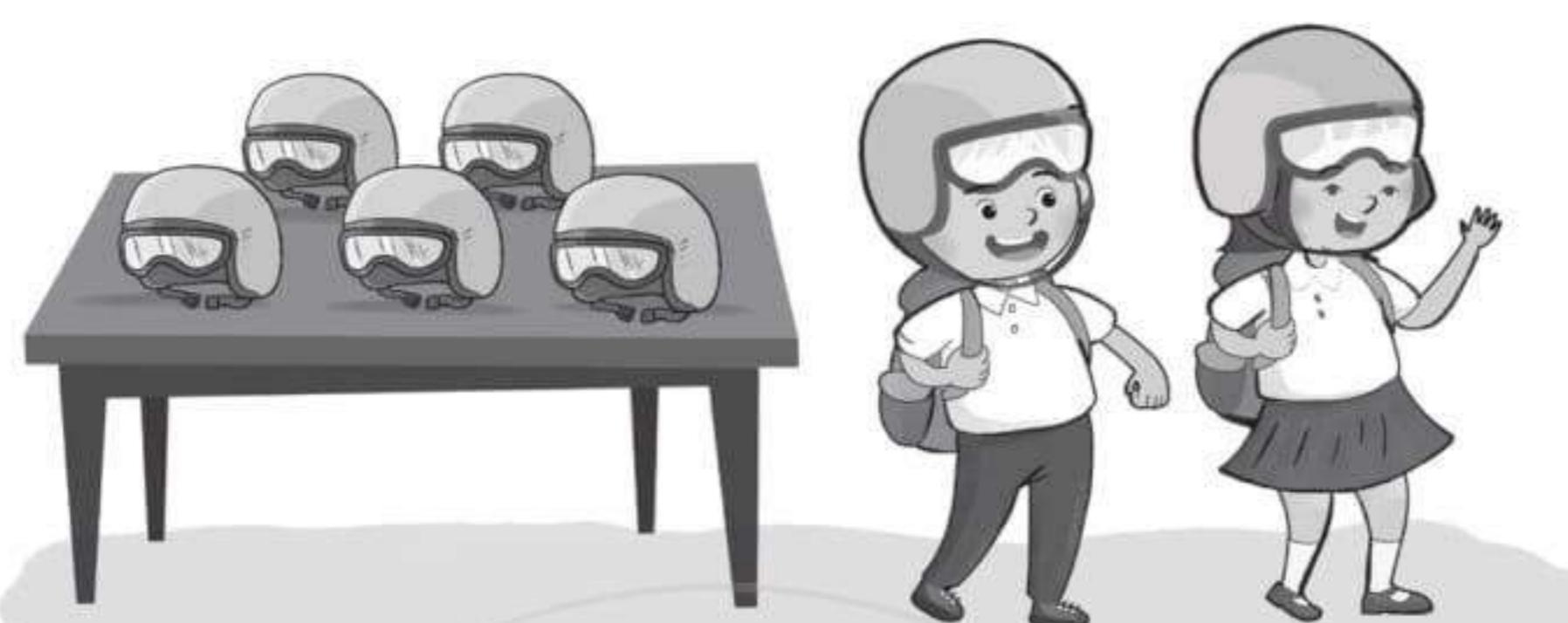
$9 - 8 = 1$

$7 - 2 = 9$

4

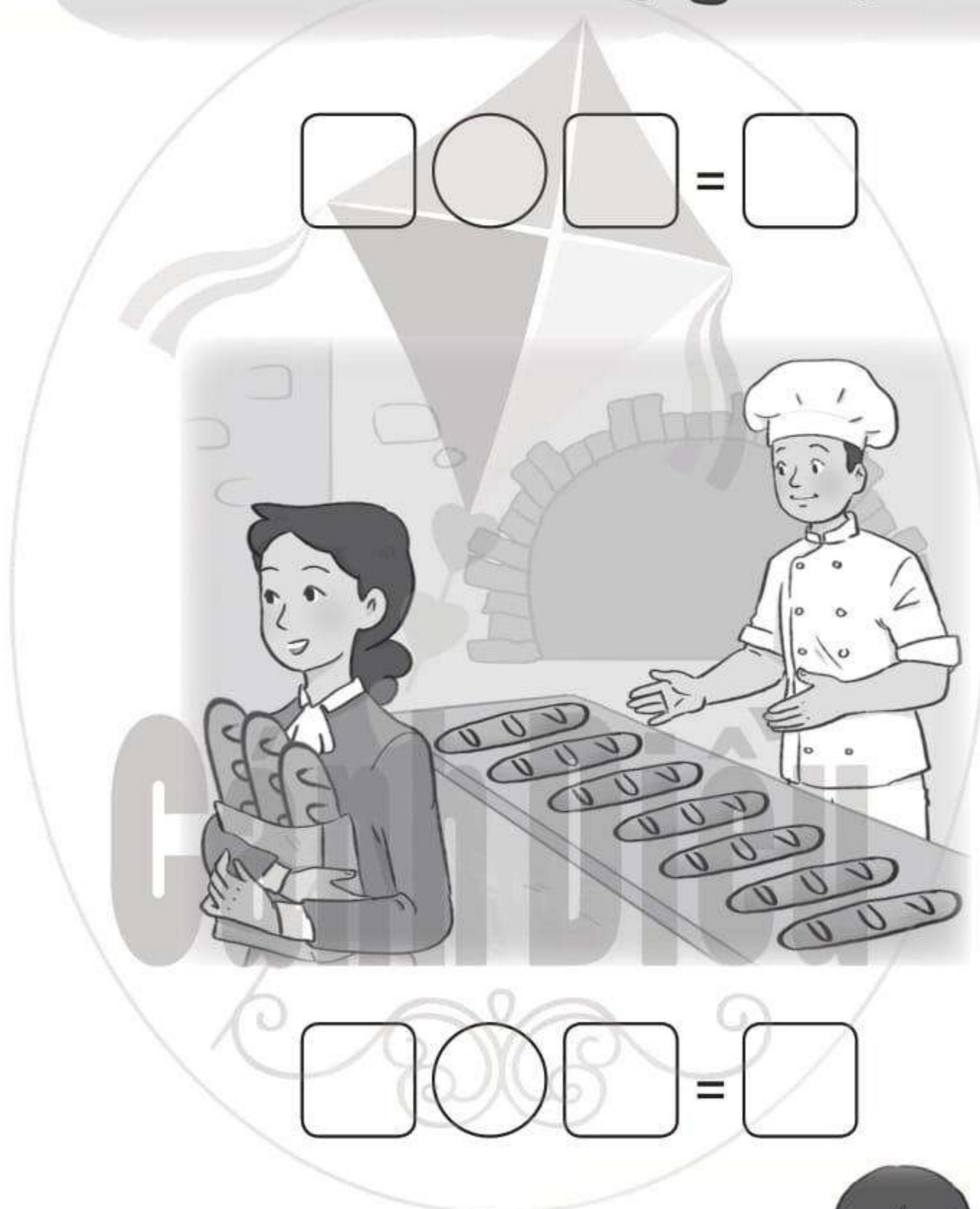
Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square + \square = \square$$

b)



$$\square + \square = \square$$

c)

$$\square + \square = \square$$



## Bài 31

# PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)

1

Tính nhẩm:

$7 - 2 = \dots$

$8 - 6 = \dots$

$9 - 7 = \dots$

$10 - 5 = \dots$

$6 - 3 = \dots$

$10 - 6 = \dots$

$8 - 2 = \dots$

$9 - 3 = \dots$

$7 - 4 = \dots$

2

Nối mỗi phép tính với kết quả đúng:

The house has large letters spelling "Cánh cửa" (The door) on its facade. To the left of the house, there is a bird on a sign with the number 5. Below it, a rabbit is on a sign with the number 1, a pig is on a sign with the number 2, and a dog is on a sign with the number 4. To the right of the house, a bee is on a sign with the number 6, a cat is on a sign with the number 0, a monkey is on a sign with the number 3, and an elephant is on a sign with the number 9. In front of the house, there is a small garden with a fence and some flowers.

$5 - 1$	8 - 5
4 - 2	6 - 6
9 - 4	10 - 4
6 - 5	9 - 0

3

Viết phép trừ thích hợp với mỗi tranh vẽ:



$$\boxed{\phantom{0}} - \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

$$\boxed{\phantom{0}} - \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

4

a) Tô màu vào những phép tính có kết quả bằng 4:

$$6 - 2$$

$$7 - 3$$

$$4 - 4$$

$$5 - 4$$

$$8 - 8$$

$$10 - 4$$

$$5 - 1$$

$$4 - 0$$

b) Tô màu vào những phép tính có kết quả bằng 6:

$$7 - 6$$

$$6 - 6$$

$$6 - 0$$

$$10 - 4$$

$$8 - 2$$

$$10 - 6$$

$$9 - 3$$

$$9 - 6$$

# Bài 32 LUYỆN TẬP

1 Viết kết quả của mỗi phép tính:



$9 - 2$

$9 - 2 = \dots$

$5 - 4 = \dots$

$7 - 3 = \dots$

$8 - 4 = \dots$

$10 - 6 = \dots$

$6 - 2 = \dots$

$7 - 5 = \dots$

$9 - 5 = \dots$

$8 - 8 = \dots$

$7 - 0 = \dots$

7



$9 - 1 = \dots$

2 Tính:

a)  $6 + 1 = \dots$

$5 + 4 = \dots$

$8 + 2 = \dots$

$1 + 6 = \dots$

$4 + 5 = \dots$

$2 + 8 = \dots$

b)  $7 - 1 = \dots$

$9 - 4 = \dots$

$10 - 2 = \dots$

$7 - 6 = \dots$

$9 - 5 = \dots$

$10 - 8 = \dots$

3 Viết các phép tính thích hợp (theo mẫu):

7	5	2
$5 + 2 = 7$		
$2 + 5 = 7$		
$7 - 5 = 2$		
$7 - 2 = 5$		

9	6	3
$\square + \square = \square$		
$\square + \square = \square$		
$\square - \square = \square$		
$\square - \square = \square$		

7	1	8
$\square + \square = \square$		
$\square + \square = \square$		
$\square - \square = \square$		
$\square - \square = \square$		

4

Số ?

a)



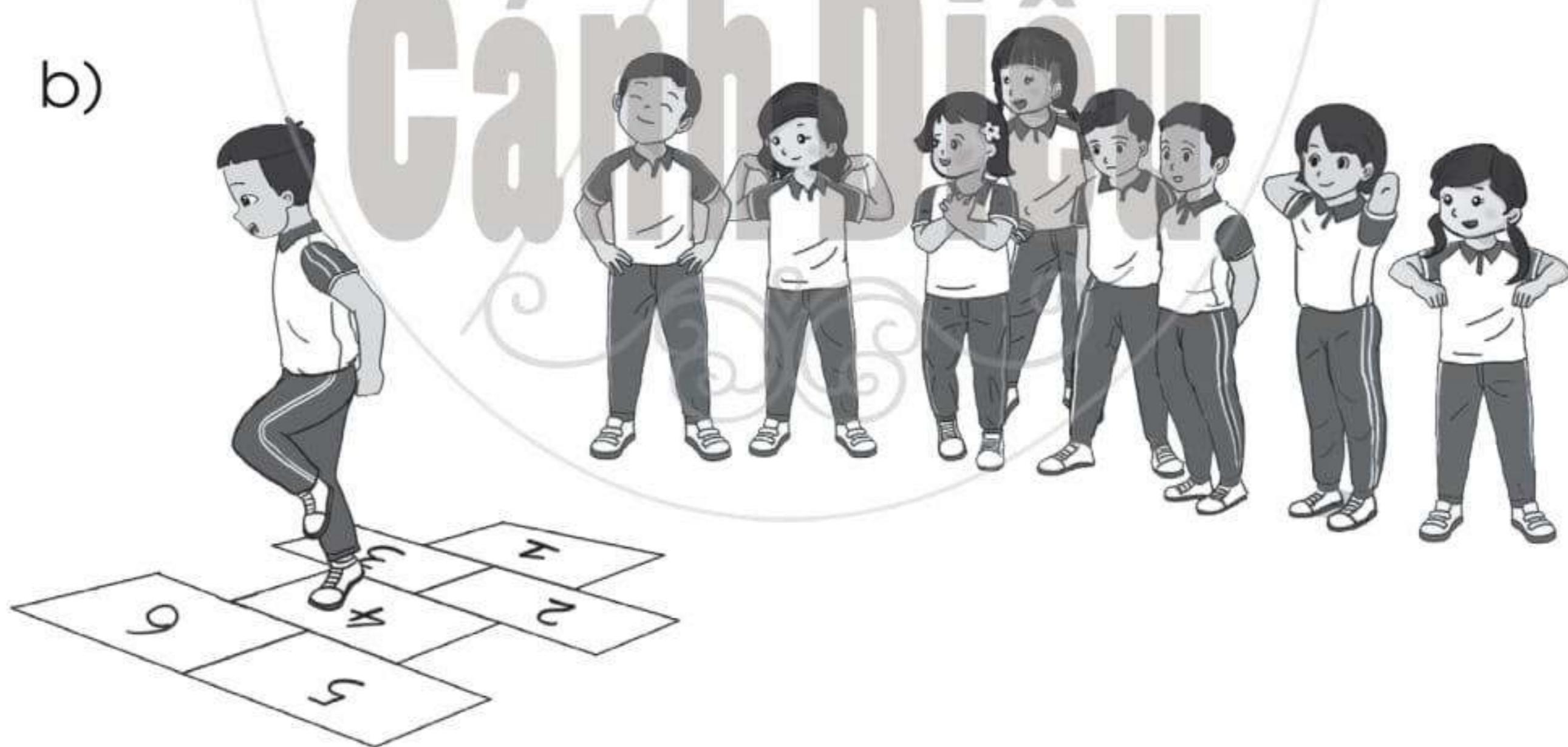
$5 + 3 = \boxed{\phantom{00}}$

$8 - 3 = \boxed{\phantom{00}}$

$3 + 5 = \boxed{\phantom{00}}$

$8 - 5 = \boxed{\phantom{00}}$

b)



$8 + 1 = \boxed{\phantom{00}}$

$9 - 1 = \boxed{\phantom{00}}$

$1 + 8 = \boxed{\phantom{00}}$

$9 - 8 = \boxed{\phantom{00}}$

# Bài 33 LUYỆN TẬP

1

Số ?

a)  $5 + 1 = \boxed{\phantom{0}}$

$4 + \boxed{\phantom{0}} = 6$

$3 + \boxed{\phantom{0}} = 6$

$6 - 1 = \boxed{\phantom{0}}$

$6 - \boxed{\phantom{0}} = 4$

$6 - \boxed{\phantom{0}} = 3$

b)  $3 + \boxed{\phantom{0}} = 5$

$2 + \boxed{\phantom{0}} = 6$

$1 + \boxed{\phantom{0}} = 4$

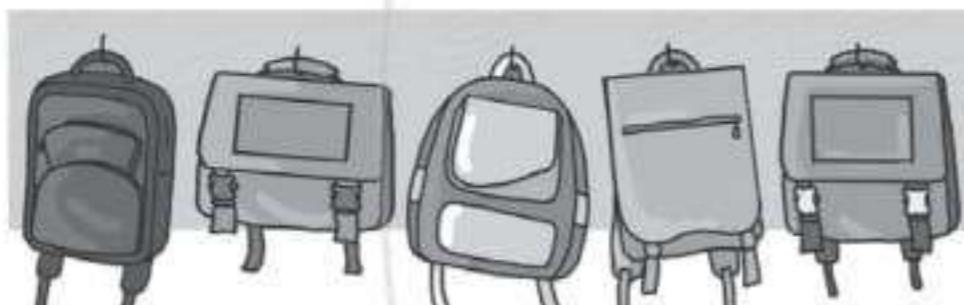
$5 - \boxed{\phantom{0}} = 3$

$6 - \boxed{\phantom{0}} = 2$

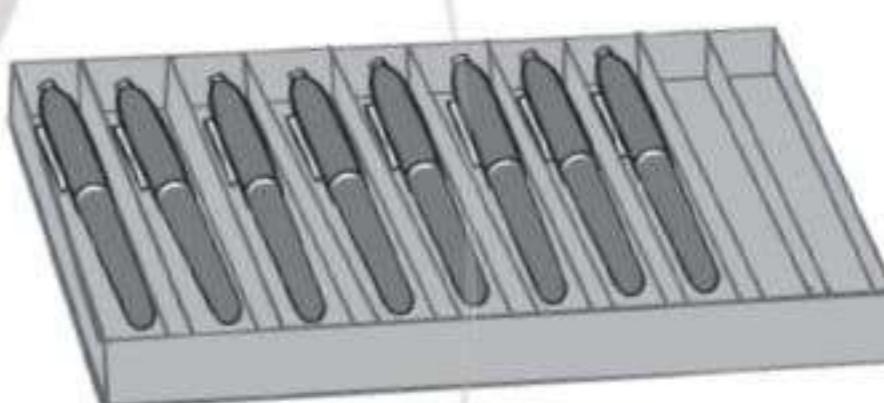
$4 - \boxed{\phantom{0}} = 1$

2

Số ?



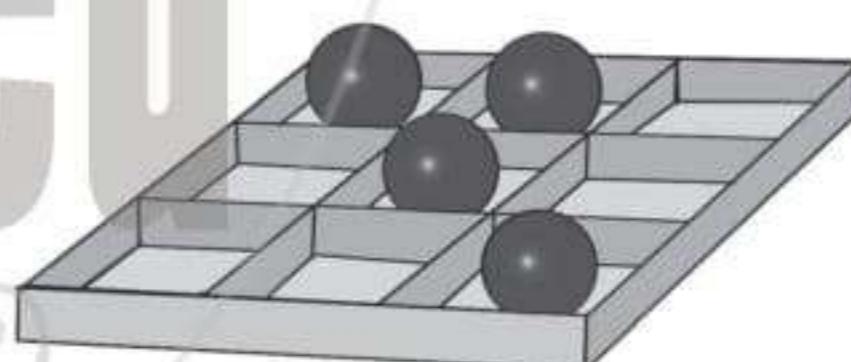
$8 - \boxed{\phantom{0}} = 5$



$10 - \boxed{\phantom{0}} = 8$



$8 - \boxed{\phantom{0}} = 7$



$9 - \boxed{\phantom{0}} = 4$

3

Vẽ thêm số cúc áo còn thiếu và viết số phù hợp vào ô trống:



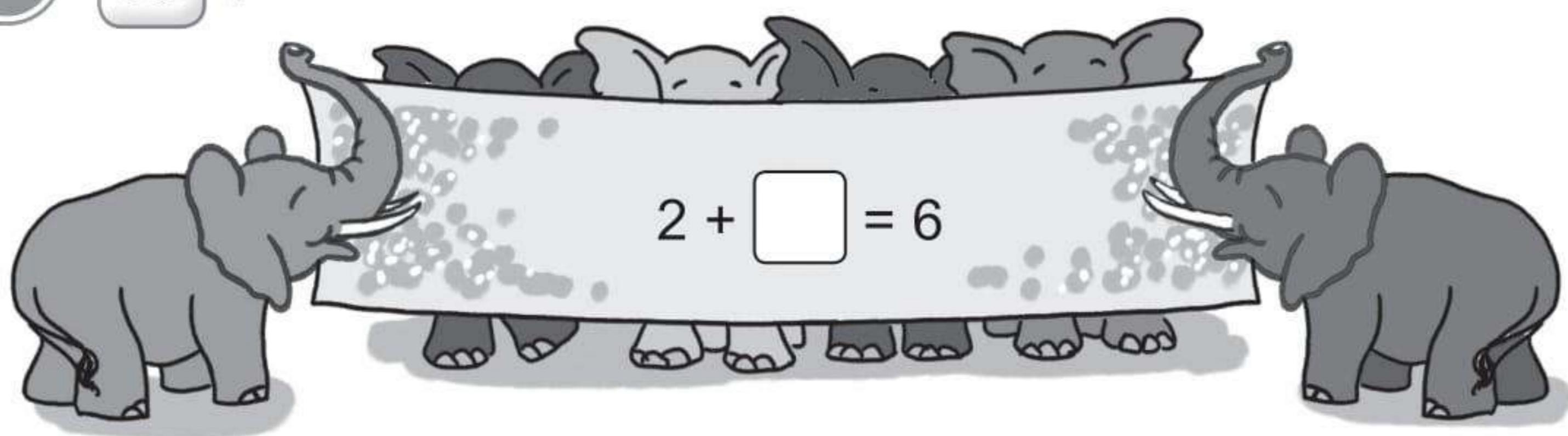
$6 + \boxed{\phantom{0}} = 10$



$3 + \boxed{\phantom{0}} = 10$

4

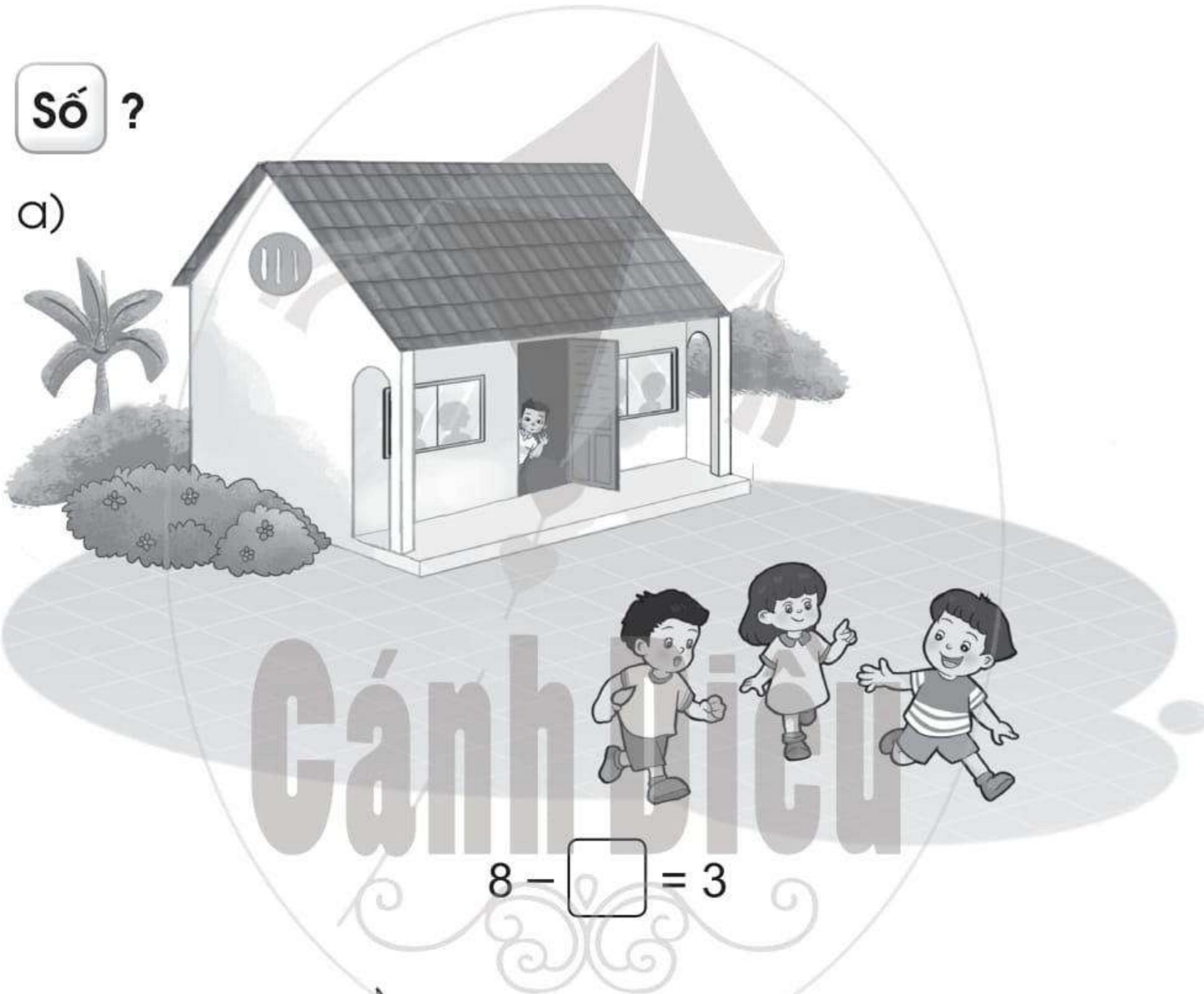
Số ?



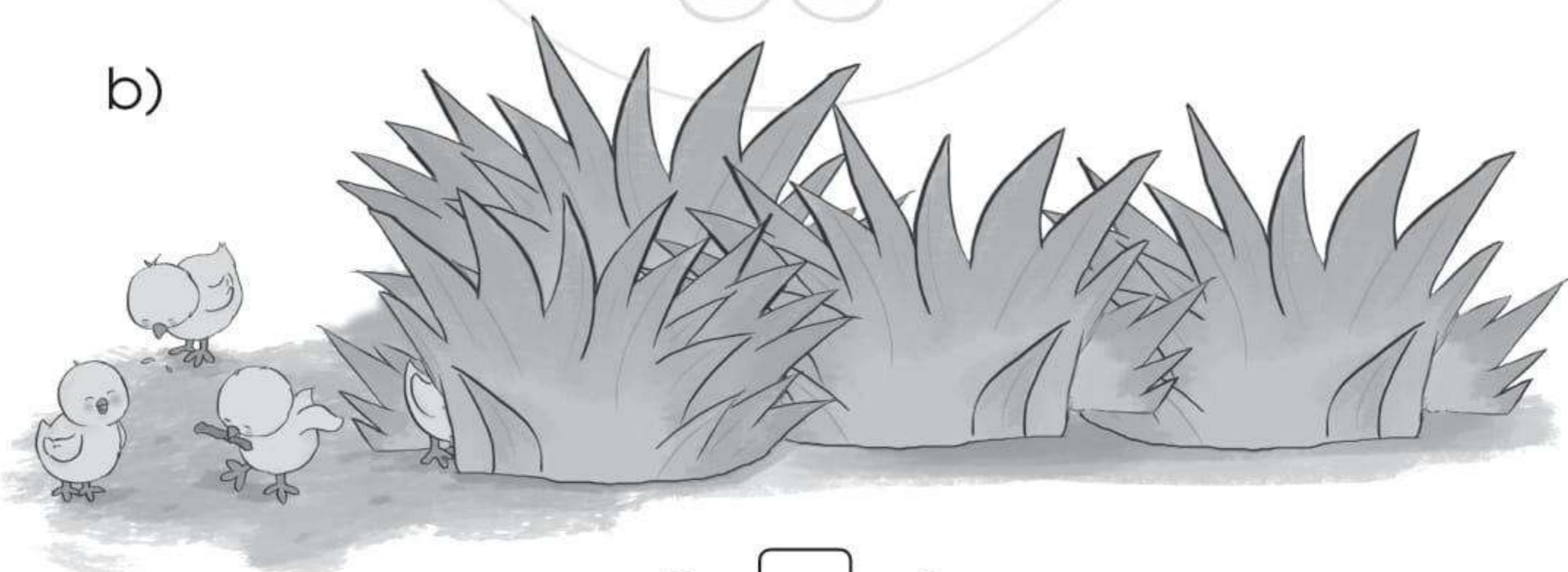
5

Số ?

a)



b)



$$9 - \square = 3$$

# Bài 34 LUYỆN TẬP

1 a) Số ?



$$\begin{array}{r} 5 + 2 + 1 = \boxed{\phantom{0}} \\ \hline \end{array}$$

b) Tính:

$$3 + 1 + 1 = \dots$$

$$6 + 1 + 2 = \dots$$

2 a) Số ?



$$\begin{array}{r} 8 - 3 - 1 = \boxed{\phantom{0}} \\ \hline \end{array}$$

b) Tính:

$$4 - 1 - 1 = \dots$$

$$7 - 1 - 2 = \dots$$

3

Tính:

$$3 + 1 + 2 = \dots$$

$$5 - 2 - 2 = \dots$$

$$4 + 3 + 1 = \dots$$

$$8 - 1 - 3 = \dots$$

4

Số ?

a)



$$4 + \boxed{\quad} + \boxed{\quad} = \boxed{\quad}$$

b)



$$9 - \boxed{\quad} - \boxed{\quad} = \boxed{\quad}$$

# Bài 35 LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm:



$2 + 2 = \dots$

$3 + 3 = \dots$

$4 + 4 = \dots$

$5 + 5 = \dots$

$6 + 2 = \dots$

$2 + 6 = \dots$

$8 - 2 = \dots$

$8 - 6 = \dots$

$4 + 0 = \dots$

$0 + 6 = \dots$

$8 - 0 = \dots$

$9 - 9 = \dots$

$10 - 7 = \dots$

$10 - 9 = \dots$

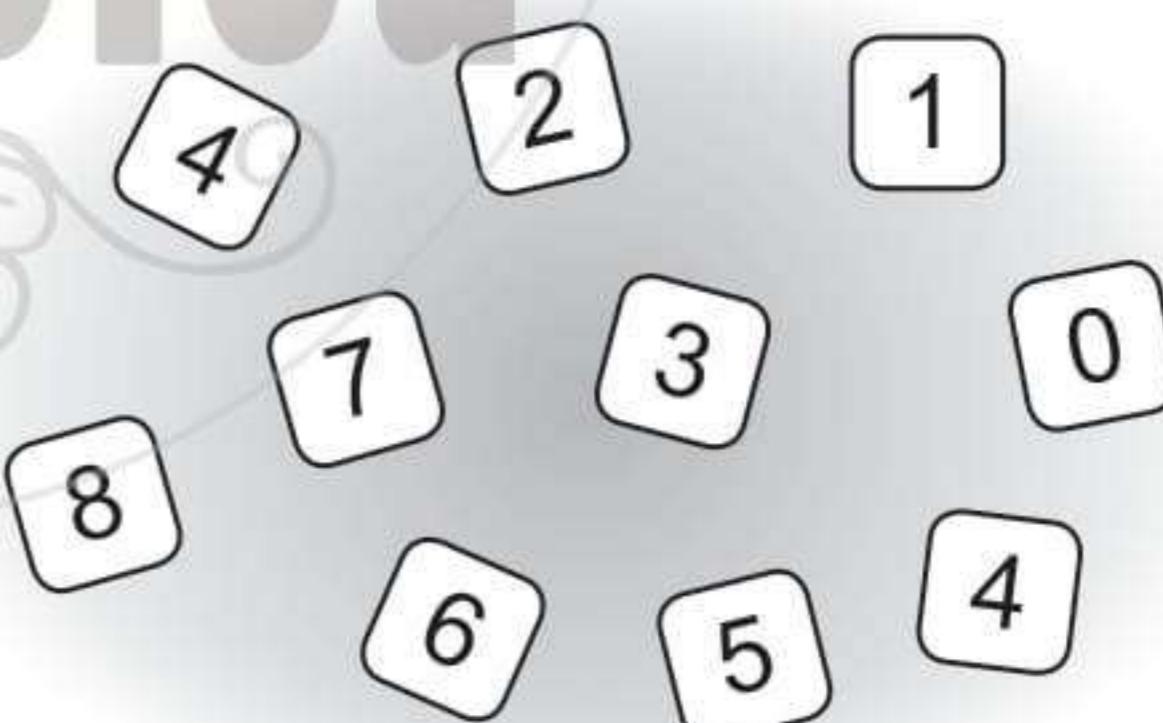
$6 + 3 = \dots$

$9 - 4 = \dots$

2 Viết các phép cộng có kết quả là 8 từ những thẻ số sau:

A cartoon elephant is standing next to a box containing the equation  $7 + 1 = 8$ .

7	+	1	=	8
---	---	---	---	---



3

Số ?

$6 + \square = 9$

$5 - \square = 3$

$7 + \square = 10$

$9 - \square = 6$

$2 + \square = 5$

$10 - \square = 3$

4

>  
<  
= ?

$3 + 5 \square 6$

$8 - 6 \square 0$

$5 + 5 \square 10$

$7 - 0 \square 7$

$4 + 4 \square 9$

$2 - 2 \square 2$

5

Tính:

$3 + 1 + 6 = \dots$

$8 - 4 - 3 = \dots$

$9 - 1 - 3 = \dots$

$3 + 4 + 2 = \dots$

6

Số ?

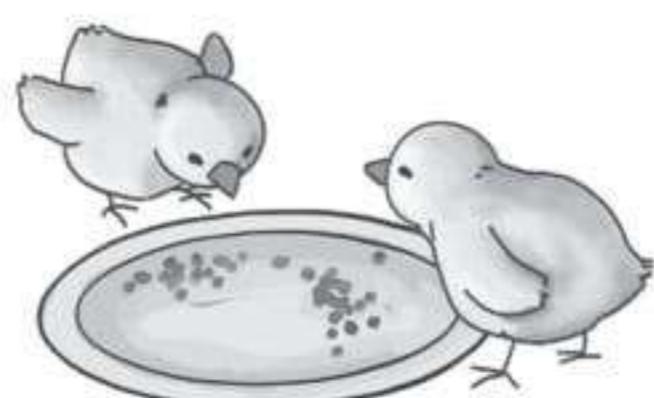
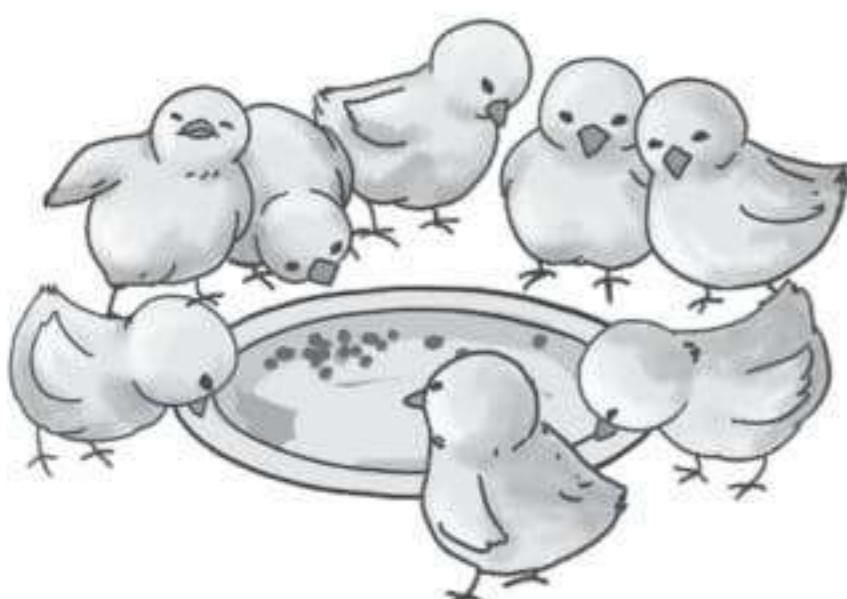
a)



$\square + \square = 9$

$9 - \square = \square$

b)



$\square + \square = 10$

$10 - \square = \square$

# Bài 36

## EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

### 1 Tính nhẩm:

$2 + 5 = \dots$

$6 + 2 = \dots$

$10 - 3 = \dots$

$8 - 5 = \dots$

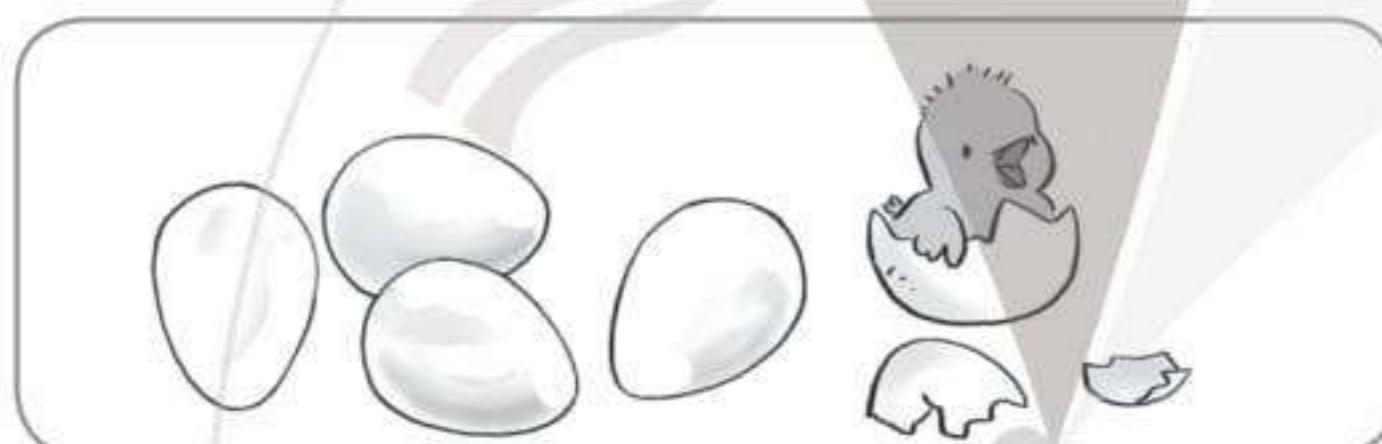
$3 + 6 = \dots$

$3 + 7 = \dots$

$9 - 4 = \dots$

$7 - 2 = \dots$

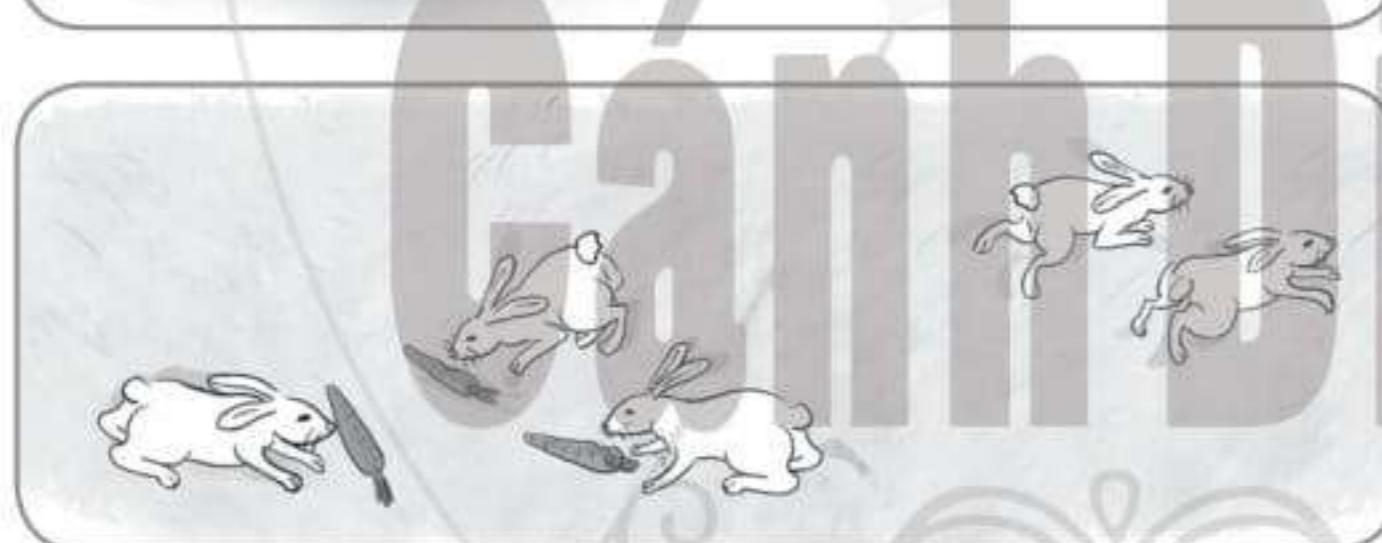
### 2 Nối phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:



$5 - 2$



$4 + 1$



$5 - 1$

$3 + 2$

### 3

Đánh dấu ✓ vào đồ vật có dạng khối lập phương.  
Đánh dấu ✗ vào đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật.



4

Số ?

$4 + 1 = \boxed{\phantom{00}}$

$1 + 4 = \boxed{\phantom{00}}$

$5 - 1 = \boxed{\phantom{00}}$

$5 - 4 = \boxed{\phantom{00}}$

$\boxed{\phantom{00}} + \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$

$\boxed{\phantom{00}} + \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$

$\boxed{\phantom{00}} - \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$

$\boxed{\phantom{00}} - \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$

$\boxed{\phantom{00}} + \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$

$\boxed{\phantom{00}} + \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$

$\boxed{\phantom{00}} - \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$

$\boxed{\phantom{00}} - \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$

5

Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\boxed{2} \bigcirc \boxed{\phantom{00}} \bigcirc \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$$

b)



$$\boxed{8} \bigcirc \boxed{\phantom{00}} \bigcirc \boxed{\phantom{00}} = \boxed{\phantom{00}}$$

# Bài 37

## BÀI KIỂM TRA SỐ 2

1 Tính:

$$5 + 3 = \dots \quad 3 + 4 = \dots \quad 5 + 2 = \dots \quad 10 - 0 = \dots$$

$$8 - 5 = \dots \quad 8 - 1 = \dots \quad 7 - 2 = \dots \quad 9 - 3 = \dots$$

2 Tính:

$$8 - 3 - 2 = \dots \quad 9 - 5 + 4 = \dots$$

$$4 + 2 + 1 = \dots \quad 7 + 3 - 0 = \dots$$

3 Viết dấu +, - vào mỗi hình tròn để có các phép tính đúng:

$$5 \bigcirc 1 = 6$$

$$6 \bigcirc 2 = 4$$

$$3 \bigcirc 3 = 6$$

$$9 \bigcirc 1 = 8$$

$$5 \bigcirc 1 = 4$$

$$3 \bigcirc 1 = 2$$

$$3 \bigcirc 1 = 4$$

$$3 \bigcirc 2 = 5$$

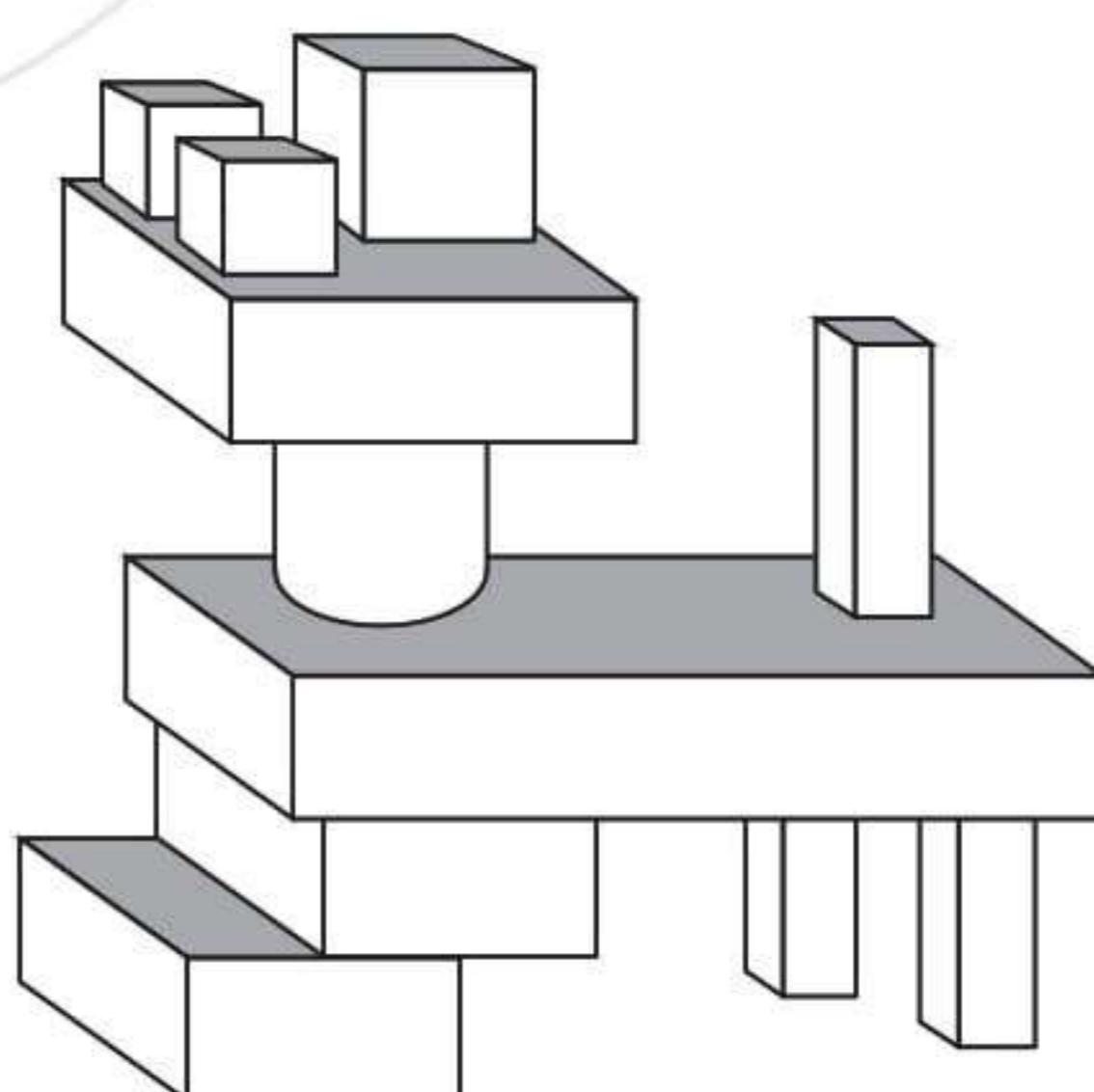
$$8 \bigcirc 1 = 7$$

4 a) Số ?

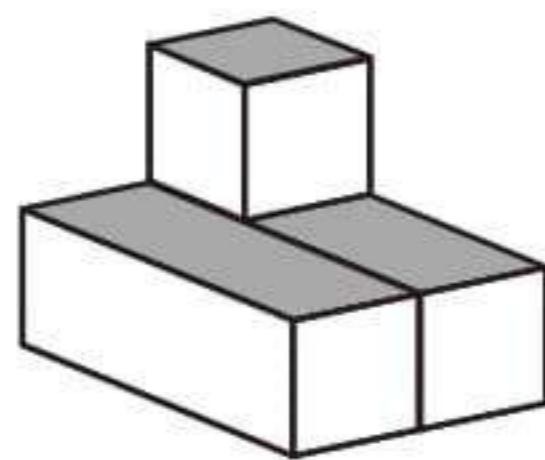
Hình bên có:

khối hộp chữ nhật

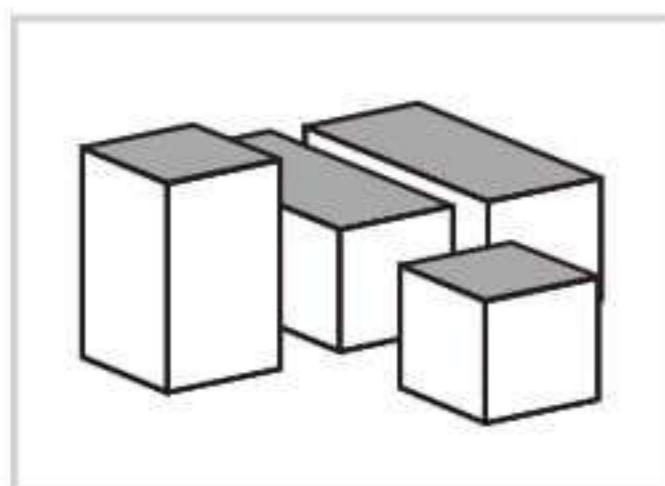
khối lập phương



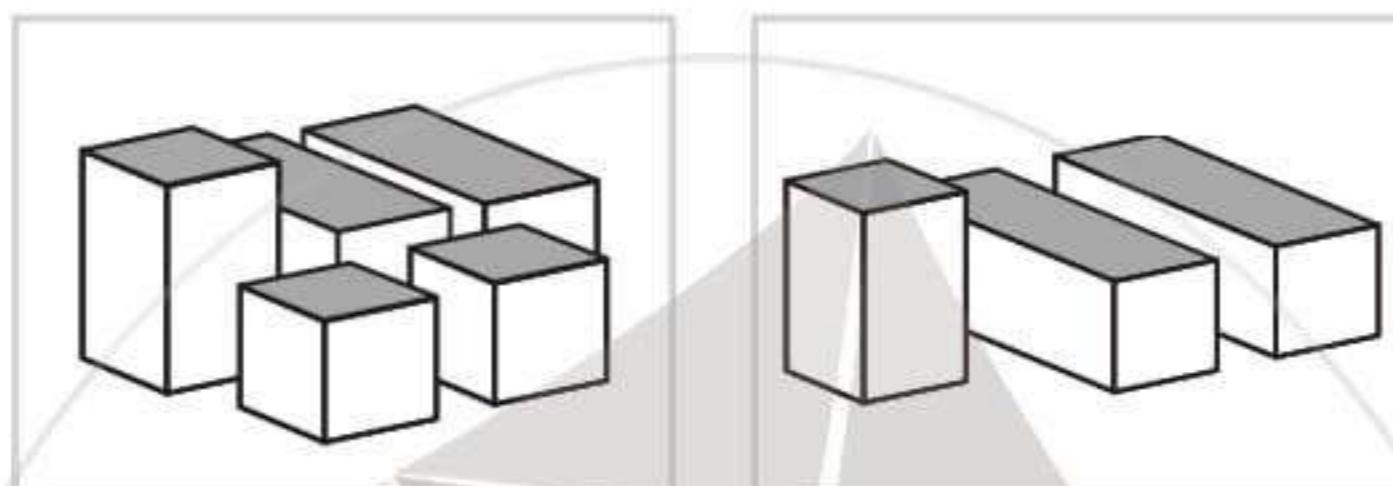
b) Hình dưới đây được ghép bởi các khối gỗ nào?



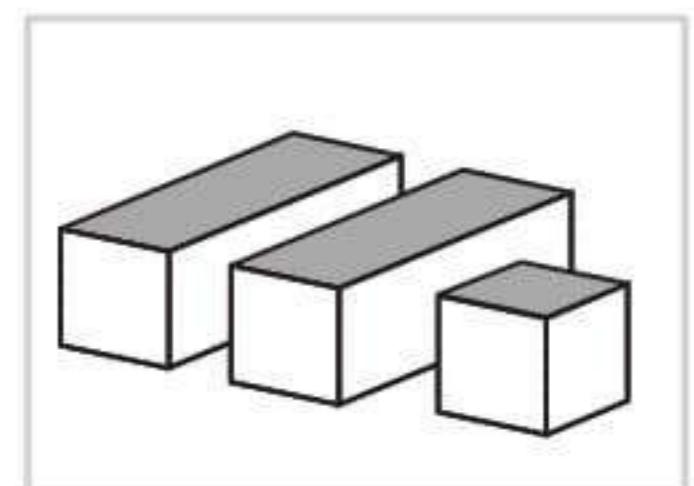
Khoanh vào chữ đặt dưới câu trả lời đúng:



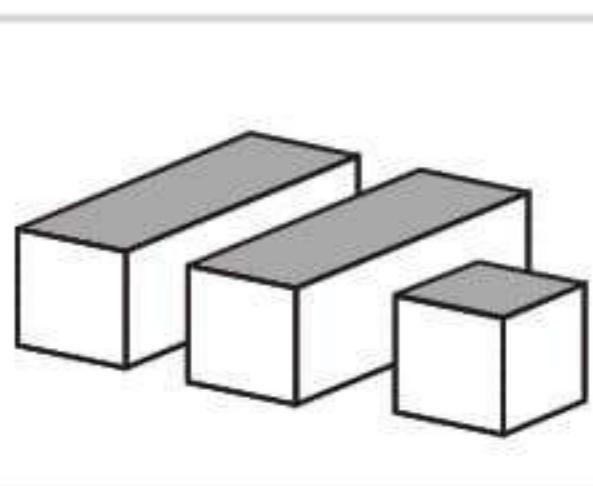
A



B



C

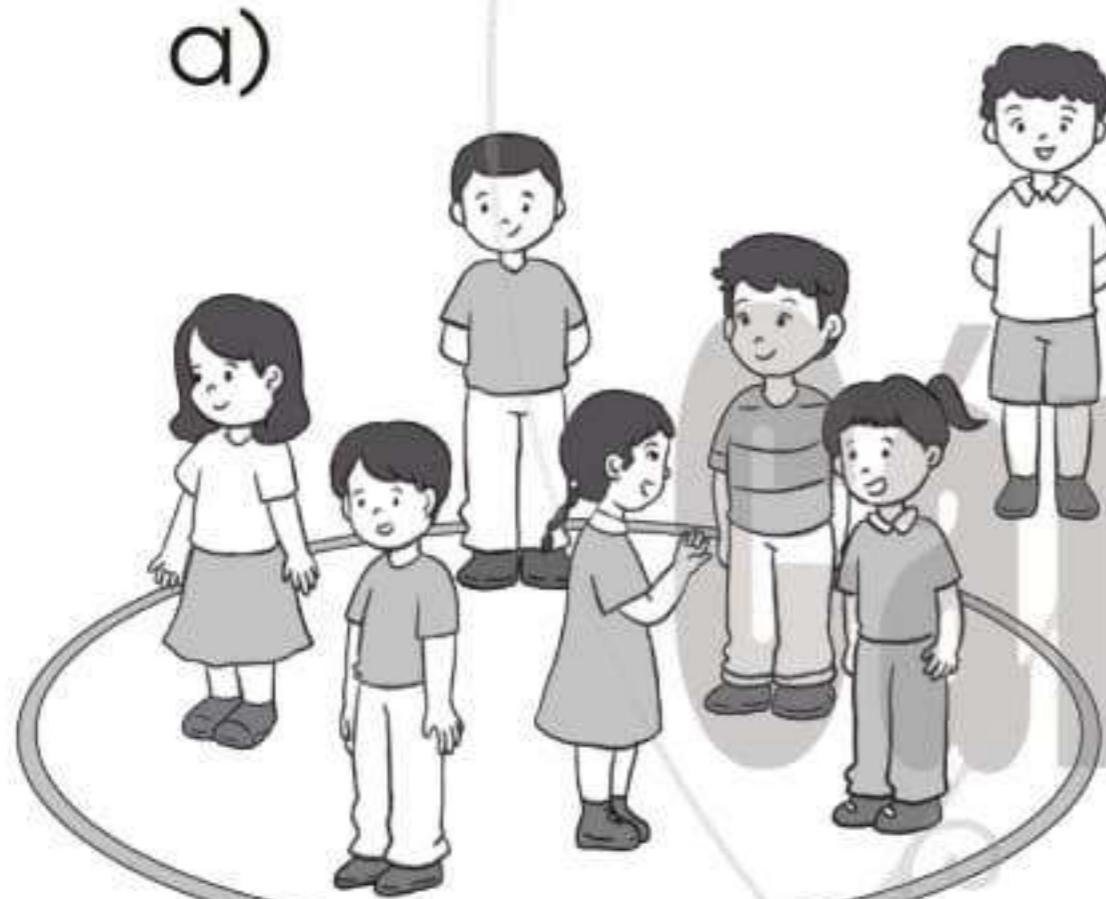


D

5

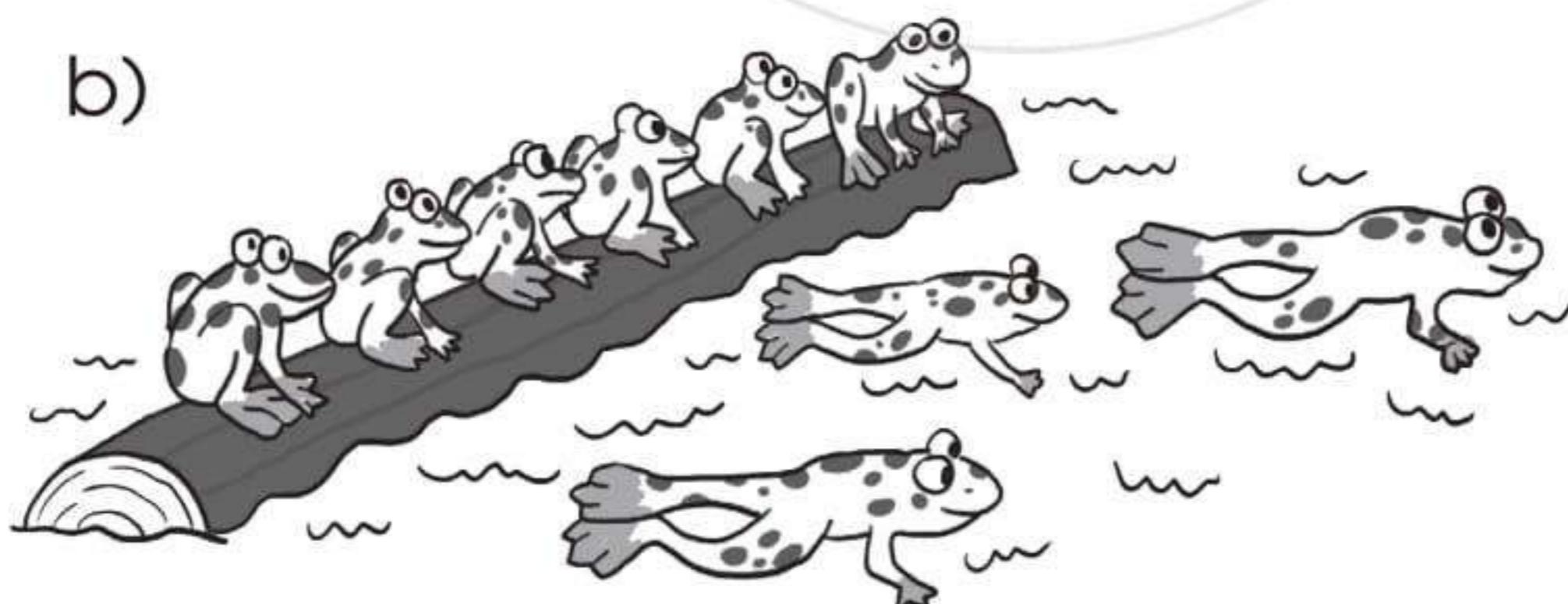
Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square + \square = \square$$

b)

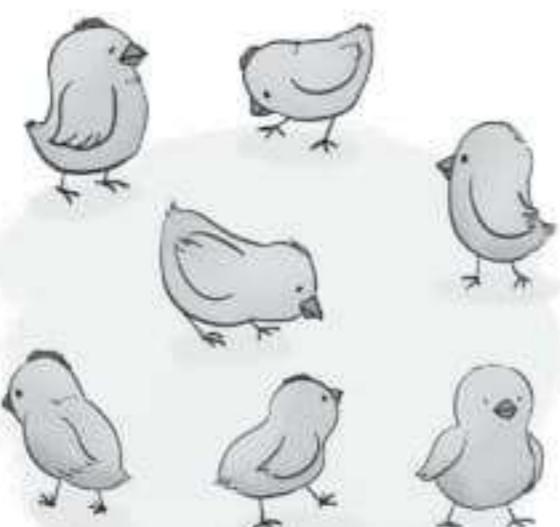


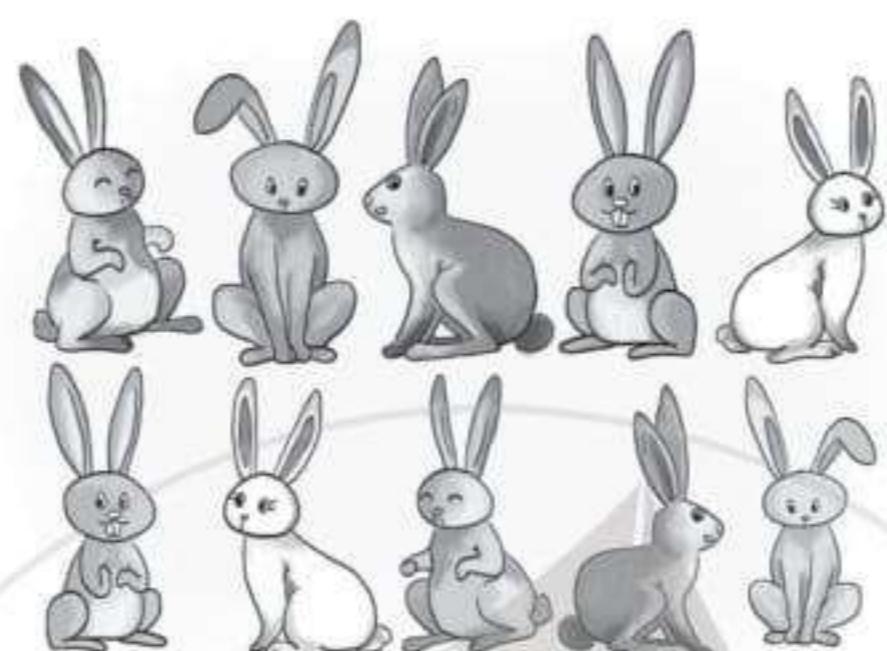
$$\square + \square = \square$$

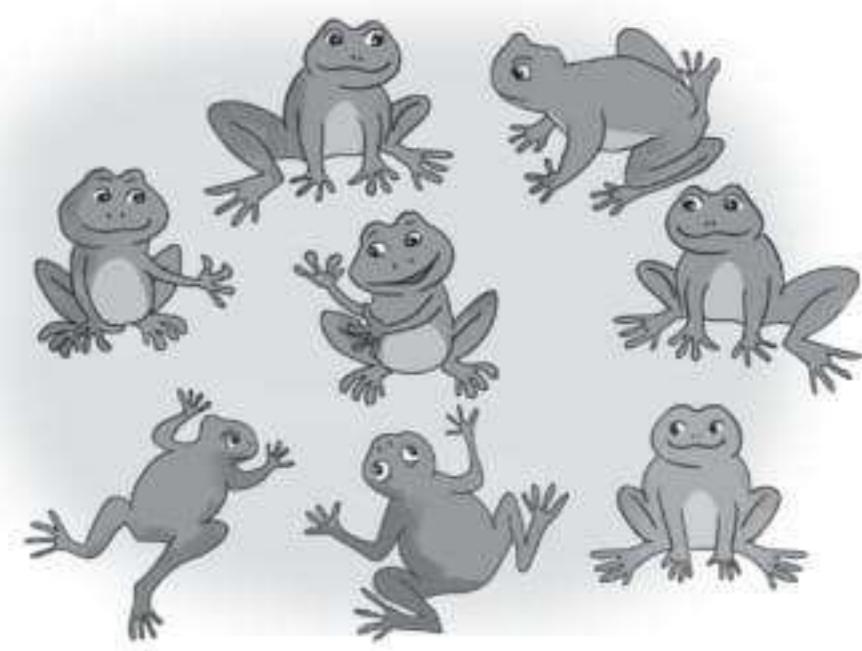
# Bài 38 ÔN TẬP

1

Số ?

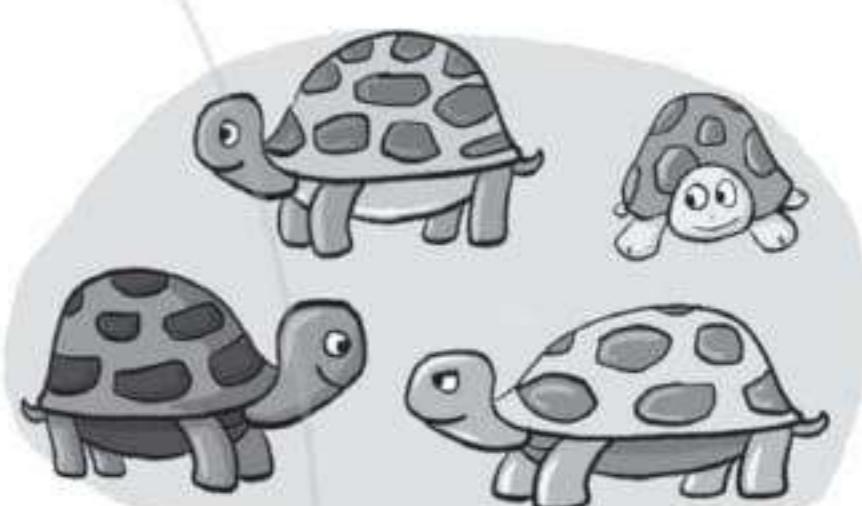













2

a)  $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$  ?

$$3 \boxed{\quad} 8$$

$$4 \boxed{\quad} 0$$

$$10 \boxed{\quad} 0$$

$$6 \boxed{\quad} 6$$

$$7 \boxed{\quad} 9$$

$$9 \boxed{\quad} 6$$

b) Viết các số 5, 3, 9, 8 theo thứ tự từ bé đến lớn:

3

Tính nhẩm:

$$6 + 3 = \dots$$

$$5 + 5 = \dots$$

$$8 - 2 = \dots$$

$$5 - 4 = \dots$$

$$1 + 8 = \dots$$

$$9 + 0 = \dots$$

$$6 - 6 = \dots$$

$$10 - 0 = \dots$$

4

Số ?

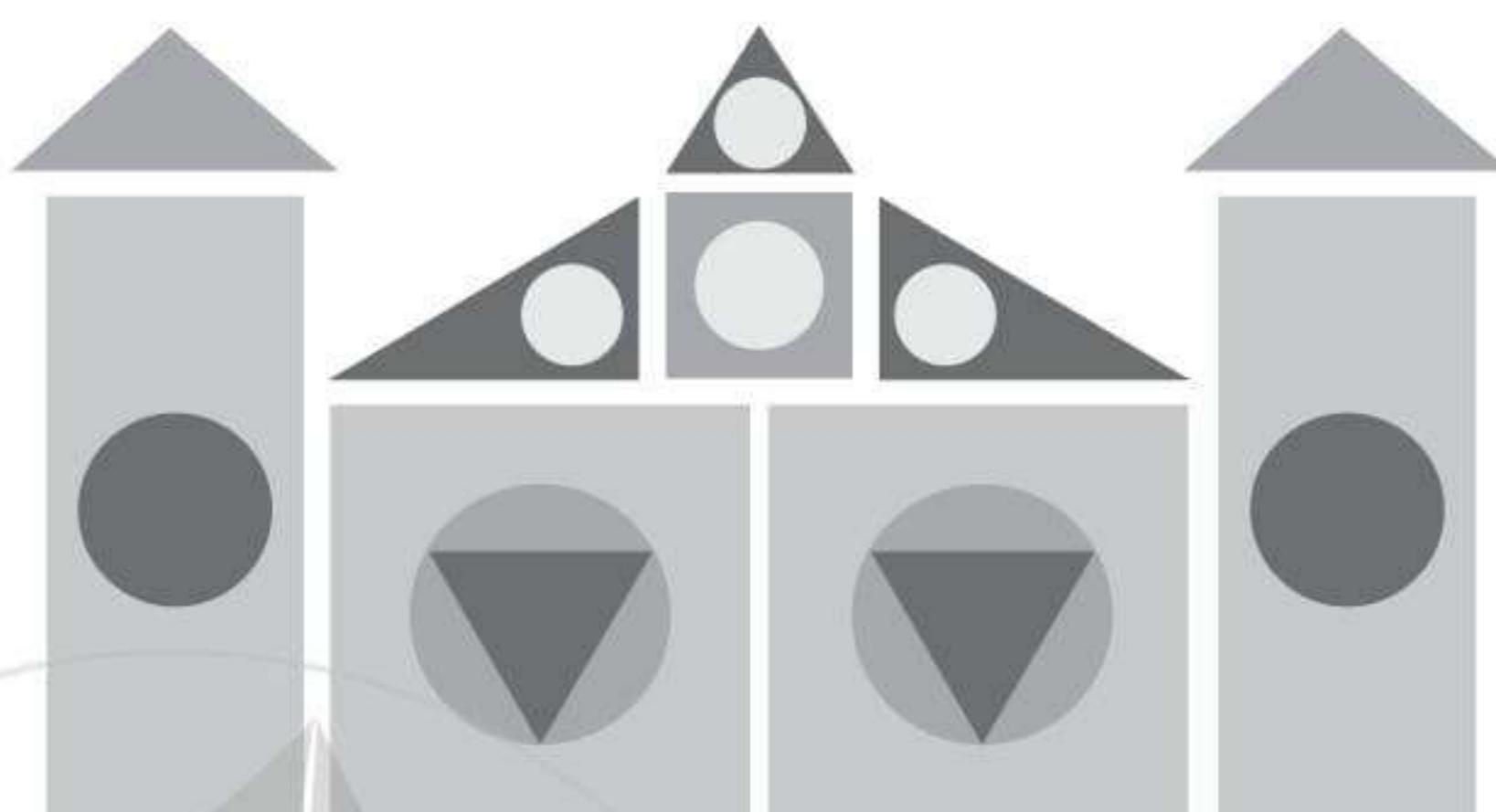
a) Hình bên có:

hình vuông

hình tròn

hình tam giác

hình chữ nhật

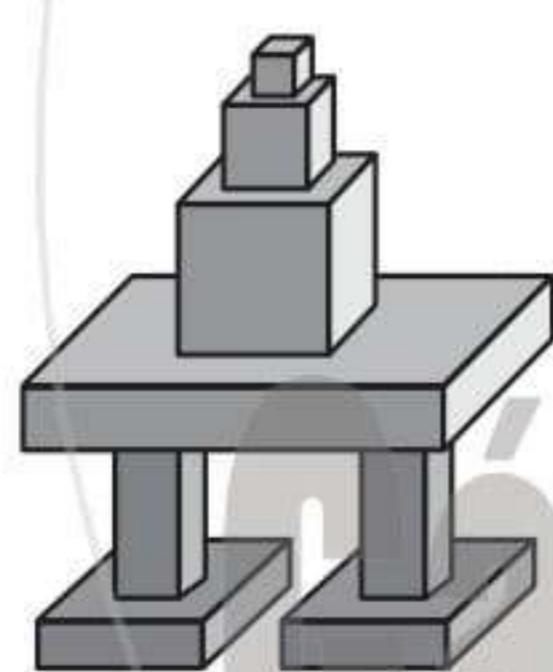


b)

Hình A có:

khối hộp chữ nhật

khối lập phương

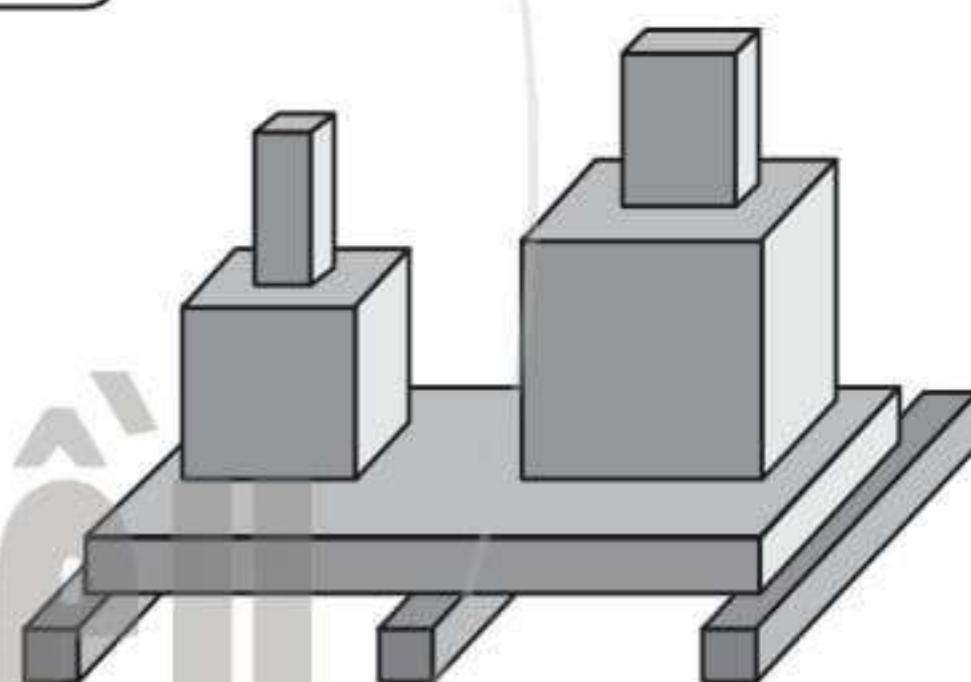


A

Hình B có:

khối hộp chữ nhật

khối lập phương

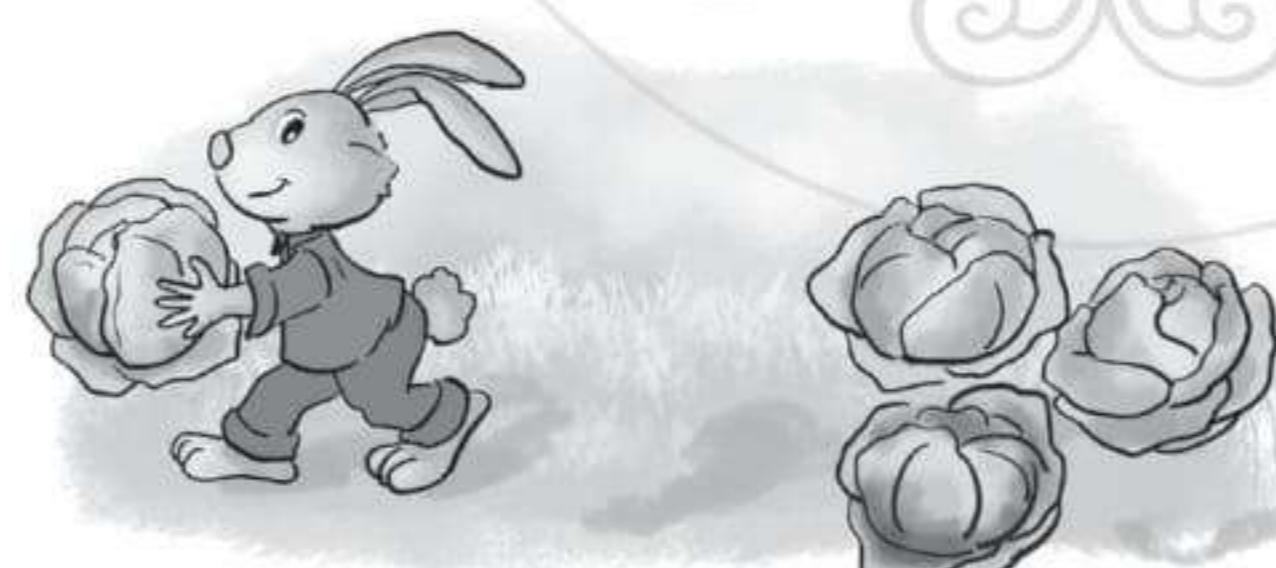


B

5

Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square + \square = \square$$

b)



$$\square + \square = \square$$

## MỤC LỤC

Hướng dẫn sử dụng Vở bài tập Toán 1	3
BÀI 1. Trên – Dưới. Phải – Trái. Trước – Sau. Ở giữa	4
BÀI 2. Hình vuông – Hình tròn – Hình tam giác – Hình chữ nhật	6
BÀI 3. Các số 1, 2, 3	8
BÀI 4. Các số 4, 5, 6	10
BÀI 5. Các số 7, 8, 9	12
BÀI 6. Số 0	14
BÀI 7. Số 10	16
BÀI 8. Luyện tập	18
BÀI 9. Nhiều hơn – Ít hơn – Bằng nhau	20
BÀI 10. Lớn hơn, dấu >. Bé hơn, dấu <. Bằng nhau, dấu =	21
BÀI 11. Luyện tập	23
BÀI 12. Em ôn lại những gì đã học	24
BÀI 13. Bài kiểm tra số 1	27
BÀI 14. Làm quen với Phép cộng – Dấu cộng	29
BÀI 15. Làm quen với Phép cộng – Dấu cộng (tiếp theo)	30
BÀI 16. Phép cộng trong phạm vi 6	31
BÀI 17. Phép cộng trong phạm vi 6 (tiếp theo)	32
BÀI 18. Luyện tập	34
BÀI 19. Phép cộng trong phạm vi 10	36
BÀI 20. Luyện tập	37
BÀI 21. Phép cộng trong phạm vi 10 (tiếp theo)	39
BÀI 22. Luyện tập	41
BÀI 23. Khối hộp chữ nhật – Khối lập phương	43
BÀI 24. Làm quen với Phép trừ – Dấu trừ	45
BÀI 25. Phép trừ trong phạm vi 6	46
BÀI 26. Luyện tập	47
BÀI 27. Phép trừ trong phạm vi 6 (tiếp theo)	49
BÀI 28. Luyện tập	51
BÀI 29. Phép trừ trong phạm vi 10	53
BÀI 30. Luyện tập	54
BÀI 31. Phép trừ trong phạm vi 10 (tiếp theo)	56
BÀI 32. Luyện tập	58
BÀI 33. Luyện tập	60
BÀI 34. Luyện tập	62
BÀI 35. Luyện tập chung	64
BÀI 36. Em ôn lại những gì đã học	66
BÀI 37. Bài kiểm tra số 2	68
BÀI 38. Ôn tập	70

## NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**Địa chỉ:** Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thuỷ, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**Điện thoại:** 024.37547735 | **Fax:** 024.37547911

**Email:** nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

### ***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

### ***Chịu trách nhiệm nội dung:***

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

### ***Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:***

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

*Biên tập:*

NGUYỄN THỊ NGÂN

*Thiết kế sách:*

PHAN THỊ LƯƠNG

*Trình bày bìa:*

LƯU CHÍ ĐỒNG

*Sửa bản in:*

LÊ HUY ĐAN

*Trong sách có sử dụng tư liệu, hình ảnh của một số tác giả. Trân trọng cảm ơn.*

## VỞ BÀI TẬP TOÁN 1 - TẬP MỘT

Mã số: .....

ISBN: .....

In ..... cuốn, khổ 17 x 24cm, tại .....

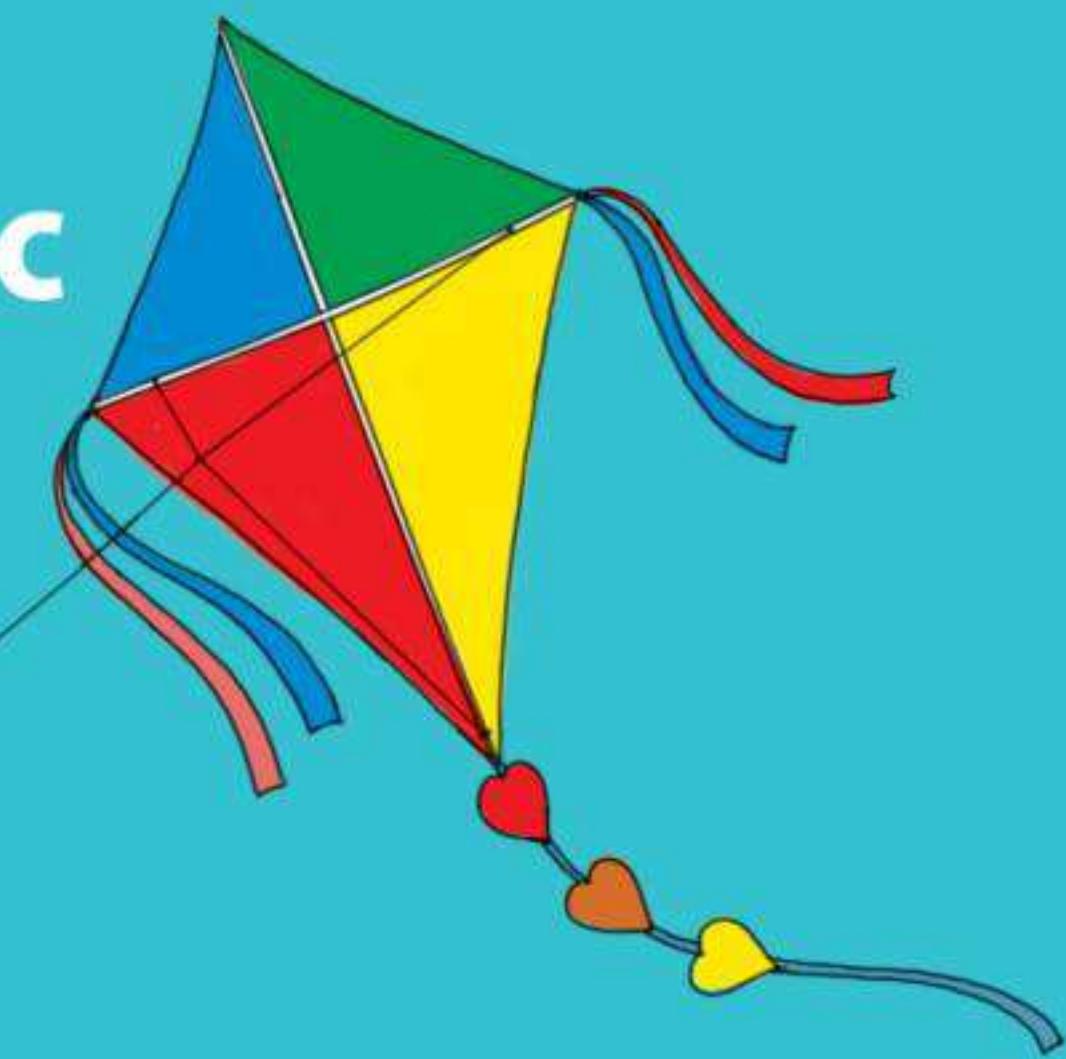
Địa chỉ: .....

Số xác nhận đăng ký xuất bản: .....

Quyết định xuất bản số: ...../QĐ-NXBĐHSP ngày ...../...../.....

In xong và nộp lưu chiểu ..... năm .....

**Mang cuộc sống vào bài học  
Đưa bài học vào cuộc sống**



**BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1  
Cánh Diều**

1. Tiếng Việt 1 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 1
3. Đạo đức 1
4. Tự nhiên và Xã hội 1
5. Giáo dục thể chất 1
6. Âm nhạc 1
7. Mĩ thuật 1
8. Hoạt động trải nghiệm 1

**TÌM ĐỌC**

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 1 (Cánh Diều)  
THEO TỪNG MÔN HỌC



Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập trang  
web: <https://canhdieu.monkey.edu.vn>

**TEM CHỐNG GIẢ**

ISBN 978-604-54-8013-7

A standard linear barcode representing the ISBN number 978-604-54-8013-7.

9 786045 480137